

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 25/10/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 25/10/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 25/10/2024: Trước 16h30' ngày 22/10/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 22/10/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	30M-141.86	Hà Nội	1639	30M-174.66	Hà Nội	3239	30M-143.00	Hà Nội
40	30M-146.41	Hà Nội	1640	30M-186.55	Hà Nội	3240	30M-148.66	Hà Nội
41	30M-151.69	Hà Nội	1641	30M-191.44	Hà Nội	3241	30M-152.33	Hà Nội
42	30M-157.75	Hà Nội	1642	30M-191.92	Hà Nội	3242	30M-159.33	Hà Nội
43	30M-163.33	Hà Nội	1643	30M-193.22	Hà Nội	3243	30M-175.79	Hà Nội
44	30M-165.00	Hà Nội	1644	30M-199.44	Hà Nội	3244	30M-182.69	Hà Nội
45	30M-171.11	Hà Nội	1645	30M-211.69	Hà Nội	3245	30M-186.99	Hà Nội
46	30M-173.66	Hà Nội	1646	30M-212.55	Hà Nội	3246	30M-193.00	Hà Nội
47	30M-173.68	Hà Nội	1647	30M-213.00	Hà Nội	3247	30M-201.22	Hà Nội
48	30M-204.22	Hà Nội	1648	30M-216.79	Hà Nội	3248	30M-204.88	Hà Nội
49	30M-214.22	Hà Nội	1649	30M-219.00	Hà Nội	3249	30M-205.86	Hà Nội
50	30M-216.44	Hà Nội	1650	30M-223.66	Hà Nội	3250	30M-207.00	Hà Nội
51	30M-221.88	Hà Nội	1651	30M-223.68	Hà Nội	3251	30M-215.99	Hà Nội
52	30M-222.67	Hà Nội	1652	30M-224.22	Hà Nội	3252	30M-219.79	Hà Nội
53	30M-227.27	Hà Nội	1653	30M-225.44	Hà Nội	3253	30M-220.66	Hà Nội
54	30M-229.92	Hà Nội	1654	30M-227.00	Hà Nội	3254	30M-223.44	Hà Nội
55	30M-231.23	Hà Nội	1655	30M-235.86	Hà Nội	3255	30M-232.11	Hà Nội
56	30M-235.32	Hà Nội	1656	30M-252.99	Hà Nội	3256	30M-249.22	Hà Nội
57	30M-236.11	Hà Nội	1657	30M-259.11	Hà Nội	3257	30M-250.88	Hà Nội
58	30M-238.77	Hà Nội	1658	30M-267.11	Hà Nội	3258	30M-254.77	Hà Nội
59	30M-239.68	Hà Nội	1659	30M-281.33	Hà Nội	3259	30M-274.27	Hà Nội
60	30M-246.22	Hà Nội	1660	30M-291.89	Hà Nội	3260	30M-282.99	Hà Nội
61	30M-259.39	Hà Nội	1661	30M-292.86	Hà Nội	3261	30M-285.82	Hà Nội
62	30M-272.66	Hà Nội	1662	30M-306.79	Hà Nội	3262	30M-309.77	Hà Nội
63	30M-282.55	Hà Nội	1663	30M-310.10	Hà Nội	3263	30M-316.11	Hà Nội
64	30M-284.00	Hà Nội	1664	30M-311.39	Hà Nội	3264	30M-318.19	Hà Nội
65	30M-291.92	Hà Nội	1665	30M-314.41	Hà Nội	3265	30M-323.33	Hà Nội
66	30M-299.68	Hà Nội	1666	30M-314.99	Hà Nội	3266	30M-331.31	Hà Nội
67	30M-315.00	Hà Nội	1667	30M-318.18	Hà Nội	3267	30M-333.08	Hà Nội
68	30M-318.55	Hà Nội	1668	30M-323.11	Hà Nội	3268	30M-337.68	Hà Nội
69	30M-325.86	Hà Nội	1669	30M-333.67	Hà Nội	3269	30M-352.00	Hà Nội
70	30M-350.77	Hà Nội	1670	30M-337.55	Hà Nội	3270	30M-355.66	Hà Nội
71	30M-364.99	Hà Nội	1671	30M-349.55	Hà Nội	3271	30M-371.55	Hà Nội
72	30M-366.11	Hà Nội	1672	30M-356.68	Hà Nội	3272	30M-380.33	Hà Nội
73	30M-367.67	Hà Nội	1673	30M-361.61	Hà Nội	3273	30M-392.39	Hà Nội
74	30M-378.37	Hà Nội	1674	30M-362.79	Hà Nội	3274	30M-392.44	Hà Nội
75	30M-381.11	Hà Nội	1675	30M-369.11	Hà Nội	3275	30M-394.00	Hà Nội
76	30M-389.96	Hà Nội	1676	30M-377.44	Hà Nội	3276	30M-394.66	Hà Nội
77	30M-398.66	Hà Nội	1677	30M-383.33	Hà Nội	3277	51L-220.68	Hồ Chí Minh
78	30M-399.11	Hà Nội	1678	30M-384.84	Hà Nội	3278	51L-913.89	Hồ Chí Minh
79	30M-400.99	Hà Nội	1679	30M-400.01	Hà Nội	3279	51L-914.88	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-404.89	Hà Nội	1680	30M-400.44	Hà Nội	3280	51L-927.66	Hồ Chí Minh
81	30M-406.44	Hà Nội	1681	30M-403.39	Hà Nội	3281	51L-934.43	Hồ Chí Minh
82	30M-413.14	Hà Nội	1682	30M-412.55	Hà Nội	3282	51L-937.77	Hồ Chí Minh
83	30M-416.16	Hà Nội	1683	30M-417.44	Hà Nội	3283	51L-953.44	Hồ Chí Minh
84	30M-417.39	Hà Nội	1684	30M-418.55	Hà Nội	3284	51L-954.59	Hồ Chí Minh
85	30M-420.68	Hà Nội	1685	51L-137.37	Hồ Chí Minh	3285	51L-967.99	Hồ Chí Minh
86	51L-900.22	Hồ Chí Minh	1686	51L-910.11	Hồ Chí Minh	3286	51L-972.77	Hồ Chí Minh
87	51L-901.33	Hồ Chí Minh	1687	51L-918.81	Hồ Chí Minh	3287	51L-983.68	Hồ Chí Minh
88	51L-902.00	Hồ Chí Minh	1688	51L-931.69	Hồ Chí Minh	3288	51L-990.86	Hồ Chí Minh
89	51L-902.03	Hồ Chí Minh	1689	51L-938.44	Hồ Chí Minh	3289	51L-998.11	Hồ Chí Minh
90	51L-904.89	Hồ Chí Minh	1690	51L-941.22	Hồ Chí Minh	3290	51M-055.39	Hồ Chí Minh
91	51L-915.16	Hồ Chí Minh	1691	51L-945.86	Hồ Chí Minh	3291	51M-059.59	Hồ Chí Minh
92	51L-931.68	Hồ Chí Minh	1692	51L-953.77	Hồ Chí Minh	3292	51M-061.44	Hồ Chí Minh
93	51L-935.79	Hồ Chí Minh	1693	51L-955.66	Hồ Chí Minh	3293	51M-069.60	Hồ Chí Minh
94	51L-952.33	Hồ Chí Minh	1694	51L-960.79	Hồ Chí Minh	3294	51M-074.22	Hồ Chí Minh
95	51L-956.55	Hồ Chí Minh	1695	51L-961.44	Hồ Chí Minh	3295	51M-081.44	Hồ Chí Minh
96	51L-970.33	Hồ Chí Minh	1696	51L-965.89	Hồ Chí Minh	3296	51M-089.68	Hồ Chí Minh
97	51L-971.44	Hồ Chí Minh	1697	51L-970.97	Hồ Chí Minh	3297	51M-089.86	Hồ Chí Minh
98	51L-972.11	Hồ Chí Minh	1698	51L-974.55	Hồ Chí Minh	3298	51M-098.33	Hồ Chí Minh
99	51L-980.69	Hồ Chí Minh	1699	51L-976.22	Hồ Chí Minh	3299	51M-101.10	Hồ Chí Minh
100	51L-982.00	Hồ Chí Minh	1700	51L-980.88	Hồ Chí Minh	3300	51M-104.68	Hồ Chí Minh
101	51L-990.39	Hồ Chí Minh	1701	51L-982.68	Hồ Chí Minh	3301	51M-110.79	Hồ Chí Minh
102	51L-993.39	Hồ Chí Minh	1702	51L-987.69	Hồ Chí Minh	3302	51M-111.04	Hồ Chí Minh
103	51L-994.66	Hồ Chí Minh	1703	51L-994.79	Hồ Chí Minh	3303	51M-122.55	Hồ Chí Minh
104	51M-052.86	Hồ Chí Minh	1704	51L-995.00	Hồ Chí Minh	3304	51M-127.69	Hồ Chí Minh
105	51M-054.55	Hồ Chí Minh	1705	51L-998.33	Hồ Chí Minh	3305	51M-130.99	Hồ Chí Minh
106	51M-059.77	Hồ Chí Minh	1706	51L-999.18	Hồ Chí Minh	3306	51M-131.33	Hồ Chí Minh
107	51M-062.89	Hồ Chí Minh	1707	51M-053.79	Hồ Chí Minh	3307	51M-138.33	Hồ Chí Minh
108	51M-066.00	Hồ Chí Minh	1708	51M-055.22	Hồ Chí Minh	3308	51M-143.89	Hồ Chí Minh
109	51M-070.44	Hồ Chí Minh	1709	51M-061.11	Hồ Chí Minh	3309	51M-145.11	Hồ Chí Minh
110	51M-070.70	Hồ Chí Minh	1710	51M-077.39	Hồ Chí Minh	3310	51M-148.41	Hồ Chí Minh
111	51M-080.99	Hồ Chí Minh	1711	51M-077.88	Hồ Chí Minh	3311	51M-155.88	Hồ Chí Minh
112	51M-086.39	Hồ Chí Minh	1712	51M-089.55	Hồ Chí Minh	3312	51M-157.86	Hồ Chí Minh
113	51M-096.22	Hồ Chí Minh	1713	51M-090.09	Hồ Chí Minh	3313	51M-158.15	Hồ Chí Minh
114	51M-104.86	Hồ Chí Minh	1714	51M-095.44	Hồ Chí Minh	3314	51M-165.00	Hồ Chí Minh
115	51M-108.10	Hồ Chí Minh	1715	51M-102.11	Hồ Chí Minh	3315	51M-165.61	Hồ Chí Minh
116	51M-111.03	Hồ Chí Minh	1716	51M-107.66	Hồ Chí Minh	3316	51M-167.44	Hồ Chí Minh
117	51M-111.38	Hồ Chí Minh	1717	51M-116.61	Hồ Chí Minh	3317	51M-182.33	Hồ Chí Minh
118	51M-131.79	Hồ Chí Minh	1718	51M-119.91	Hồ Chí Minh	3318	51M-182.81	Hồ Chí Minh
119	51M-146.39	Hồ Chí Minh	1719	51M-121.21	Hồ Chí Minh	3319	51M-183.55	Hồ Chí Minh
120	51M-152.53	Hồ Chí Minh	1720	51M-123.24	Hồ Chí Minh	3320	51M-183.66	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	51M-156.15	Hồ Chí Minh	1721	51M-128.44	Hồ Chí Minh	3321	51M-199.88	Hồ Chí Minh
122	51M-162.39	Hồ Chí Minh	1722	51M-129.21	Hồ Chí Minh	3322	51M-203.68	Hồ Chí Minh
123	51M-163.22	Hồ Chí Minh	1723	51M-137.00	Hồ Chí Minh	3323	51M-207.33	Hồ Chí Minh
124	51M-175.88	Hồ Chí Minh	1724	51M-141.42	Hồ Chí Minh	3324	51M-209.00	Hồ Chí Minh
125	51M-176.89	Hồ Chí Minh	1725	51M-142.41	Hồ Chí Minh	3325	51M-209.86	Hồ Chí Minh
126	51M-188.22	Hồ Chí Minh	1726	51M-146.77	Hồ Chí Minh	3326	51M-210.12	Hồ Chí Minh
127	51M-193.22	Hồ Chí Minh	1727	51M-149.44	Hồ Chí Minh	3327	51M-233.22	Hồ Chí Minh
128	51M-195.77	Hồ Chí Minh	1728	51M-164.46	Hồ Chí Minh	3328	51M-233.23	Hồ Chí Minh
129	51M-205.79	Hồ Chí Minh	1729	51M-172.17	Hồ Chí Minh	3329	51M-243.34	Hồ Chí Minh
130	51M-223.39	Hồ Chí Minh	1730	51M-179.22	Hồ Chí Minh	3330	51M-253.44	Hồ Chí Minh
131	51M-225.52	Hồ Chí Minh	1731	51M-180.69	Hồ Chí Minh	3331	51M-264.22	Hồ Chí Minh
132	51M-230.89	Hồ Chí Minh	1732	51M-180.99	Hồ Chí Minh	3332	51M-266.39	Hồ Chí Minh
133	51M-244.88	Hồ Chí Minh	1733	51M-182.18	Hồ Chí Minh	3333	51M-266.62	Hồ Chí Minh
134	51M-259.55	Hồ Chí Minh	1734	51M-198.55	Hồ Chí Minh	3334	51M-268.55	Hồ Chí Minh
135	51M-259.95	Hồ Chí Minh	1735	51M-205.00	Hồ Chí Minh	3335	51M-276.33	Hồ Chí Minh
136	51M-260.69	Hồ Chí Minh	1736	51M-216.17	Hồ Chí Minh	3336	51M-280.80	Hồ Chí Minh
137	51M-265.62	Hồ Chí Minh	1737	51M-216.21	Hồ Chí Minh	3337	51M-283.33	Hồ Chí Minh
138	51M-267.39	Hồ Chí Minh	1738	51M-220.44	Hồ Chí Minh	3338	51M-283.79	Hồ Chí Minh
139	51M-280.79	Hồ Chí Minh	1739	51M-227.66	Hồ Chí Minh	3339	51M-285.33	Hồ Chí Minh
140	51M-282.00	Hồ Chí Minh	1740	51M-233.99	Hồ Chí Minh	3340	51M-287.33	Hồ Chí Minh
141	51N-001.22	Hồ Chí Minh	1741	51M-234.22	Hồ Chí Minh	3341	51M-294.88	Hồ Chí Minh
142	51N-013.22	Hồ Chí Minh	1742	51M-242.33	Hồ Chí Minh	3342	51M-304.68	Hồ Chí Minh
143	51N-020.21	Hồ Chí Minh	1743	51M-243.22	Hồ Chí Minh	3343	51M-310.79	Hồ Chí Minh
144	51N-025.20	Hồ Chí Minh	1744	51M-253.53	Hồ Chí Minh	3344	51N-000.36	Hồ Chí Minh
145	51N-051.51	Hồ Chí Minh	1745	51M-254.33	Hồ Chí Minh	3345	51N-019.86	Hồ Chí Minh
146	51N-055.69	Hồ Chí Minh	1746	51M-262.33	Hồ Chí Minh	3346	51N-020.77	Hồ Chí Minh
147	51N-056.00	Hồ Chí Minh	1747	51M-273.88	Hồ Chí Minh	3347	51N-024.77	Hồ Chí Minh
148	51N-067.55	Hồ Chí Minh	1748	51M-274.22	Hồ Chí Minh	3348	51N-028.68	Hồ Chí Minh
149	51N-073.73	Hồ Chí Minh	1749	51M-277.33	Hồ Chí Minh	3349	51N-029.86	Hồ Chí Minh
150	51N-078.77	Hồ Chí Minh	1750	51M-295.99	Hồ Chí Minh	3350	51N-035.30	Hồ Chí Minh
151	51N-101.01	Hồ Chí Minh	1751	51M-304.88	Hồ Chí Minh	3351	51N-038.03	Hồ Chí Minh
152	51N-107.99	Hồ Chí Minh	1752	51N-000.17	Hồ Chí Minh	3352	51N-047.44	Hồ Chí Minh
153	51N-111.25	Hồ Chí Minh	1753	51N-000.19	Hồ Chí Minh	3353	51N-052.55	Hồ Chí Minh
154	51N-120.68	Hồ Chí Minh	1754	51N-001.00	Hồ Chí Minh	3354	51N-061.60	Hồ Chí Minh
155	51N-121.88	Hồ Chí Minh	1755	51N-005.69	Hồ Chí Minh	3355	51N-073.22	Hồ Chí Minh
156	51N-122.33	Hồ Chí Minh	1756	51N-008.99	Hồ Chí Minh	3356	51N-078.86	Hồ Chí Minh
157	51N-124.25	Hồ Chí Minh	1757	51N-019.68	Hồ Chí Minh	3357	51N-079.69	Hồ Chí Minh
158	51N-126.22	Hồ Chí Minh	1758	51N-029.69	Hồ Chí Minh	3358	51N-104.05	Hồ Chí Minh
159	51N-137.37	Hồ Chí Minh	1759	51N-037.66	Hồ Chí Minh	3359	51N-106.86	Hồ Chí Minh
160	51N-143.00	Hồ Chí Minh	1760	51N-043.44	Hồ Chí Minh	3360	51N-120.89	Hồ Chí Minh
161	51N-146.33	Hồ Chí Minh	1761	51N-045.77	Hồ Chí Minh	3361	51N-128.69	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51N-148.48	Hồ Chí Minh	1762	51N-045.89	Hồ Chí Minh	3362	51N-139.31	Hồ Chí Minh
163	51N-153.39	Hồ Chí Minh	1763	51N-047.68	Hồ Chí Minh	3363	51N-140.11	Hồ Chí Minh
164	11C-090.22	Cao Bằng	1764	51N-049.22	Hồ Chí Minh	3364	51N-145.39	Hồ Chí Minh
165	12A-268.39	Lạng Sơn	1765	51N-060.06	Hồ Chí Minh	3365	51N-152.00	Hồ Chí Minh
166	14B-054.86	Quảng Ninh	1766	51N-063.66	Hồ Chí Minh	3366	11B-016.00	Cao Bằng
167	14C-450.55	Quảng Ninh	1767	51N-074.79	Hồ Chí Minh	3367	11C-087.22	Cao Bằng
168	14K-000.14	Quảng Ninh	1768	51N-083.44	Hồ Chí Minh	3368	12A-271.68	Lạng Sơn
169	14K-012.55	Quảng Ninh	1769	51N-084.69	Hồ Chí Minh	3369	12C-139.77	Lạng Sơn
170	14K-016.39	Quảng Ninh	1770	51N-092.77	Hồ Chí Minh	3370	14A-992.68	Quảng Ninh
171	14K-020.79	Quảng Ninh	1771	51N-101.02	Hồ Chí Minh	3371	14A-992.79	Quảng Ninh
172	14K-021.88	Quảng Ninh	1772	51N-111.77	Hồ Chí Minh	3372	14B-055.50	Quảng Ninh
173	14K-022.23	Quảng Ninh	1773	51N-116.99	Hồ Chí Minh	3373	14C-450.79	Quảng Ninh
174	14K-023.02	Quảng Ninh	1774	51N-119.79	Hồ Chí Minh	3374	14C-453.99	Quảng Ninh
175	14K-029.69	Quảng Ninh	1775	51N-126.79	Hồ Chí Minh	3375	14C-454.44	Quảng Ninh
176	14K-033.89	Quảng Ninh	1776	51N-127.68	Hồ Chí Minh	3376	14C-455.45	Quảng Ninh
177	15C-481.18	Hải Phòng	1777	11A-139.33	Cao Bằng	3377	14C-461.11	Quảng Ninh
178	15C-482.79	Hải Phòng	1778	11A-140.14	Cao Bằng	3378	14C-465.89	Quảng Ninh
179	15K-346.79	Hải Phòng	1779	11C-090.91	Cao Bằng	3379	14C-467.68	Quảng Ninh
180	15K-444.69	Hải Phòng	1780	12A-264.46	Lạng Sơn	3380	14C-467.99	Quảng Ninh
181	15K-446.11	Hải Phòng	1781	12A-271.88	Lạng Sơn	3381	14D-031.66	Quảng Ninh
182	15K-450.05	Hải Phòng	1782	12B-016.86	Lạng Sơn	3382	14D-032.00	Quảng Ninh
183	15K-451.39	Hải Phòng	1783	12B-018.99	Lạng Sơn	3383	14D-032.22	Quảng Ninh
184	15K-454.00	Hải Phòng	1784	12C-141.55	Lạng Sơn	3384	14K-011.68	Quảng Ninh
185	15K-473.89	Hải Phòng	1785	12D-009.99	Lạng Sơn	3385	14K-017.55	Quảng Ninh
186	15K-480.69	Hải Phòng	1786	14C-463.00	Quảng Ninh	3386	14K-021.20	Quảng Ninh
187	15K-507.44	Hải Phòng	1787	14C-470.69	Quảng Ninh	3387	14K-031.55	Quảng Ninh
188	15K-508.77	Hải Phòng	1788	14K-004.11	Quảng Ninh	3388	14K-039.77	Quảng Ninh
189	15K-511.69	Hải Phòng	1789	14K-013.55	Quảng Ninh	3389	14K-041.77	Quảng Ninh
190	17A-496.55	Thái Bình	1790	14K-018.79	Quảng Ninh	3390	15C-493.86	Hải Phòng
191	17A-504.77	Thái Bình	1791	14K-019.22	Quảng Ninh	3391	15K-430.77	Hải Phòng
192	17A-512.55	Thái Bình	1792	14K-020.02	Quảng Ninh	3392	15K-434.11	Hải Phòng
193	17A-513.79	Thái Bình	1793	14K-031.00	Quảng Ninh	3393	15K-437.33	Hải Phòng
194	17C-222.24	Thái Bình	1794	14K-045.68	Quảng Ninh	3394	15K-447.99	Hải Phòng
195	17D-013.55	Thái Bình	1795	14K-048.99	Quảng Ninh	3395	15K-463.63	Hải Phòng
196	17D-017.00	Thái Bình	1796	15C-492.79	Hải Phòng	3396	15K-464.44	Hải Phòng
197	18A-491.79	Nam Định	1797	15C-493.44	Hải Phòng	3397	15K-467.55	Hải Phòng
198	18A-492.00	Nam Định	1798	15D-055.39	Hải Phòng	3398	15K-484.77	Hải Phòng
199	19A-716.61	Phú Thọ	1799	15K-427.55	Hải Phòng	3399	15K-489.33	Hải Phòng
200	19A-718.99	Phú Thọ	1800	15K-430.03	Hải Phòng	3400	15K-497.88	Hải Phòng
201	19A-726.22	Phú Thọ	1801	15K-431.66	Hải Phòng	3401	15K-500.39	Hải Phòng
202	19A-731.32	Phú Thọ	1802	15K-433.79	Hải Phòng	3402	15K-501.50	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	19A-732.23	Phú Thọ	1803	15K-435.55	Hải Phòng	3403	15K-504.99	Hải Phòng
204	19A-749.68	Phú Thọ	1804	15K-440.69	Hải Phòng	3404	15K-508.08	Hải Phòng
205	19A-751.22	Phú Thọ	1805	15K-442.69	Hải Phòng	3405	17A-497.11	Thái Bình
206	19A-751.89	Phú Thọ	1806	15K-442.79	Hải Phòng	3406	17A-497.97	Thái Bình
207	19A-757.33	Phú Thọ	1807	15K-452.83	Hải Phòng	3407	17A-499.44	Thái Bình
208	19C-278.33	Phú Thọ	1808	15K-461.86	Hải Phòng	3408	17A-503.03	Thái Bình
209	19C-278.55	Phú Thọ	1809	15K-467.00	Hải Phòng	3409	17B-030.22	Thái Bình
210	19D-021.55	Phú Thọ	1810	15K-477.11	Hải Phòng	3410	17C-217.39	Thái Bình
211	20A-873.86	Thái Nguyên	1811	15K-478.11	Hải Phòng	3411	17C-222.25	Thái Bình
212	20A-880.77	Thái Nguyên	1812	15K-489.55	Hải Phòng	3412	18A-492.77	Nam Định
213	20A-883.00	Thái Nguyên	1813	15K-493.39	Hải Phòng	3413	18A-501.02	Nam Định
214	20A-884.39	Thái Nguyên	1814	15K-494.99	Hải Phòng	3414	18A-508.66	Nam Định
215	20A-888.59	Thái Nguyên	1815	15K-508.79	Hải Phòng	3415	18D-016.69	Nam Định
216	20A-890.22	Thái Nguyên	1816	17A-504.40	Thái Bình	3416	18D-017.10	Nam Định
217	20A-891.66	Thái Nguyên	1817	17A-511.55	Thái Bình	3417	19A-717.89	Phú Thọ
218	20A-898.55	Thái Nguyên	1818	17D-013.68	Thái Bình	3418	19A-728.79	Phú Thọ
219	20A-899.22	Thái Nguyên	1819	17D-015.55	Thái Bình	3419	19A-738.38	Phú Thọ
220	20A-900.89	Thái Nguyên	1820	18A-492.69	Nam Định	3420	19A-743.47	Phú Thọ
221	20A-907.00	Thái Nguyên	1821	18A-501.22	Nam Định	3421	19A-744.74	Phú Thọ
222	20C-314.55	Thái Nguyên	1822	18A-505.39	Nam Định	3422	19A-747.99	Phú Thọ
223	20C-323.22	Thái Nguyên	1823	18A-509.86	Nam Định	3423	19A-753.00	Phú Thọ
224	20C-324.24	Thái Nguyên	1824	18B-032.11	Nam Định	3424	19B-028.22	Phú Thọ
225	20D-032.55	Thái Nguyên	1825	18C-175.76	Nam Định	3425	19C-264.79	Phú Thọ
226	20D-035.66	Thái Nguyên	1826	19A-717.39	Phú Thọ	3426	19C-269.86	Phú Thọ
227	21A-224.86	Yên Bái	1827	19A-718.77	Phú Thọ	3427	19C-271.11	Phú Thọ
228	21A-229.92	Yên Bái	1828	19A-731.37	Phú Thọ	3428	19C-273.99	Phú Thọ
229	21C-112.66	Yên Bái	1829	19A-731.55	Phú Thọ	3429	20A-865.69	Thái Nguyên
230	22A-283.11	Tuyên Quang	1830	19A-733.77	Phú Thọ	3430	20A-877.39	Thái Nguyên
231	22D-010.00	Tuyên Quang	1831	19A-740.55	Phú Thọ	3431	20A-882.68	Thái Nguyên
232	22D-011.22	Tuyên Quang	1832	19A-753.89	Phú Thọ	3432	20A-885.68	Thái Nguyên
233	23A-164.64	Hà Giang	1833	19A-754.69	Phú Thọ	3433	20A-895.77	Thái Nguyên
234	23A-166.69	Hà Giang	1834	19A-755.57	Phú Thọ	3434	20A-896.79	Thái Nguyên
235	23B-013.88	Hà Giang	1835	19C-269.00	Phú Thọ	3435	20A-901.22	Thái Nguyên
236	23C-090.22	Hà Giang	1836	19C-280.33	Phú Thọ	3436	20B-039.11	Thái Nguyên
237	23C-090.44	Hà Giang	1837	20A-862.39	Thái Nguyên	3437	20C-312.33	Thái Nguyên
238	23D-007.79	Hà Giang	1838	20A-865.89	Thái Nguyên	3438	20C-316.99	Thái Nguyên
239	24A-318.19	Lào Cai	1839	20A-871.87	Thái Nguyên	3439	20C-318.66	Thái Nguyên
240	24A-319.13	Lào Cai	1840	20A-884.99	Thái Nguyên	3440	20C-322.99	Thái Nguyên
241	24A-320.20	Lào Cai	1841	20A-886.11	Thái Nguyên	3441	21A-222.19	Yên Bái
242	24A-321.22	Lào Cai	1842	20A-900.09	Thái Nguyên	3442	21A-223.89	Yên Bái
243	24C-166.44	Lào Cai	1843	20A-904.44	Thái Nguyên	3443	21A-227.27	Yên Bái

ĐI 2
ÔNG
ĐẦU
IQP
/IET
XUẤT

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	24C-168.22	Lào Cai	1844	20C-309.89	Thái Nguyên	3444	21A-230.03	Yên Bái
245	24C-169.61	Lào Cai	1845	20C-318.11	Thái Nguyên	3445	21A-231.79	Yên Bái
246	24D-011.44	Lào Cai	1846	20C-320.22	Thái Nguyên	3446	21C-114.15	Yên Bái
247	25A-087.80	Lai Châu	1847	20C-320.33	Thái Nguyên	3447	21D-009.79	Yên Bái
248	26A-237.22	Sơn La	1848	20C-322.88	Thái Nguyên	3448	22A-270.79	Tuyên Quang
249	26A-242.44	Sơn La	1849	20D-035.79	Thái Nguyên	3449	22A-271.99	Tuyên Quang
250	27B-014.01	Điện Biên	1850	21A-227.79	Yên Bái	3450	22A-273.22	Tuyên Quang
251	27B-015.69	Điện Biên	1851	21C-115.44	Yên Bái	3451	22A-273.69	Tuyên Quang
252	27C-075.44	Điện Biên	1852	21D-010.39	Yên Bái	3452	22A-278.79	Tuyên Quang
253	27C-076.79	Điện Biên	1853	22A-271.44	Tuyên Quang	3453	22A-281.69	Tuyên Quang
254	28A-259.22	Hòa Bình	1854	22A-279.97	Tuyên Quang	3454	22B-017.11	Tuyên Quang
255	28A-260.61	Hòa Bình	1855	22A-282.79	Tuyên Quang	3455	22C-116.55	Tuyên Quang
256	28A-260.86	Hòa Bình	1856	22D-012.69	Tuyên Quang	3456	22C-117.22	Tuyên Quang
257	28C-123.89	Hòa Bình	1857	23A-164.69	Hà Giang	3457	22C-117.68	Tuyên Quang
258	28C-126.89	Hòa Bình	1858	23A-165.00	Hà Giang	3458	22C-117.77	Tuyên Quang
259	28D-014.00	Hòa Bình	1859	23A-165.16	Hà Giang	3459	22D-011.55	Tuyên Quang
260	29B-660.86	Hà Nội	1860	23D-007.68	Hà Giang	3460	23A-165.11	Hà Giang
261	29D-628.99	Hà Nội	1861	24A-317.79	Lào Cai	3461	23B-013.99	Hà Giang
262	29D-635.00	Hà Nội	1862	24A-321.88	Lào Cai	3462	23B-014.99	Hà Giang
263	29K-332.11	Hà Nội	1863	24A-325.99	Lào Cai	3463	23D-008.88	Hà Giang
264	29K-333.31	Hà Nội	1864	24C-170.71	Lào Cai	3464	23D-010.68	Hà Giang
265	29K-337.55	Hà Nội	1865	25A-085.08	Lai Châu	3465	23D-010.86	Hà Giang
266	29K-341.33	Hà Nội	1866	25A-085.44	Lai Châu	3466	24A-320.77	Lào Cai
267	29K-347.99	Hà Nội	1867	25A-088.44	Lai Châu	3467	24A-325.52	Lào Cai
268	29K-352.00	Hà Nội	1868	25C-060.11	Lai Châu	3468	24A-326.39	Lào Cai
269	29K-355.69	Hà Nội	1869	25D-008.08	Lai Châu	3469	24C-168.11	Lào Cai
270	29K-358.59	Hà Nội	1870	25D-008.89	Lai Châu	3470	24D-011.88	Lào Cai
271	29K-362.63	Hà Nội	1871	26A-238.33	Sơn La	3471	25C-061.69	Lai Châu
272	29K-366.63	Hà Nội	1872	26B-020.20	Sơn La	3472	25D-009.88	Lai Châu
273	29K-369.55	Hà Nội	1873	26B-020.69	Sơn La	3473	26A-242.22	Sơn La
274	29K-370.73	Hà Nội	1874	26C-167.61	Sơn La	3474	27A-129.21	Điện Biên
275	29K-372.88	Hà Nội	1875	26D-016.77	Sơn La	3475	27A-132.11	Điện Biên
276	29K-390.89	Hà Nội	1876	27B-016.99	Điện Biên	3476	27B-016.39	Điện Biên
277	29K-391.22	Hà Nội	1877	27D-010.77	Điện Biên	3477	27C-076.67	Điện Biên
278	29K-393.22	Hà Nội	1878	28A-264.68	Hòa Bình	3478	27C-078.11	Điện Biên
279	29K-394.68	Hà Nội	1879	28A-269.68	Hòa Bình	3479	27D-009.00	Điện Biên
280	29K-398.39	Hà Nội	1880	28B-018.18	Hòa Bình	3480	28B-018.11	Hòa Bình
281	29K-402.00	Hà Nội	1881	28C-125.77	Hòa Bình	3481	28B-018.39	Hòa Bình
282	29K-424.55	Hà Nội	1882	29D-627.26	Hà Nội	3482	29B-659.95	Hà Nội
283	29K-427.55	Hà Nội	1883	29D-628.82	Hà Nội	3483	29D-628.22	Hà Nội
284	29K-428.55	Hà Nội	1884	29D-640.55	Hà Nội	3484	29D-629.29	Hà Nội

I - C
 TỶ
 GIÁ
 ANH
 JAM
 I - T.P.H

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	29K-430.44	Hà Nội	1885	29K-329.39	Hà Nội	3485	29D-634.39	Hà Nội
286	29K-433.69	Hà Nội	1886	29K-330.69	Hà Nội	3486	29D-641.33	Hà Nội
287	29K-433.89	Hà Nội	1887	29K-331.55	Hà Nội	3487	29K-326.39	Hà Nội
288	29K-434.11	Hà Nội	1888	29K-333.47	Hà Nội	3488	29K-344.34	Hà Nội
289	29K-434.79	Hà Nội	1889	29K-333.48	Hà Nội	3489	29K-344.99	Hà Nội
290	29K-442.00	Hà Nội	1890	29K-347.22	Hà Nội	3490	29K-351.22	Hà Nội
291	29K-444.86	Hà Nội	1891	29K-354.33	Hà Nội	3491	29K-352.39	Hà Nội
292	29K-456.22	Hà Nội	1892	29K-375.22	Hà Nội	3492	29K-364.89	Hà Nội
293	29K-459.66	Hà Nội	1893	29K-383.68	Hà Nội	3493	29K-365.69	Hà Nội
294	29K-459.96	Hà Nội	1894	29K-400.11	Hà Nội	3494	29K-372.27	Hà Nội
295	29K-477.88	Hà Nội	1895	29K-402.22	Hà Nội	3495	29K-373.73	Hà Nội
296	34A-921.12	Hải Dương	1896	29K-407.66	Hà Nội	3496	29K-384.86	Hà Nội
297	34A-921.88	Hải Dương	1897	29K-418.88	Hà Nội	3497	29K-392.29	Hà Nội
298	34A-934.44	Hải Dương	1898	29K-419.68	Hà Nội	3498	29K-405.22	Hà Nội
299	34A-938.68	Hải Dương	1899	29K-421.69	Hà Nội	3499	29K-406.40	Hà Nội
300	34A-938.69	Hải Dương	1900	29K-421.86	Hà Nội	3500	29K-411.89	Hà Nội
301	34A-973.73	Hải Dương	1901	29K-423.44	Hà Nội	3501	29K-422.42	Hà Nội
302	34A-975.22	Hải Dương	1902	29K-427.88	Hà Nội	3502	29K-429.29	Hà Nội
303	34B-045.22	Hải Dương	1903	29K-440.68	Hà Nội	3503	29K-437.73	Hà Nội
304	34C-437.39	Hải Dương	1904	29K-451.15	Hà Nội	3504	29K-440.79	Hà Nội
305	34C-440.04	Hải Dương	1905	29K-451.45	Hà Nội	3505	29K-449.79	Hà Nội
306	34C-444.40	Hải Dương	1906	29K-452.69	Hà Nội	3506	29K-467.86	Hà Nội
307	35A-375.66	Ninh Bình	1907	29K-458.69	Hà Nội	3507	29K-470.74	Hà Nội
308	35A-475.69	Ninh Bình	1908	29K-460.77	Hà Nội	3508	29K-471.22	Hà Nội
309	35A-482.83	Ninh Bình	1909	34A-926.62	Hải Dương	3509	29K-474.44	Hà Nội
310	35C-185.44	Ninh Bình	1910	34A-935.33	Hải Dương	3510	34A-896.78	Hải Dương
311	35D-018.22	Ninh Bình	1911	34A-939.66	Hải Dương	3511	34A-927.11	Hải Dương
312	36B-049.00	Thanh Hóa	1912	34A-947.88	Hải Dương	3512	34A-937.39	Hải Dương
313	36C-555.02	Thanh Hóa	1913	34A-947.94	Hải Dương	3513	34A-941.22	Hải Dương
314	36C-560.66	Thanh Hóa	1914	34A-975.76	Hải Dương	3514	34A-942.89	Hải Dương
315	36C-566.55	Thanh Hóa	1915	34C-433.44	Hải Dương	3515	34A-943.39	Hải Dương
316	36C-568.55	Thanh Hóa	1916	34C-434.68	Hải Dương	3516	34A-945.86	Hải Dương
317	36C-572.57	Thanh Hóa	1917	34C-435.69	Hải Dương	3517	34A-948.00	Hải Dương
318	36C-577.57	Thanh Hóa	1918	34C-436.79	Hải Dương	3518	34A-949.79	Hải Dương
319	36C-579.22	Thanh Hóa	1919	34C-440.11	Hải Dương	3519	34A-959.22	Hải Dương
320	36C-580.58	Thanh Hóa	1920	34C-445.00	Hải Dương	3520	34A-960.96	Hải Dương
321	36C-581.81	Thanh Hóa	1921	34C-447.89	Hải Dương	3521	34A-962.33	Hải Dương
322	36K-238.22	Thanh Hóa	1922	34C-452.00	Hải Dương	3522	34A-970.79	Hải Dương
323	36K-246.11	Thanh Hóa	1923	34D-039.33	Hải Dương	3523	34B-043.79	Hải Dương
324	36K-263.39	Thanh Hóa	1924	35A-466.55	Ninh Bình	3524	34B-046.39	Hải Dương
325	36K-265.62	Thanh Hóa	1925	35A-473.00	Ninh Bình	3525	34B-046.99	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	36K-273.11	Thanh Hóa	1926	35A-481.79	Ninh Bình	3526	34C-434.99	Hải Dương
327	36K-280.77	Thanh Hóa	1927	35C-183.00	Ninh Bình	3527	34C-438.77	Hải Dương
328	36K-294.88	Thanh Hóa	1928	35D-016.79	Ninh Bình	3528	34C-441.14	Hải Dương
329	36K-300.03	Thanh Hóa	1929	35D-019.22	Ninh Bình	3529	34C-444.78	Hải Dương
330	36K-306.33	Thanh Hóa	1930	36B-047.68	Thanh Hóa	3530	34C-450.69	Hải Dương
331	37C-572.00	Nghệ An	1931	36C-560.68	Thanh Hóa	3531	34D-041.39	Hải Dương
332	37C-578.11	Nghệ An	1932	36C-564.79	Thanh Hóa	3532	35A-469.68	Ninh Bình
333	37C-586.33	Nghệ An	1933	36C-575.75	Thanh Hóa	3533	35A-472.99	Ninh Bình
334	37C-590.33	Nghệ An	1934	36C-577.69	Thanh Hóa	3534	35A-476.55	Ninh Bình
335	37C-590.79	Nghệ An	1935	36C-579.75	Thanh Hóa	3535	35B-025.69	Ninh Bình
336	37D-048.77	Nghệ An	1936	36D-030.99	Thanh Hóa	3536	35C-179.88	Ninh Bình
337	37D-048.88	Nghệ An	1937	36K-237.22	Thanh Hóa	3537	35C-186.55	Ninh Bình
338	37D-049.66	Nghệ An	1938	36K-240.86	Thanh Hóa	3538	35D-016.66	Ninh Bình
339	37D-050.66	Nghệ An	1939	36K-249.44	Thanh Hóa	3539	35D-017.68	Ninh Bình
340	37K-491.44	Nghệ An	1940	36K-249.77	Thanh Hóa	3540	36C-547.77	Thanh Hóa
341	37K-496.89	Nghệ An	1941	36K-260.79	Thanh Hóa	3541	36C-551.69	Thanh Hóa
342	37K-505.33	Nghệ An	1942	36K-263.62	Thanh Hóa	3542	36C-559.66	Thanh Hóa
343	37K-512.12	Nghệ An	1943	36K-273.55	Thanh Hóa	3543	36C-572.79	Thanh Hóa
344	37K-527.55	Nghệ An	1944	36K-278.33	Thanh Hóa	3544	36C-575.57	Thanh Hóa
345	37K-529.79	Nghệ An	1945	36K-279.00	Thanh Hóa	3545	36C-578.44	Thanh Hóa
346	37K-536.86	Nghệ An	1946	37B-048.88	Nghệ An	3546	36D-029.69	Thanh Hóa
347	37K-537.68	Nghệ An	1947	37B-049.79	Nghệ An	3547	36K-232.00	Thanh Hóa
348	37K-538.33	Nghệ An	1948	37C-570.89	Nghệ An	3548	36K-234.00	Thanh Hóa
349	37K-542.77	Nghệ An	1949	37C-577.22	Nghệ An	3549	36K-234.44	Thanh Hóa
350	37K-557.68	Nghệ An	1950	37C-579.11	Nghệ An	3550	36K-253.22	Thanh Hóa
351	37K-557.88	Nghệ An	1951	37C-579.99	Nghệ An	3551	36K-254.69	Thanh Hóa
352	37K-560.66	Nghệ An	1952	37C-586.39	Nghệ An	3552	36K-267.26	Thanh Hóa
353	37K-570.22	Nghệ An	1953	37C-586.77	Nghệ An	3553	36K-283.82	Thanh Hóa
354	37K-571.17	Nghệ An	1954	37K-497.33	Nghệ An	3554	36K-304.03	Thanh Hóa
355	38A-679.89	Hà Tĩnh	1955	37K-530.30	Nghệ An	3555	37C-572.27	Nghệ An
356	38A-679.97	Hà Tĩnh	1956	37K-536.36	Nghệ An	3556	37C-575.86	Nghệ An
357	38A-691.19	Hà Tĩnh	1957	37K-548.54	Nghệ An	3557	37C-581.99	Nghệ An
358	38A-692.69	Hà Tĩnh	1958	37K-551.88	Nghệ An	3558	37D-047.69	Nghệ An
359	38A-693.55	Hà Tĩnh	1959	37K-556.65	Nghệ An	3559	37K-491.89	Nghệ An
360	38A-706.44	Hà Tĩnh	1960	37K-568.56	Nghệ An	3560	37K-492.93	Nghệ An
361	38A-708.00	Hà Tĩnh	1961	37K-570.99	Nghệ An	3561	37K-502.69	Nghệ An
362	38D-021.22	Hà Tĩnh	1962	37K-572.27	Nghệ An	3562	37K-504.40	Nghệ An
363	43A-946.68	Đà Nẵng	1963	37K-575.11	Nghệ An	3563	37K-505.69	Nghệ An
364	43A-946.77	Đà Nẵng	1964	38A-678.89	Hà Tĩnh	3564	37K-524.86	Nghệ An
365	43A-954.68	Đà Nẵng	1965	38A-686.89	Hà Tĩnh	3565	37K-526.25	Nghệ An
366	43A-958.99	Đà Nẵng	1966	38A-692.33	Hà Tĩnh	3566	37K-535.68	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	43A-964.11	Đà Nẵng	1967	38A-695.77	Hà Tĩnh	3567	37K-542.86	Nghệ An
368	43A-975.33	Đà Nẵng	1968	38A-709.79	Hà Tĩnh	3568	37K-544.88	Nghệ An
369	43A-979.66	Đà Nẵng	1969	38B-023.55	Hà Tĩnh	3569	37K-558.86	Nghệ An
370	43C-314.88	Đà Nẵng	1970	38B-024.11	Hà Tĩnh	3570	37K-565.68	Nghệ An
371	43C-323.00	Đà Nẵng	1971	38C-246.00	Hà Tĩnh	3571	37K-568.77	Nghệ An
372	43D-014.66	Đà Nẵng	1972	38D-023.55	Hà Tĩnh	3572	38A-691.00	Hà Tĩnh
373	43D-015.51	Đà Nẵng	1973	43A-953.44	Đà Nẵng	3573	38A-694.49	Hà Tĩnh
374	47A-821.22	Đắk Lắk	1974	43A-955.88	Đà Nẵng	3574	38A-700.11	Hà Tĩnh
375	47A-823.77	Đắk Lắk	1975	43A-958.33	Đà Nẵng	3575	38A-700.88	Hà Tĩnh
376	47A-827.88	Đắk Lắk	1976	43A-958.85	Đà Nẵng	3576	38C-252.11	Hà Tĩnh
377	47A-829.89	Đắk Lắk	1977	43A-971.77	Đà Nẵng	3577	38D-021.39	Hà Tĩnh
378	47A-837.00	Đắk Lắk	1978	43C-314.41	Đà Nẵng	3578	38D-023.00	Hà Tĩnh
379	47A-840.41	Đắk Lắk	1979	47A-838.33	Đắk Lắk	3579	43A-944.99	Đà Nẵng
380	47A-842.68	Đắk Lắk	1980	47A-840.88	Đắk Lắk	3580	43A-954.99	Đà Nẵng
381	47A-850.11	Đắk Lắk	1981	47A-844.68	Đắk Lắk	3581	43A-959.68	Đà Nẵng
382	47A-855.69	Đắk Lắk	1982	47A-854.54	Đắk Lắk	3582	43A-964.79	Đà Nẵng
383	47D-018.89	Đắk Lắk	1983	47A-854.85	Đắk Lắk	3583	43A-967.67	Đà Nẵng
384	48B-015.01	Đắk Nông	1984	47A-858.55	Đắk Lắk	3584	43A-973.11	Đà Nẵng
385	48B-015.77	Đắk Nông	1985	47D-020.44	Đắk Lắk	3585	43A-976.69	Đà Nẵng
386	48D-007.11	Đắk Nông	1986	48A-247.88	Đắk Nông	3586	47A-813.86	Đắk Lắk
387	48D-009.33	Đắk Nông	1987	48A-254.45	Đắk Nông	3587	47A-819.33	Đắk Lắk
388	49A-759.77	Lâm Đồng	1988	48A-259.22	Đắk Nông	3588	47A-835.22	Đắk Lắk
389	49A-765.39	Lâm Đồng	1989	49A-753.57	Lâm Đồng	3589	47A-837.39	Đắk Lắk
390	49A-771.77	Lâm Đồng	1990	49A-758.66	Lâm Đồng	3590	47A-838.44	Đắk Lắk
391	49A-777.11	Lâm Đồng	1991	49A-759.33	Lâm Đồng	3591	47A-838.99	Đắk Lắk
392	49A-781.69	Lâm Đồng	1992	49A-763.22	Lâm Đồng	3592	47A-849.55	Đắk Lắk
393	49C-388.39	Lâm Đồng	1993	49A-765.56	Lâm Đồng	3593	47A-854.86	Đắk Lắk
394	49C-389.86	Lâm Đồng	1994	49A-773.44	Lâm Đồng	3594	47B-043.77	Đắk Lắk
395	49C-396.22	Lâm Đồng	1995	49A-776.77	Lâm Đồng	3595	47C-407.08	Đắk Lắk
396	49C-396.68	Lâm Đồng	1996	49A-777.39	Lâm Đồng	3596	47C-409.77	Đắk Lắk
397	49D-016.10	Lâm Đồng	1997	49A-779.89	Lâm Đồng	3597	47C-409.99	Đắk Lắk
398	51E-347.55	Hồ Chí Minh	1998	49C-384.69	Lâm Đồng	3598	47C-423.33	Đắk Lắk
399	51E-353.53	Hồ Chí Minh	1999	49C-385.99	Lâm Đồng	3599	47C-423.89	Đắk Lắk
400	51E-354.33	Hồ Chí Minh	2000	49C-395.59	Lâm Đồng	3600	47D-021.86	Đắk Lắk
401	60B-080.69	Đồng Nai	2001	49C-397.97	Lâm Đồng	3601	47D-025.55	Đắk Lắk
402	60C-766.44	Đồng Nai	2002	51E-345.79	Hồ Chí Minh	3602	48A-260.66	Đắk Nông
403	60C-767.76	Đồng Nai	2003	51E-355.00	Hồ Chí Minh	3603	48B-013.33	Đắk Nông
404	60C-769.00	Đồng Nai	2004	60C-757.88	Đồng Nai	3604	48B-015.89	Đắk Nông
405	60C-773.11	Đồng Nai	2005	60C-788.77	Đồng Nai	3605	48C-120.12	Đắk Nông
406	60C-777.07	Đồng Nai	2006	60K-630.69	Đồng Nai	3606	48C-122.21	Đắk Nông
407	60C-791.89	Đồng Nai	2007	60K-632.69	Đồng Nai	3607	48D-006.06	Đắk Nông

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	60C-794.33	Đồng Nai	2008	60K-643.55	Đồng Nai	3608	49A-758.86	Lâm Đồng
409	60K-627.77	Đồng Nai	2009	60K-666.23	Đồng Nai	3609	49A-770.89	Lâm Đồng
410	60K-630.11	Đồng Nai	2010	60K-670.99	Đồng Nai	3610	49A-771.00	Lâm Đồng
411	60K-632.33	Đồng Nai	2011	60K-671.99	Đồng Nai	3611	49C-384.83	Lâm Đồng
412	60K-635.77	Đồng Nai	2012	60K-674.77	Đồng Nai	3612	49C-391.55	Lâm Đồng
413	60K-647.64	Đồng Nai	2013	60K-692.86	Đồng Nai	3613	49C-393.79	Lâm Đồng
414	60K-668.69	Đồng Nai	2014	60K-702.20	Đồng Nai	3614	49C-398.68	Lâm Đồng
415	60K-672.99	Đồng Nai	2015	61B-045.39	Bình Dương	3615	51B-715.11	Hồ Chí Minh
416	60K-690.99	Đồng Nai	2016	61C-622.00	Bình Dương	3616	51E-341.11	Hồ Chí Minh
417	61B-044.77	Bình Dương	2017	61C-623.88	Bình Dương	3617	51E-346.33	Hồ Chí Minh
418	61B-045.86	Bình Dương	2018	61C-632.66	Bình Dương	3618	51E-347.44	Hồ Chí Minh
419	61B-046.77	Bình Dương	2019	61C-638.33	Bình Dương	3619	60C-760.22	Đồng Nai
420	61B-046.79	Bình Dương	2020	61K-526.33	Bình Dương	3620	60C-768.99	Đồng Nai
421	61C-615.86	Bình Dương	2021	61K-529.39	Bình Dương	3621	60C-775.75	Đồng Nai
422	61C-619.22	Bình Dương	2022	61K-535.36	Bình Dương	3622	60D-022.88	Đồng Nai
423	61C-638.66	Bình Dương	2023	61K-547.69	Bình Dương	3623	60K-621.12	Đồng Nai
424	61C-641.79	Bình Dương	2024	61K-552.00	Bình Dương	3624	60K-634.43	Đồng Nai
425	61D-023.89	Bình Dương	2025	61K-554.22	Bình Dương	3625	60K-642.68	Đồng Nai
426	61K-519.51	Bình Dương	2026	61K-558.58	Bình Dương	3626	60K-653.69	Đồng Nai
427	61K-534.35	Bình Dương	2027	61K-570.77	Bình Dương	3627	60K-678.44	Đồng Nai
428	61K-540.11	Bình Dương	2028	61K-578.00	Bình Dương	3628	60K-694.77	Đồng Nai
429	61K-541.44	Bình Dương	2029	61K-578.11	Bình Dương	3629	60K-699.88	Đồng Nai
430	61K-549.89	Bình Dương	2030	61K-579.00	Bình Dương	3630	61B-047.68	Bình Dương
431	61K-550.00	Bình Dương	2031	61K-590.39	Bình Dương	3631	61C-611.77	Bình Dương
432	61K-553.86	Bình Dương	2032	61K-594.79	Bình Dương	3632	61C-614.77	Bình Dương
433	61K-563.64	Bình Dương	2033	62A-471.44	Long An	3633	61C-614.79	Bình Dương
434	61K-564.88	Bình Dương	2034	62A-478.68	Long An	3634	61C-633.39	Bình Dương
435	61K-569.33	Bình Dương	2035	62A-482.11	Long An	3635	61K-523.52	Bình Dương
436	61K-569.77	Bình Dương	2036	62C-217.00	Long An	3636	61K-525.11	Bình Dương
437	61K-571.22	Bình Dương	2037	63A-324.77	Tiền Giang	3637	61K-526.69	Bình Dương
438	61K-573.73	Bình Dương	2038	63A-328.32	Tiền Giang	3638	61K-529.25	Bình Dương
439	61K-576.55	Bình Dương	2039	63A-329.68	Tiền Giang	3639	61K-532.00	Bình Dương
440	61K-578.87	Bình Dương	2040	63A-330.44	Tiền Giang	3640	61K-539.89	Bình Dương
441	62A-471.47	Long An	2041	63A-336.55	Tiền Giang	3641	61K-540.69	Bình Dương
442	62A-477.68	Long An	2042	63A-339.89	Tiền Giang	3642	61K-553.69	Bình Dương
443	62A-478.00	Long An	2043	63C-235.39	Tiền Giang	3643	61K-561.69	Bình Dương
444	62A-480.22	Long An	2044	63C-240.11	Tiền Giang	3644	61K-562.88	Bình Dương
445	62A-486.44	Long An	2045	64A-205.68	Vĩnh Long	3645	61K-563.36	Bình Dương
446	62A-488.33	Long An	2046	64A-211.22	Vĩnh Long	3646	61K-567.99	Bình Dương
447	62B-032.30	Long An	2047	64B-017.39	Vĩnh Long	3647	61K-569.65	Bình Dương
448	62C-223.88	Long An	2048	64B-017.69	Vĩnh Long	3648	61K-572.77	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	62D-016.61	Long An	2049	65A-521.33	Cần Thơ	3649	61K-573.88	Bình Dương
450	63A-324.99	Tiền Giang	2050	65A-523.55	Cần Thơ	3650	61K-578.78	Bình Dương
451	63A-325.79	Tiền Giang	2051	65A-528.55	Cần Thơ	3651	61K-580.00	Bình Dương
452	63A-327.00	Tiền Giang	2052	65A-531.13	Cần Thơ	3652	61K-597.95	Bình Dương
453	63A-330.99	Tiền Giang	2053	65C-254.33	Cần Thơ	3653	62A-481.18	Long An
454	63B-033.22	Tiền Giang	2054	65C-259.66	Cần Thơ	3654	62A-481.89	Long An
455	63B-035.99	Tiền Giang	2055	65C-260.33	Cần Thơ	3655	62B-033.66	Long An
456	63C-231.39	Tiền Giang	2056	65C-275.57	Cần Thơ	3656	63A-333.11	Tiền Giang
457	63C-232.86	Tiền Giang	2057	66A-303.00	Đồng Tháp	3657	63A-337.89	Tiền Giang
458	63C-234.33	Tiền Giang	2058	66A-303.33	Đồng Tháp	3658	63B-034.30	Tiền Giang
459	63C-235.33	Tiền Giang	2059	66A-303.39	Đồng Tháp	3659	63C-230.31	Tiền Giang
460	63C-238.66	Tiền Giang	2060	66A-311.89	Đồng Tháp	3660	63C-233.44	Tiền Giang
461	63D-014.86	Tiền Giang	2061	66A-316.39	Đồng Tháp	3661	65B-026.77	Cần Thơ
462	64A-207.79	Vĩnh Long	2062	66B-026.33	Đồng Tháp	3662	65B-027.02	Cần Thơ
463	64A-208.39	Vĩnh Long	2063	66B-027.28	Đồng Tháp	3663	65C-252.55	Cần Thơ
464	64B-016.79	Vĩnh Long	2064	66C-188.89	Đồng Tháp	3664	65C-253.39	Cần Thơ
465	64B-018.19	Vĩnh Long	2065	66D-013.00	Đồng Tháp	3665	65C-253.79	Cần Thơ
466	64B-018.99	Vĩnh Long	2066	67C-192.39	An Giang	3666	65C-268.77	Cần Thơ
467	64B-019.33	Vĩnh Long	2067	67C-197.97	An Giang	3667	65C-271.17	Cần Thơ
468	64B-020.39	Vĩnh Long	2068	67D-012.55	An Giang	3668	65C-274.33	Cần Thơ
469	64C-135.00	Vĩnh Long	2069	68A-368.77	Kiên Giang	3669	65D-010.66	Cần Thơ
470	64C-137.88	Vĩnh Long	2070	68A-375.99	Kiên Giang	3670	66A-306.55	Đồng Tháp
471	64D-009.88	Vĩnh Long	2071	68A-379.00	Kiên Giang	3671	66A-309.69	Đồng Tháp
472	65A-517.77	Cần Thơ	2072	68C-182.77	Kiên Giang	3672	66A-313.39	Đồng Tháp
473	65A-524.88	Cần Thơ	2073	68C-184.79	Kiên Giang	3673	66C-185.66	Đồng Tháp
474	65A-526.25	Cần Thơ	2074	68D-007.22	Kiên Giang	3674	66C-189.44	Đồng Tháp
475	65C-257.33	Cần Thơ	2075	70A-525.69	Tây Ninh	3675	66D-012.86	Đồng Tháp
476	65C-258.66	Cần Thơ	2076	70A-593.39	Tây Ninh	3676	67A-332.00	An Giang
477	65C-269.33	Cần Thơ	2077	70A-593.89	Tây Ninh	3677	67A-334.11	An Giang
478	65C-272.44	Cần Thơ	2078	70A-596.39	Tây Ninh	3678	67A-335.35	An Giang
479	66A-302.22	Đồng Tháp	2079	70A-601.44	Tây Ninh	3679	67A-337.66	An Giang
480	66A-304.44	Đồng Tháp	2080	70C-213.79	Tây Ninh	3680	67A-341.11	An Giang
481	66A-308.77	Đồng Tháp	2081	70C-219.68	Tây Ninh	3681	67C-195.77	An Giang
482	66A-310.39	Đồng Tháp	2082	71A-213.77	Bến Tre	3682	67D-009.22	An Giang
483	66A-310.86	Đồng Tháp	2083	71A-218.69	Bến Tre	3683	68A-376.88	Kiên Giang
484	66A-317.39	Đồng Tháp	2084	71A-222.45	Bến Tre	3684	68C-177.86	Kiên Giang
485	66A-317.71	Đồng Tháp	2085	71A-222.78	Bến Tre	3685	68C-182.33	Kiên Giang
486	66B-024.11	Đồng Tháp	2086	72A-850.51	Bà Rịa - Vũng Tàu	3686	68C-183.33	Kiên Giang
487	66C-183.79	Đồng Tháp	2087	72A-853.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3687	68D-007.11	Kiên Giang
488	67A-331.86	An Giang	2088	72A-856.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3688	69A-172.27	Cà Mau
489	67A-336.63	An Giang	2089	72A-857.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3689	69A-173.99	Cà Mau

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	67B-030.22	An Giang	2090	72A-860.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3690	69B-016.33	Cà Mau
491	67B-030.86	An Giang	2091	72A-862.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3691	69D-006.55	Cà Mau
492	67C-190.11	An Giang	2092	72A-873.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3692	70A-594.66	Tây Ninh
493	67D-011.33	An Giang	2093	72A-881.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3693	70A-594.69	Tây Ninh
494	68D-009.22	Kiên Giang	2094	72B-045.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3694	70A-599.22	Tây Ninh
495	68D-010.00	Kiên Giang	2095	72C-267.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3695	70A-601.55	Tây Ninh
496	69A-171.66	Cà Mau	2096	72C-273.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3696	70A-604.33	Tây Ninh
497	69B-015.89	Cà Mau	2097	72C-274.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3697	70A-607.77	Tây Ninh
498	70A-599.44	Tây Ninh	2098	72D-015.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3698	70A-613.55	Tây Ninh
499	70A-600.55	Tây Ninh	2099	72D-016.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3699	70B-037.73	Tây Ninh
500	70A-605.33	Tây Ninh	2100	73A-370.69	Quảng Bình	3700	70C-218.81	Tây Ninh
501	70D-014.55	Tây Ninh	2101	73A-371.00	Quảng Bình	3701	71A-220.00	Bến Tre
502	71A-219.33	Bến Tre	2102	73A-382.28	Quảng Bình	3702	71A-220.11	Bến Tre
503	71A-222.59	Bến Tre	2103	73C-196.00	Quảng Bình	3703	71A-222.37	Bến Tre
504	71C-135.35	Bến Tre	2104	73D-010.68	Quảng Bình	3704	71A-222.39	Bến Tre
505	72A-845.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2105	73D-012.00	Quảng Bình	3705	71B-024.33	Bến Tre
506	72A-866.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2106	75A-353.35	Thừa Thiên Huế	3706	71C-138.77	Bến Tre
507	72A-867.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2107	75A-395.66	Thừa Thiên Huế	3707	72A-847.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
508	72A-873.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	2108	75A-400.88	Thừa Thiên Huế	3708	72A-856.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
509	72A-874.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2109	75A-401.79	Thừa Thiên Huế	3709	72A-856.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
510	72A-875.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2110	75A-403.04	Thừa Thiên Huế	3710	72A-862.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
511	72C-269.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2111	75C-163.00	Thừa Thiên Huế	3711	72A-867.67	Bà Rịa - Vũng Tàu
512	72C-274.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	2112	75D-010.44	Thừa Thiên Huế	3712	72A-870.70	Bà Rịa - Vũng Tàu
513	72C-282.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2113	75D-012.44	Thừa Thiên Huế	3713	72A-870.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
514	73A-372.88	Quảng Bình	2114	76A-324.11	Quảng Ngãi	3714	72A-871.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
515	73C-193.00	Quảng Bình	2115	76A-329.92	Quảng Ngãi	3715	72A-882.82	Bà Rịa - Vũng Tàu
516	75A-388.89	Thừa Thiên Huế	2116	76A-332.89	Quảng Ngãi	3716	72A-883.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
517	75A-398.66	Thừa Thiên Huế	2117	76A-336.00	Quảng Ngãi	3717	72A-884.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
518	75B-029.77	Thừa Thiên Huế	2118	76A-336.86	Quảng Ngãi	3718	72C-269.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
519	75B-030.22	Thừa Thiên Huế	2119	77A-370.71	Bình Định	3719	72C-279.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
520	75C-158.68	Thừa Thiên Huế	2120	77A-371.73	Bình Định	3720	73A-370.22	Quảng Bình
521	75C-163.77	Thừa Thiên Huế	2121	77B-037.86	Bình Định	3721	73B-017.79	Quảng Bình
522	75D-010.89	Thừa Thiên Huế	2122	77B-038.83	Bình Định	3722	73B-019.66	Quảng Bình
523	75D-012.33	Thừa Thiên Huế	2123	78A-219.39	Phú Yên	3723	73D-009.39	Quảng Bình
524	76A-325.79	Quảng Ngãi	2124	78A-220.68	Phú Yên	3724	73D-011.10	Quảng Bình
525	76A-331.00	Quảng Ngãi	2125	78A-220.86	Phú Yên	3725	73D-011.33	Quảng Bình
526	76C-181.44	Quảng Ngãi	2126	78A-221.00	Phú Yên	3726	74A-281.66	Quảng Trị
527	76D-015.55	Quảng Ngãi	2127	78A-222.01	Phú Yên	3727	74A-284.89	Quảng Trị
528	77A-356.44	Bình Định	2128	78A-225.99	Phú Yên	3728	74C-145.46	Quảng Trị
529	77A-358.22	Bình Định	2129	78D-007.68	Phú Yên	3729	75A-395.99	Thừa Thiên Huế
530	78A-223.79	Phú Yên	2130	79A-571.66	Khánh Hòa	3730	75A-398.39	Thừa Thiên Huế

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	78A-224.79	Phú Yên	2131	79A-577.69	Khánh Hòa	3731	75C-156.89	Thừa Thiên Huế
532	78B-021.77	Phú Yên	2132	79A-584.44	Khánh Hòa	3732	76B-027.88	Quảng Ngãi
533	78C-127.28	Phú Yên	2133	79A-587.11	Khánh Hòa	3733	76B-028.29	Quảng Ngãi
534	79A-584.00	Khánh Hòa	2134	79A-590.00	Khánh Hòa	3734	76C-178.33	Quảng Ngãi
535	79A-586.00	Khánh Hòa	2135	79C-234.32	Khánh Hòa	3735	76C-179.22	Quảng Ngãi
536	79A-595.44	Khánh Hòa	2136	79D-012.88	Khánh Hòa	3736	76C-179.68	Quảng Ngãi
537	79B-043.77	Khánh Hòa	2137	79D-012.89	Khánh Hòa	3737	76C-180.81	Quảng Ngãi
538	79C-231.22	Khánh Hòa	2138	81A-459.68	Gia Lai	3738	76D-012.69	Quảng Ngãi
539	81A-456.11	Gia Lai	2139	81A-461.79	Gia Lai	3739	77A-357.00	Bình Định
540	81A-464.77	Gia Lai	2140	81A-469.77	Gia Lai	3740	77A-368.79	Bình Định
541	81A-472.68	Gia Lai	2141	81A-472.11	Gia Lai	3741	77B-039.33	Bình Định
542	81A-476.68	Gia Lai	2142	81A-474.22	Gia Lai	3742	77B-041.14	Bình Định
543	81A-478.77	Gia Lai	2143	81A-478.79	Gia Lai	3743	77C-262.63	Bình Định
544	81B-028.11	Gia Lai	2144	82A-163.55	Kon Tum	3744	78A-224.68	Phú Yên
545	81B-028.22	Gia Lai	2145	82D-010.89	Kon Tum	3745	78A-225.44	Phú Yên
546	81B-028.44	Gia Lai	2146	82D-011.12	Kon Tum	3746	78B-020.69	Phú Yên
547	81C-293.69	Gia Lai	2147	83A-193.55	Sóc Trăng	3747	79A-581.99	Khánh Hòa
548	81C-297.66	Gia Lai	2148	83C-132.68	Sóc Trăng	3748	79A-584.86	Khánh Hòa
549	82C-097.66	Kon Tum	2149	83C-136.63	Sóc Trăng	3749	79A-587.77	Khánh Hòa
550	82D-011.69	Kon Tum	2150	83C-137.68	Sóc Trăng	3750	79A-590.11	Khánh Hòa
551	82D-013.55	Kon Tum	2151	84D-005.33	Trà Vinh	3751	79A-592.88	Khánh Hòa
552	82D-014.77	Kon Tum	2152	85A-147.79	Ninh Thuận	3752	79A-593.55	Khánh Hòa
553	83A-193.66	Sóc Trăng	2153	85B-014.39	Ninh Thuận	3753	79A-594.22	Khánh Hòa
554	83A-194.33	Sóc Trăng	2154	86A-327.68	Bình Thuận	3754	79B-045.69	Khánh Hòa
555	83A-198.77	Sóc Trăng	2155	86A-327.88	Bình Thuận	3755	79B-045.88	Khánh Hòa
556	83C-134.35	Sóc Trăng	2156	86A-333.07	Bình Thuận	3756	79C-230.99	Khánh Hòa
557	84A-152.22	Trà Vinh	2157	86B-026.11	Bình Thuận	3757	79D-013.44	Khánh Hòa
558	84C-125.22	Trà Vinh	2158	86C-215.22	Bình Thuận	3758	81A-461.33	Gia Lai
559	84C-125.55	Trà Vinh	2159	88A-796.22	Vĩnh Phúc	3759	81A-467.00	Gia Lai
560	84D-007.55	Trà Vinh	2160	88A-798.98	Vĩnh Phúc	3760	81A-467.39	Gia Lai
561	85A-150.55	Ninh Thuận	2161	88A-800.99	Vĩnh Phúc	3761	81B-031.33	Gia Lai
562	85A-151.77	Ninh Thuận	2162	88A-801.88	Vĩnh Phúc	3762	81C-286.55	Gia Lai
563	85B-016.79	Ninh Thuận	2163	88A-810.22	Vĩnh Phúc	3763	81C-292.77	Gia Lai
564	86A-321.55	Bình Thuận	2164	88A-813.31	Vĩnh Phúc	3764	81C-295.99	Gia Lai
565	86A-323.89	Bình Thuận	2165	88A-815.44	Vĩnh Phúc	3765	83A-194.79	Sóc Trăng
566	86B-028.22	Bình Thuận	2166	88B-022.23	Vĩnh Phúc	3766	83A-196.11	Sóc Trăng
567	86C-212.77	Bình Thuận	2167	88B-023.77	Vĩnh Phúc	3767	84A-151.52	Trà Vinh
568	88A-805.68	Vĩnh Phúc	2168	88C-326.11	Vĩnh Phúc	3768	84A-153.99	Trà Vinh
569	88A-807.68	Vĩnh Phúc	2169	88D-021.88	Vĩnh Phúc	3769	84D-005.22	Trà Vinh
570	88A-808.44	Vĩnh Phúc	2170	89A-532.69	Hưng Yên	3770	85A-151.79	Ninh Thuận
571	88A-811.33	Vĩnh Phúc	2171	89A-553.79	Hưng Yên	3771	85D-010.39	Ninh Thuận

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	88A-812.21	Vĩnh Phúc	2172	89A-562.89	Hưng Yên	3772	86A-327.55	Bình Thuận
573	88A-813.44	Vĩnh Phúc	2173	89A-565.89	Hưng Yên	3773	86A-328.69	Bình Thuận
574	88A-816.00	Vĩnh Phúc	2174	89C-346.79	Hưng Yên	3774	86A-329.44	Bình Thuận
575	88A-816.79	Vĩnh Phúc	2175	89C-348.43	Hưng Yên	3775	86D-006.39	Bình Thuận
576	88A-825.52	Vĩnh Phúc	2176	89C-356.11	Hưng Yên	3776	86D-009.69	Bình Thuận
577	88A-825.77	Vĩnh Phúc	2177	90A-297.92	Hà Nam	3777	88A-788.77	Vĩnh Phúc
578	88C-313.66	Vĩnh Phúc	2178	90C-158.15	Hà Nam	3778	88A-791.00	Vĩnh Phúc
579	88C-314.31	Vĩnh Phúc	2179	90D-012.00	Hà Nam	3779	88A-798.00	Vĩnh Phúc
580	88C-314.55	Vĩnh Phúc	2180	90D-013.31	Hà Nam	3780	88A-802.00	Vĩnh Phúc
581	88C-321.77	Vĩnh Phúc	2181	92A-441.39	Quảng Nam	3781	88A-805.39	Vĩnh Phúc
582	89A-544.86	Hưng Yên	2182	92D-015.55	Quảng Nam	3782	88A-806.69	Vĩnh Phúc
583	89A-547.99	Hưng Yên	2183	93A-506.88	Bình Phước	3783	88A-808.89	Vĩnh Phúc
584	89C-350.68	Hưng Yên	2184	93A-510.01	Bình Phước	3784	88A-812.79	Vĩnh Phúc
585	89C-352.77	Hưng Yên	2185	93A-518.39	Bình Phước	3785	88A-817.86	Vĩnh Phúc
586	89C-353.55	Hưng Yên	2186	93A-519.91	Bình Phước	3786	88A-819.55	Vĩnh Phúc
587	89C-356.88	Hưng Yên	2187	93A-523.79	Bình Phước	3787	88A-823.79	Vĩnh Phúc
588	89C-358.44	Hưng Yên	2188	93B-023.68	Bình Phước	3788	88C-317.44	Vĩnh Phúc
589	90A-292.22	Hà Nam	2189	93C-200.22	Bình Phước	3789	88C-319.68	Vĩnh Phúc
590	90A-293.00	Hà Nam	2190	93C-200.77	Bình Phước	3790	88D-022.79	Vĩnh Phúc
591	90A-294.49	Hà Nam	2191	93C-203.02	Bình Phước	3791	89A-539.35	Hưng Yên
592	92A-438.44	Quảng Nam	2192	94A-111.26	Bạc Liêu	3792	89A-553.11	Hưng Yên
593	92A-442.24	Quảng Nam	2193	94B-017.86	Bạc Liêu	3793	89A-555.66	Hưng Yên
594	92A-442.77	Quảng Nam	2194	94C-086.77	Bạc Liêu	3794	90B-015.39	Hà Nam
595	93A-514.15	Bình Phước	2195	95B-016.39	Hậu Giang	3795	90C-159.55	Hà Nam
596	93A-520.52	Bình Phước	2196	97A-098.33	Bắc Kạn	3796	90C-159.77	Hà Nam
597	93A-524.33	Bình Phước	2197	97B-016.86	Bắc Kạn	3797	92A-433.11	Quảng Nam
598	93B-025.00	Bình Phước	2198	97D-008.33	Bắc Kạn	3798	92A-447.66	Quảng Nam
599	93C-203.77	Bình Phước	2199	97D-009.68	Bắc Kạn	3799	92B-038.88	Quảng Nam
600	93D-008.80	Bình Phước	2200	98A-859.33	Bắc Giang	3800	92B-040.00	Quảng Nam
601	94C-083.89	Bạc Liêu	2201	98A-859.89	Bắc Giang	3801	92B-040.86	Quảng Nam
602	94D-005.77	Bạc Liêu	2202	98A-861.66	Bắc Giang	3802	92C-259.86	Quảng Nam
603	95A-140.69	Hậu Giang	2203	98A-867.39	Bắc Giang	3803	92C-262.66	Quảng Nam
604	95C-089.77	Hậu Giang	2204	98A-867.69	Bắc Giang	3804	93A-508.11	Bình Phước
605	95C-093.39	Hậu Giang	2205	98A-869.68	Bắc Giang	3805	93A-516.00	Bình Phước
606	95D-027.22	Hậu Giang	2206	98A-871.22	Bắc Giang	3806	93A-524.69	Bình Phước
607	97A-100.39	Bắc Kạn	2207	98A-875.39	Bắc Giang	3807	93B-024.79	Bình Phước
608	97B-015.86	Bắc Kạn	2208	98A-875.55	Bắc Giang	3808	94A-112.22	Bạc Liêu
609	97C-049.33	Bắc Kạn	2209	98A-876.77	Bắc Giang	3809	95A-142.41	Hậu Giang
610	98A-871.69	Bắc Giang	2210	98A-882.11	Bắc Giang	3810	95B-016.33	Hậu Giang
611	98A-881.33	Bắc Giang	2211	98A-887.66	Bắc Giang	3811	97D-007.99	Bắc Kạn
612	98A-882.88	Bắc Giang	2212	98A-888.77	Bắc Giang	3812	97D-011.10	Bắc Kạn

T.Y
 I.A
 NH
 AM
 -T.P

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	98A-893.98	Bắc Giang	2213	98A-892.92	Bắc Giang	3813	98A-889.79	Bắc Giang
614	98A-903.55	Bắc Giang	2214	98A-894.49	Bắc Giang	3814	98A-893.39	Bắc Giang
615	98A-905.44	Bắc Giang	2215	98A-898.22	Bắc Giang	3815	98A-899.11	Bắc Giang
616	98A-913.00	Bắc Giang	2216	98A-908.39	Bắc Giang	3816	98A-899.69	Bắc Giang
617	98B-045.46	Bắc Giang	2217	98C-379.89	Bắc Giang	3817	98B-045.22	Bắc Giang
618	98C-383.66	Bắc Giang	2218	99A-860.88	Bắc Ninh	3818	98B-046.33	Bắc Giang
619	98D-021.77	Bắc Giang	2219	99A-865.68	Bắc Ninh	3819	98B-047.48	Bắc Giang
620	99A-816.89	Bắc Ninh	2220	99A-869.39	Bắc Ninh	3820	98C-378.11	Bắc Giang
621	99A-853.86	Bắc Ninh	2221	99A-875.75	Bắc Ninh	3821	98C-380.39	Bắc Giang
622	99A-866.55	Bắc Ninh	2222	99A-875.86	Bắc Ninh	3822	98C-383.77	Bắc Giang
623	99A-872.69	Bắc Ninh	2223	99A-881.86	Bắc Ninh	3823	98C-387.66	Bắc Giang
624	99A-875.33	Bắc Ninh	2224	99A-884.68	Bắc Ninh	3824	99A-863.86	Bắc Ninh
625	99A-879.33	Bắc Ninh	2225	99A-886.22	Bắc Ninh	3825	99A-864.22	Bắc Ninh
626	99A-885.22	Bắc Ninh	2226	99A-889.11	Bắc Ninh	3826	99A-871.55	Bắc Ninh
627	99A-888.25	Bắc Ninh	2227	99A-896.86	Bắc Ninh	3827	99A-878.68	Bắc Ninh
628	99A-894.98	Bắc Ninh	2228	99B-033.34	Bắc Ninh	3828	99A-888.11	Bắc Ninh
629	99C-334.88	Bắc Ninh	2229	99B-033.88	Bắc Ninh	3829	99A-888.69	Bắc Ninh
630	99C-335.99	Bắc Ninh	2230	99C-330.79	Bắc Ninh	3830	99C-337.11	Bắc Ninh
631	99D-026.69	Bắc Ninh	2231	99C-344.55	Bắc Ninh	3831	99D-026.89	Bắc Ninh
632	11A-137.19	Cao Bằng	2232	11A-135.56	Cao Bằng	3832	11A-135.58	Cao Bằng
633	11D-009.16	Cao Bằng	2233	11A-139.56	Cao Bằng	3833	11A-136.18	Cao Bằng
634	12A-264.19	Lạng Sơn	2234	11B-016.58	Cao Bằng	3834	11A-136.29	Cao Bằng
635	12A-267.25	Lạng Sơn	2235	12A-264.15	Lạng Sơn	3835	11A-137.58	Cao Bằng
636	12A-272.09	Lạng Sơn	2236	12A-269.29	Lạng Sơn	3836	11A-139.36	Cao Bằng
637	14A-989.56	Quảng Ninh	2237	12B-018.63	Lạng Sơn	3837	11C-088.96	Cao Bằng
638	14A-996.58	Quảng Ninh	2238	14A-992.38	Quảng Ninh	3838	11D-010.29	Cao Bằng
639	14B-052.98	Quảng Ninh	2239	14A-997.18	Quảng Ninh	3839	11D-012.06	Cao Bằng
640	14B-053.63	Quảng Ninh	2240	14C-458.95	Quảng Ninh	3840	11D-012.36	Cao Bằng
641	14B-054.95	Quảng Ninh	2241	14C-469.19	Quảng Ninh	3841	11D-012.98	Cao Bằng
642	14B-056.18	Quảng Ninh	2242	14D-031.15	Quảng Ninh	3842	12A-263.83	Lạng Sơn
643	14C-458.28	Quảng Ninh	2243	14K-001.26	Quảng Ninh	3843	12A-264.18	Lạng Sơn
644	14C-463.85	Quảng Ninh	2244	14K-025.09	Quảng Ninh	3844	12A-269.25	Lạng Sơn
645	14C-470.26	Quảng Ninh	2245	14K-026.95	Quảng Ninh	3845	12A-270.28	Lạng Sơn
646	14C-471.25	Quảng Ninh	2246	14K-029.09	Quảng Ninh	3846	12A-271.36	Lạng Sơn
647	14C-471.28	Quảng Ninh	2247	14K-029.25	Quảng Ninh	3847	12B-015.83	Lạng Sơn
648	14D-029.38	Quảng Ninh	2248	14K-029.65	Quảng Ninh	3848	12B-019.09	Lạng Sơn
649	14D-031.85	Quảng Ninh	2249	14K-031.59	Quảng Ninh	3849	12C-140.38	Lạng Sơn
650	14D-033.18	Quảng Ninh	2250	14K-035.06	Quảng Ninh	3850	12D-010.19	Lạng Sơn
651	14K-002.06	Quảng Ninh	2251	14K-036.65	Quảng Ninh	3851	12D-010.63	Lạng Sơn
652	14K-002.85	Quảng Ninh	2252	14K-045.96	Quảng Ninh	3852	12D-011.06	Lạng Sơn
653	14K-004.98	Quảng Ninh	2253	15C-487.26	Hải Phòng	3853	14A-996.95	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	14K-006.19	Quảng Ninh	2254	15C-487.63	Hải Phòng	3854	14B-055.18	Quảng Ninh
655	14K-011.29	Quảng Ninh	2255	15C-493.65	Hải Phòng	3855	14C-458.25	Quảng Ninh
656	14K-012.95	Quảng Ninh	2256	15C-495.15	Hải Phòng	3856	14C-459.38	Quảng Ninh
657	14K-013.09	Quảng Ninh	2257	15C-497.19	Hải Phòng	3857	14C-460.15	Quảng Ninh
658	14K-017.98	Quảng Ninh	2258	15D-055.16	Hải Phòng	3858	14C-462.35	Quảng Ninh
659	14K-022.59	Quảng Ninh	2259	15D-055.65	Hải Phòng	3859	14C-465.16	Quảng Ninh
660	14K-024.98	Quảng Ninh	2260	15K-436.09	Hải Phòng	3860	14C-467.58	Quảng Ninh
661	14K-030.56	Quảng Ninh	2261	15K-436.26	Hải Phòng	3861	14K-008.59	Quảng Ninh
662	14K-035.25	Quảng Ninh	2262	15K-441.15	Hải Phòng	3862	14K-011.85	Quảng Ninh
663	14K-036.95	Quảng Ninh	2263	15K-449.56	Hải Phòng	3863	14K-012.98	Quảng Ninh
664	14K-038.65	Quảng Ninh	2264	15K-453.19	Hải Phòng	3864	14K-015.35	Quảng Ninh
665	14K-043.38	Quảng Ninh	2265	15K-456.35	Hải Phòng	3865	14K-016.18	Quảng Ninh
666	14K-045.95	Quảng Ninh	2266	15K-458.35	Hải Phòng	3866	14K-023.63	Quảng Ninh
667	15B-057.15	Hải Phòng	2267	15K-466.58	Hải Phòng	3867	14K-025.59	Quảng Ninh
668	15C-491.63	Hải Phòng	2268	15K-467.18	Hải Phòng	3868	15B-055.83	Hải Phòng
669	15C-494.18	Hải Phòng	2269	15K-467.83	Hải Phòng	3869	15C-487.58	Hải Phòng
670	15D-052.85	Hải Phòng	2270	15K-469.83	Hải Phòng	3870	15C-488.59	Hải Phòng
671	15K-433.29	Hải Phòng	2271	15K-472.38	Hải Phòng	3871	15C-490.63	Hải Phòng
672	15K-433.85	Hải Phòng	2272	15K-472.65	Hải Phòng	3872	15D-054.29	Hải Phòng
673	15K-440.18	Hải Phòng	2273	15K-473.18	Hải Phòng	3873	15K-426.18	Hải Phòng
674	15K-441.29	Hải Phòng	2274	15K-480.35	Hải Phòng	3874	15K-434.36	Hải Phòng
675	15K-441.83	Hải Phòng	2275	15K-481.08	Hải Phòng	3875	15K-440.06	Hải Phòng
676	15K-447.28	Hải Phòng	2276	15K-481.65	Hải Phòng	3876	15K-450.56	Hải Phòng
677	15K-454.38	Hải Phòng	2277	15K-487.06	Hải Phòng	3877	15K-460.09	Hải Phòng
678	15K-456.96	Hải Phòng	2278	15K-497.26	Hải Phòng	3878	15K-461.56	Hải Phòng
679	15K-463.26	Hải Phòng	2279	15K-499.19	Hải Phòng	3879	15K-461.95	Hải Phòng
680	15K-468.59	Hải Phòng	2280	15K-501.63	Hải Phòng	3880	15K-462.29	Hải Phòng
681	15K-469.95	Hải Phòng	2281	15K-502.59	Hải Phòng	3881	15K-464.28	Hải Phòng
682	15K-470.09	Hải Phòng	2282	15K-502.96	Hải Phòng	3882	15K-469.09	Hải Phòng
683	15K-472.98	Hải Phòng	2283	15K-510.83	Hải Phòng	3883	15K-472.16	Hải Phòng
684	15K-474.16	Hải Phòng	2284	15K-513.36	Hải Phòng	3884	15K-475.16	Hải Phòng
685	15K-474.28	Hải Phòng	2285	17A-494.26	Thái Bình	3885	15K-478.28	Hải Phòng
686	15K-475.29	Hải Phòng	2286	17A-494.36	Thái Bình	3886	15K-485.25	Hải Phòng
687	15K-475.56	Hải Phòng	2287	17A-497.36	Thái Bình	3887	15K-488.06	Hải Phòng
688	15K-482.09	Hải Phòng	2288	17A-498.15	Thái Bình	3888	15K-491.85	Hải Phòng
689	15K-484.98	Hải Phòng	2289	17A-498.59	Thái Bình	3889	15K-492.95	Hải Phòng
690	15K-488.25	Hải Phòng	2290	17A-499.36	Thái Bình	3890	15K-494.15	Hải Phòng
691	15K-495.09	Hải Phòng	2291	17A-499.85	Thái Bình	3891	15K-496.28	Hải Phòng
692	15K-496.25	Hải Phòng	2292	17A-509.38	Thái Bình	3892	15K-497.96	Hải Phòng
693	15K-497.63	Hải Phòng	2293	17A-510.28	Thái Bình	3893	15K-501.38	Hải Phòng
694	15K-497.95	Hải Phòng	2294	17B-029.19	Thái Bình	3894	15K-510.38	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	15K-503.25	Hải Phòng	2295	17B-032.56	Thái Bình	3895	15K-511.83	Hải Phòng
696	15K-504.25	Hải Phòng	2296	17C-217.29	Thái Bình	3896	17A-492.95	Thái Bình
697	15K-506.25	Hải Phòng	2297	17C-221.16	Thái Bình	3897	17A-493.65	Thái Bình
698	15K-507.28	Hải Phòng	2298	17C-222.95	Thái Bình	3898	17A-505.38	Thái Bình
699	15K-509.25	Hải Phòng	2299	17D-016.06	Thái Bình	3899	17A-511.06	Thái Bình
700	15K-510.08	Hải Phòng	2300	17D-016.85	Thái Bình	3900	17C-215.35	Thái Bình
701	17A-499.09	Thái Bình	2301	18A-493.35	Nam Định	3901	17C-216.95	Thái Bình
702	17A-500.26	Thái Bình	2302	18A-500.08	Nam Định	3902	17C-217.35	Thái Bình
703	17A-502.18	Thái Bình	2303	18A-502.25	Nam Định	3903	17C-218.29	Thái Bình
704	17A-507.36	Thái Bình	2304	18A-502.59	Nam Định	3904	17C-221.38	Thái Bình
705	17A-507.95	Thái Bình	2305	18A-502.96	Nam Định	3905	18A-493.29	Nam Định
706	17A-508.35	Thái Bình	2306	18B-031.96	Nam Định	3906	18A-502.35	Nam Định
707	17A-509.95	Thái Bình	2307	18D-017.36	Nam Định	3907	18A-505.16	Nam Định
708	17B-030.38	Thái Bình	2308	18D-017.83	Nam Định	3908	18A-510.26	Nam Định
709	17B-031.08	Thái Bình	2309	19A-728.06	Phú Thọ	3909	18B-033.63	Nam Định
710	17C-222.98	Thái Bình	2310	19A-729.35	Phú Thọ	3910	19A-716.85	Phú Thọ
711	18A-492.65	Nam Định	2311	19A-731.95	Phú Thọ	3911	19A-717.65	Phú Thọ
712	18A-504.15	Nam Định	2312	19A-732.65	Phú Thọ	3912	19A-726.38	Phú Thọ
713	18A-510.18	Nam Định	2313	19A-732.96	Phú Thọ	3913	19A-727.63	Phú Thọ
714	18A-511.09	Nam Định	2314	19A-733.29	Phú Thọ	3914	19A-730.35	Phú Thọ
715	18C-174.38	Nam Định	2315	19A-734.18	Phú Thọ	3915	19A-740.29	Phú Thọ
716	18C-175.83	Nam Định	2316	19A-734.26	Phú Thọ	3916	19A-742.35	Phú Thọ
717	18C-176.06	Nam Định	2317	19A-738.63	Phú Thọ	3917	19A-744.85	Phú Thọ
718	18C-176.98	Nam Định	2318	19A-739.59	Phú Thọ	3918	19A-745.65	Phú Thọ
719	18C-178.56	Nam Định	2319	19A-741.85	Phú Thọ	3919	19A-748.18	Phú Thọ
720	18C-181.25	Nam Định	2320	19A-742.56	Phú Thọ	3920	19A-750.58	Phú Thọ
721	19A-718.35	Phú Thọ	2321	19A-744.25	Phú Thọ	3921	19A-751.29	Phú Thọ
722	19A-724.18	Phú Thọ	2322	19A-745.08	Phú Thọ	3922	19A-752.95	Phú Thọ
723	19A-726.18	Phú Thọ	2323	19A-750.65	Phú Thọ	3923	19A-754.98	Phú Thọ
724	19A-731.15	Phú Thọ	2324	19A-755.16	Phú Thọ	3924	19A-755.85	Phú Thọ
725	19A-731.29	Phú Thọ	2325	19A-757.18	Phú Thọ	3925	19B-030.26	Phú Thọ
726	19A-732.83	Phú Thọ	2326	19C-278.28	Phú Thọ	3926	19C-269.56	Phú Thọ
727	19A-736.08	Phú Thọ	2327	19D-020.56	Phú Thọ	3927	19C-272.16	Phú Thọ
728	19A-736.18	Phú Thọ	2328	20A-872.08	Thái Nguyên	3928	19C-277.29	Phú Thọ
729	19A-740.18	Phú Thọ	2329	20A-878.58	Thái Nguyên	3929	19D-019.08	Phú Thọ
730	19A-741.18	Phú Thọ	2330	20A-878.83	Thái Nguyên	3930	19D-021.25	Phú Thọ
731	19A-743.09	Phú Thọ	2331	20A-887.25	Thái Nguyên	3931	19D-022.18	Phú Thọ
732	19A-745.85	Phú Thọ	2332	20A-888.95	Thái Nguyên	3932	20A-866.83	Thái Nguyên
733	19A-752.16	Phú Thọ	2333	20A-890.26	Thái Nguyên	3933	20A-874.56	Thái Nguyên
734	19A-753.96	Phú Thọ	2334	20A-891.29	Thái Nguyên	3934	20A-876.19	Thái Nguyên
735	19A-757.28	Phú Thọ	2335	20A-894.25	Thái Nguyên	3935	20A-876.28	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	19B-028.26	Phú Thọ	2336	20A-894.65	Thái Nguyên	3936	20A-878.29	Thái Nguyên
737	19C-267.98	Phú Thọ	2337	20A-897.19	Thái Nguyên	3937	20A-884.25	Thái Nguyên
738	19C-268.16	Phú Thọ	2338	20A-904.16	Thái Nguyên	3938	20A-887.19	Thái Nguyên
739	19C-270.58	Phú Thọ	2339	20A-906.58	Thái Nguyên	3939	20A-889.56	Thái Nguyên
740	19C-270.63	Phú Thọ	2340	20B-037.25	Thái Nguyên	3940	20A-890.19	Thái Nguyên
741	19C-273.56	Phú Thọ	2341	20C-312.16	Thái Nguyên	3941	20A-899.06	Thái Nguyên
742	19C-279.08	Phú Thọ	2342	20C-315.98	Thái Nguyên	3942	20B-037.29	Thái Nguyên
743	19C-279.36	Phú Thọ	2343	20D-033.08	Thái Nguyên	3943	20B-038.96	Thái Nguyên
744	20A-861.18	Thái Nguyên	2344	21A-222.85	Yên Bái	3944	20C-317.59	Thái Nguyên
745	20A-866.35	Thái Nguyên	2345	21A-226.65	Yên Bái	3945	20C-318.85	Thái Nguyên
746	20A-867.29	Thái Nguyên	2346	21A-230.19	Yên Bái	3946	20C-324.15	Thái Nguyên
747	20A-871.09	Thái Nguyên	2347	21C-112.09	Yên Bái	3947	20C-324.38	Thái Nguyên
748	20A-884.35	Thái Nguyên	2348	21C-112.65	Yên Bái	3948	20D-033.83	Thái Nguyên
749	20A-885.25	Thái Nguyên	2349	22A-272.59	Tuyên Quang	3949	21A-221.95	Yên Bái
750	20A-887.09	Thái Nguyên	2350	22A-277.85	Tuyên Quang	3950	21A-227.96	Yên Bái
751	20A-896.83	Thái Nguyên	2351	22A-282.36	Tuyên Quang	3951	21B-014.98	Yên Bái
752	20A-898.65	Thái Nguyên	2352	22B-017.65	Tuyên Quang	3952	21C-114.83	Yên Bái
753	20A-901.36	Thái Nguyên	2353	22C-113.95	Tuyên Quang	3953	21D-007.16	Yên Bái
754	20C-310.29	Thái Nguyên	2354	22C-115.06	Tuyên Quang	3954	22A-269.85	Tuyên Quang
755	20C-311.56	Thái Nguyên	2355	22C-116.15	Tuyên Quang	3955	22A-273.16	Tuyên Quang
756	20C-312.19	Thái Nguyên	2356	23A-168.15	Hà Giang	3956	22A-278.59	Tuyên Quang
757	20C-317.38	Thái Nguyên	2357	23B-011.29	Hà Giang	3957	22A-279.85	Tuyên Quang
758	20C-318.08	Thái Nguyên	2358	23D-009.38	Hà Giang	3958	22A-281.09	Tuyên Quang
759	20C-318.65	Thái Nguyên	2359	23D-010.95	Hà Giang	3959	22A-282.18	Tuyên Quang
760	20C-322.56	Thái Nguyên	2360	24A-317.36	Lào Cai	3960	22A-284.35	Tuyên Quang
761	20C-324.09	Thái Nguyên	2361	24A-317.63	Lào Cai	3961	22B-016.19	Tuyên Quang
762	21A-223.65	Yên Bái	2362	24A-321.15	Lào Cai	3962	22C-117.36	Tuyên Quang
763	21A-225.65	Yên Bái	2363	24A-322.19	Lào Cai	3963	22D-011.08	Tuyên Quang
764	21A-228.83	Yên Bái	2364	24B-019.09	Lào Cai	3964	22D-013.08	Tuyên Quang
765	21C-116.06	Yên Bái	2365	24B-019.85	Lào Cai	3965	23A-164.58	Hà Giang
766	21D-007.56	Yên Bái	2366	24B-022.15	Lào Cai	3966	23A-168.59	Hà Giang
767	21D-008.95	Yên Bái	2367	24C-166.83	Lào Cai	3967	23A-170.65	Hà Giang
768	21D-009.25	Yên Bái	2368	24C-170.35	Lào Cai	3968	23B-014.18	Hà Giang
769	21D-009.98	Yên Bái	2369	24D-010.28	Lào Cai	3969	23C-093.19	Hà Giang
770	22A-278.36	Tuyên Quang	2370	24D-012.26	Lào Cai	3970	23C-093.28	Hà Giang
771	22A-279.36	Tuyên Quang	2371	25A-086.16	Lai Châu	3971	23D-008.19	Hà Giang
772	22A-279.83	Tuyên Quang	2372	25A-087.26	Lai Châu	3972	23D-010.09	Hà Giang
773	22B-019.59	Tuyên Quang	2373	25C-062.83	Lai Châu	3973	24A-318.28	Lào Cai
774	22C-116.36	Tuyên Quang	2374	25D-008.83	Lai Châu	3974	24A-320.63	Lào Cai
775	22C-116.56	Tuyên Quang	2375	26A-236.65	Sơn La	3975	24A-324.19	Lào Cai
776	23C-090.38	Hà Giang	2376	26A-245.06	Sơn La	3976	24A-324.58	Lào Cai



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	23C-092.98	Hà Giang	2377	26C-163.18	Sơn La	3977	24A-325.63	Lào Cai
778	23D-009.16	Hà Giang	2378	26C-163.85	Sơn La	3978	24A-326.16	Lào Cai
779	24A-317.38	Lào Cai	2379	26C-164.28	Sơn La	3979	24A-326.19	Lào Cai
780	24A-324.09	Lào Cai	2380	26C-164.56	Sơn La	3980	24B-019.58	Lào Cai
781	24C-169.35	Lào Cai	2381	26C-165.19	Sơn La	3981	24C-169.29	Lào Cai
782	24C-170.36	Lào Cai	2382	26C-168.38	Sơn La	3982	24C-170.15	Lào Cai
783	24C-171.08	Lào Cai	2383	26D-013.85	Sơn La	3983	24C-171.15	Lào Cai
784	24D-011.09	Lào Cai	2384	26D-014.26	Sơn La	3984	24D-010.26	Lào Cai
785	25A-085.96	Lai Châu	2385	27A-131.59	Điện Biên	3985	24D-012.35	Lào Cai
786	25B-008.58	Lai Châu	2386	27A-133.15	Điện Biên	3986	25A-084.98	Lai Châu
787	25B-008.59	Lai Châu	2387	27A-133.58	Điện Biên	3987	25D-006.95	Lai Châu
788	25B-010.63	Lai Châu	2388	27B-016.85	Điện Biên	3988	25D-007.25	Lai Châu
789	25B-011.09	Lai Châu	2389	27D-009.28	Điện Biên	3989	26A-240.96	Sơn La
790	25D-009.18	Lai Châu	2390	28A-259.08	Hòa Bình	3990	26A-244.26	Sơn La
791	26A-238.09	Sơn La	2391	28A-266.08	Hòa Bình	3991	26A-244.95	Sơn La
792	26A-239.35	Sơn La	2392	28B-017.63	Hòa Bình	3992	26A-246.09	Sơn La
793	26A-245.65	Sơn La	2393	28C-121.95	Hòa Bình	3993	26B-020.25	Sơn La
794	26A-246.65	Sơn La	2394	28C-125.65	Hòa Bình	3994	26B-022.65	Sơn La
795	26C-163.35	Sơn La	2395	28C-127.25	Hòa Bình	3995	26C-164.09	Sơn La
796	26D-013.58	Sơn La	2396	29D-629.15	Hà Nội	3996	27B-014.36	Điện Biên
797	27A-129.35	Điện Biên	2397	29D-632.08	Hà Nội	3997	27B-017.65	Điện Biên
798	27A-130.35	Điện Biên	2398	29D-634.19	Hà Nội	3998	27D-009.59	Điện Biên
799	27A-134.15	Điện Biên	2399	29D-635.08	Hà Nội	3999	28A-261.08	Hòa Bình
800	27B-015.25	Điện Biên	2400	29D-635.95	Hà Nội	4000	28A-269.38	Hòa Bình
801	27B-015.63	Điện Biên	2401	29D-637.19	Hà Nội	4001	28A-270.35	Hòa Bình
802	27C-074.35	Điện Biên	2402	29K-329.63	Hà Nội	4002	28A-272.06	Hòa Bình
803	27C-075.15	Điện Biên	2403	29K-330.15	Hà Nội	4003	28B-021.08	Hòa Bình
804	28C-125.96	Hòa Bình	2404	29K-335.85	Hà Nội	4004	28C-126.06	Hòa Bình
805	29B-660.65	Hà Nội	2405	29K-336.15	Hà Nội	4005	28C-126.59	Hòa Bình
806	29B-661.15	Hà Nội	2406	29K-342.29	Hà Nội	4006	28D-014.65	Hòa Bình
807	29D-629.36	Hà Nội	2407	29K-359.63	Hà Nội	4007	29B-661.19	Hà Nội
808	29D-630.83	Hà Nội	2408	29K-370.83	Hà Nội	4008	29D-631.19	Hà Nội
809	29D-632.35	Hà Nội	2409	29K-371.83	Hà Nội	4009	29D-631.95	Hà Nội
810	29D-634.96	Hà Nội	2410	29K-373.59	Hà Nội	4010	29D-632.56	Hà Nội
811	29D-637.06	Hà Nội	2411	29K-374.85	Hà Nội	4011	29K-332.98	Hà Nội
812	29D-638.35	Hà Nội	2412	29K-375.18	Hà Nội	4012	29K-343.29	Hà Nội
813	29D-638.98	Hà Nội	2413	29K-377.36	Hà Nội	4013	29K-348.95	Hà Nội
814	29K-331.98	Hà Nội	2414	29K-383.95	Hà Nội	4014	29K-349.15	Hà Nội
815	29K-342.59	Hà Nội	2415	29K-384.96	Hà Nội	4015	29K-355.09	Hà Nội
816	29K-347.95	Hà Nội	2416	29K-395.06	Hà Nội	4016	29K-360.19	Hà Nội
817	29K-361.58	Hà Nội	2417	29K-397.65	Hà Nội	4017	29K-367.35	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	29K-365.96	Hà Nội	2418	29K-405.26	Hà Nội	4018	29K-367.56	Hà Nội
819	29K-372.98	Hà Nội	2419	29K-405.59	Hà Nội	4019	29K-369.09	Hà Nội
820	29K-374.59	Hà Nội	2420	29K-406.56	Hà Nội	4020	29K-371.65	Hà Nội
821	29K-377.26	Hà Nội	2421	29K-408.63	Hà Nội	4021	29K-372.36	Hà Nội
822	29K-379.09	Hà Nội	2422	29K-415.26	Hà Nội	4022	29K-378.08	Hà Nội
823	29K-379.63	Hà Nội	2423	29K-418.08	Hà Nội	4023	29K-381.15	Hà Nội
824	29K-379.85	Hà Nội	2424	29K-433.56	Hà Nội	4024	29K-382.15	Hà Nội
825	29K-385.29	Hà Nội	2425	29K-437.29	Hà Nội	4025	29K-390.83	Hà Nội
826	29K-385.36	Hà Nội	2426	29K-438.96	Hà Nội	4026	29K-397.09	Hà Nội
827	29K-387.98	Hà Nội	2427	29K-441.58	Hà Nội	4027	29K-402.25	Hà Nội
828	29K-393.56	Hà Nội	2428	29K-442.98	Hà Nội	4028	29K-408.25	Hà Nội
829	29K-398.58	Hà Nội	2429	29K-443.36	Hà Nội	4029	29K-410.56	Hà Nội
830	29K-399.28	Hà Nội	2430	29K-445.65	Hà Nội	4030	29K-421.56	Hà Nội
831	29K-400.16	Hà Nội	2431	29K-446.09	Hà Nội	4031	29K-428.63	Hà Nội
832	29K-401.96	Hà Nội	2432	29K-449.83	Hà Nội	4032	29K-434.96	Hà Nội
833	29K-403.38	Hà Nội	2433	29K-449.85	Hà Nội	4033	29K-436.25	Hà Nội
834	29K-405.18	Hà Nội	2434	29K-457.19	Hà Nội	4034	29K-448.16	Hà Nội
835	29K-409.56	Hà Nội	2435	29K-461.58	Hà Nội	4035	29K-450.29	Hà Nội
836	29K-420.16	Hà Nội	2436	29K-462.28	Hà Nội	4036	29K-452.29	Hà Nội
837	29K-421.65	Hà Nội	2437	29K-463.16	Hà Nội	4037	29K-452.58	Hà Nội
838	29K-438.25	Hà Nội	2438	29K-466.63	Hà Nội	4038	29K-461.19	Hà Nội
839	29K-443.06	Hà Nội	2439	29K-467.15	Hà Nội	4039	29K-463.85	Hà Nội
840	29K-448.25	Hà Nội	2440	29K-467.18	Hà Nội	4040	29K-466.15	Hà Nội
841	29K-452.85	Hà Nội	2441	29K-469.15	Hà Nội	4041	29K-470.36	Hà Nội
842	29K-453.58	Hà Nội	2442	29K-470.95	Hà Nội	4042	29K-472.35	Hà Nội
843	29K-459.16	Hà Nội	2443	29K-472.65	Hà Nội	4043	29K-476.18	Hà Nội
844	29K-465.96	Hà Nội	2444	29K-475.95	Hà Nội	4044	30M-042.29	Hà Nội
845	29K-466.65	Hà Nội	2445	30M-041.29	Hà Nội	4045	30M-043.35	Hà Nội
846	29K-477.85	Hà Nội	2446	30M-043.08	Hà Nội	4046	30M-046.35	Hà Nội
847	30M-035.16	Hà Nội	2447	30M-043.56	Hà Nội	4047	30M-047.56	Hà Nội
848	30M-046.09	Hà Nội	2448	30M-045.36	Hà Nội	4048	30M-048.38	Hà Nội
849	30M-049.35	Hà Nội	2449	30M-054.63	Hà Nội	4049	30M-053.65	Hà Nội
850	30M-052.59	Hà Nội	2450	30M-057.29	Hà Nội	4050	30M-055.08	Hà Nội
851	30M-053.96	Hà Nội	2451	30M-058.15	Hà Nội	4051	30M-058.26	Hà Nội
852	30M-063.85	Hà Nội	2452	30M-062.15	Hà Nội	4052	30M-079.98	Hà Nội
853	30M-066.98	Hà Nội	2453	30M-063.98	Hà Nội	4053	30M-081.26	Hà Nội
854	30M-068.65	Hà Nội	2454	30M-073.83	Hà Nội	4054	30M-081.38	Hà Nội
855	30M-069.56	Hà Nội	2455	30M-077.95	Hà Nội	4055	30M-085.26	Hà Nội
856	30M-072.19	Hà Nội	2456	30M-078.09	Hà Nội	4056	30M-088.06	Hà Nội
857	30M-074.09	Hà Nội	2457	30M-096.38	Hà Nội	4057	30M-097.95	Hà Nội
858	30M-076.26	Hà Nội	2458	30M-097.35	Hà Nội	4058	30M-097.96	Hà Nội

ĐI
CỘNG
ĐẠI
HỢP
VIỆ
NH X

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	30M-076.29	Hà Nội	2459	30M-100.96	Hà Nội	4059	30M-102.26	Hà Nội
860	30M-078.36	Hà Nội	2460	30M-102.18	Hà Nội	4060	30M-114.96	Hà Nội
861	30M-080.19	Hà Nội	2461	30M-104.38	Hà Nội	4061	30M-115.59	Hà Nội
862	30M-087.95	Hà Nội	2462	30M-109.15	Hà Nội	4062	30M-118.58	Hà Nội
863	30M-105.15	Hà Nội	2463	30M-121.36	Hà Nội	4063	30M-120.16	Hà Nội
864	30M-105.26	Hà Nội	2464	30M-126.58	Hà Nội	4064	30M-126.83	Hà Nội
865	30M-109.95	Hà Nội	2465	30M-126.98	Hà Nội	4065	30M-127.06	Hà Nội
866	30M-114.98	Hà Nội	2466	30M-129.25	Hà Nội	4066	30M-134.36	Hà Nội
867	30M-116.96	Hà Nội	2467	30M-136.58	Hà Nội	4067	30M-139.35	Hà Nội
868	30M-117.65	Hà Nội	2468	30M-141.36	Hà Nội	4068	30M-139.85	Hà Nội
869	30M-118.29	Hà Nội	2469	30M-145.38	Hà Nội	4069	30M-141.56	Hà Nội
870	30M-120.38	Hà Nội	2470	30M-146.29	Hà Nội	4070	30M-142.18	Hà Nội
871	30M-128.63	Hà Nội	2471	30M-150.85	Hà Nội	4071	30M-144.98	Hà Nội
872	30M-131.19	Hà Nội	2472	30M-153.25	Hà Nội	4072	30M-153.09	Hà Nội
873	30M-142.29	Hà Nội	2473	30M-159.36	Hà Nội	4073	30M-156.19	Hà Nội
874	30M-143.18	Hà Nội	2474	30M-159.85	Hà Nội	4074	30M-158.19	Hà Nội
875	30M-147.58	Hà Nội	2475	30M-160.35	Hà Nội	4075	30M-162.85	Hà Nội
876	30M-151.35	Hà Nội	2476	30M-164.29	Hà Nội	4076	30M-163.56	Hà Nội
877	30M-152.26	Hà Nội	2477	30M-166.85	Hà Nội	4077	30M-165.08	Hà Nội
878	30M-152.95	Hà Nội	2478	30M-179.35	Hà Nội	4078	30M-174.19	Hà Nội
879	30M-153.65	Hà Nội	2479	30M-179.65	Hà Nội	4079	30M-178.83	Hà Nội
880	30M-159.19	Hà Nội	2480	30M-183.95	Hà Nội	4080	30M-183.56	Hà Nội
881	30M-164.36	Hà Nội	2481	30M-184.19	Hà Nội	4081	30M-184.96	Hà Nội
882	30M-174.15	Hà Nội	2482	30M-187.16	Hà Nội	4082	30M-186.29	Hà Nội
883	30M-181.08	Hà Nội	2483	30M-199.58	Hà Nội	4083	30M-190.56	Hà Nội
884	30M-186.26	Hà Nội	2484	30M-200.56	Hà Nội	4084	30M-198.18	Hà Nội
885	30M-187.58	Hà Nội	2485	30M-201.06	Hà Nội	4085	30M-199.35	Hà Nội
886	30M-188.36	Hà Nội	2486	30M-203.19	Hà Nội	4086	30M-200.85	Hà Nội
887	30M-190.58	Hà Nội	2487	30M-206.25	Hà Nội	4087	30M-202.15	Hà Nội
888	30M-196.06	Hà Nội	2488	30M-206.85	Hà Nội	4088	30M-205.15	Hà Nội
889	30M-198.29	Hà Nội	2489	30M-209.28	Hà Nội	4089	30M-205.16	Hà Nội
890	30M-201.96	Hà Nội	2490	30M-211.56	Hà Nội	4090	30M-206.63	Hà Nội
891	30M-202.36	Hà Nội	2491	30M-212.85	Hà Nội	4091	30M-211.19	Hà Nội
892	30M-202.83	Hà Nội	2492	30M-221.08	Hà Nội	4092	30M-216.26	Hà Nội
893	30M-202.85	Hà Nội	2493	30M-229.56	Hà Nội	4093	30M-222.98	Hà Nội
894	30M-203.18	Hà Nội	2494	30M-232.28	Hà Nội	4094	30M-224.65	Hà Nội
895	30M-204.56	Hà Nội	2495	30M-234.08	Hà Nội	4095	30M-231.29	Hà Nội
896	30M-204.83	Hà Nội	2496	30M-235.96	Hà Nội	4096	30M-236.85	Hà Nội
897	30M-209.18	Hà Nội	2497	30M-236.16	Hà Nội	4097	30M-240.18	Hà Nội
898	30M-212.36	Hà Nội	2498	30M-239.08	Hà Nội	4098	30M-245.28	Hà Nội
899	30M-212.63	Hà Nội	2499	30M-244.08	Hà Nội	4099	30M-246.56	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	30M-213.15	Hà Nội	2500	30M-249.25	Hà Nội	4100	30M-247.96	Hà Nội
901	30M-217.28	Hà Nội	2501	30M-250.65	Hà Nội	4101	30M-253.59	Hà Nội
902	30M-219.35	Hà Nội	2502	30M-251.18	Hà Nội	4102	30M-262.15	Hà Nội
903	30M-220.36	Hà Nội	2503	30M-260.19	Hà Nội	4103	30M-268.29	Hà Nội
904	30M-221.58	Hà Nội	2504	30M-260.38	Hà Nội	4104	30M-268.38	Hà Nội
905	30M-223.63	Hà Nội	2505	30M-264.36	Hà Nội	4105	30M-269.98	Hà Nội
906	30M-229.95	Hà Nội	2506	30M-268.59	Hà Nội	4106	30M-279.29	Hà Nội
907	30M-232.06	Hà Nội	2507	30M-273.18	Hà Nội	4107	30M-281.08	Hà Nội
908	30M-232.25	Hà Nội	2508	30M-274.56	Hà Nội	4108	30M-281.38	Hà Nội
909	30M-233.36	Hà Nội	2509	30M-280.25	Hà Nội	4109	30M-282.15	Hà Nội
910	30M-236.83	Hà Nội	2510	30M-281.59	Hà Nội	4110	30M-282.16	Hà Nội
911	30M-237.26	Hà Nội	2511	30M-281.85	Hà Nội	4111	30M-283.98	Hà Nội
912	30M-237.35	Hà Nội	2512	30M-285.65	Hà Nội	4112	30M-285.98	Hà Nội
913	30M-238.65	Hà Nội	2513	30M-290.25	Hà Nội	4113	30M-293.26	Hà Nội
914	30M-239.19	Hà Nội	2514	30M-290.63	Hà Nội	4114	30M-294.18	Hà Nội
915	30M-243.15	Hà Nội	2515	30M-293.85	Hà Nội	4115	30M-301.25	Hà Nội
916	30M-247.26	Hà Nội	2516	30M-312.56	Hà Nội	4116	30M-305.18	Hà Nội
917	30M-255.59	Hà Nội	2517	30M-317.15	Hà Nội	4117	30M-331.18	Hà Nội
918	30M-271.06	Hà Nội	2518	30M-317.98	Hà Nội	4118	30M-341.96	Hà Nội
919	30M-271.09	Hà Nội	2519	30M-318.98	Hà Nội	4119	30M-342.18	Hà Nội
920	30M-278.38	Hà Nội	2520	30M-323.98	Hà Nội	4120	30M-349.29	Hà Nội
921	30M-287.25	Hà Nội	2521	30M-327.59	Hà Nội	4121	30M-351.09	Hà Nội
922	30M-290.98	Hà Nội	2522	30M-347.65	Hà Nội	4122	30M-354.25	Hà Nội
923	30M-294.36	Hà Nội	2523	30M-358.83	Hà Nội	4123	30M-359.36	Hà Nội
924	30M-296.36	Hà Nội	2524	30M-362.83	Hà Nội	4124	30M-363.09	Hà Nội
925	30M-307.25	Hà Nội	2525	30M-367.16	Hà Nội	4125	30M-364.16	Hà Nội
926	30M-310.56	Hà Nội	2526	30M-376.59	Hà Nội	4126	30M-364.98	Hà Nội
927	30M-325.56	Hà Nội	2527	30M-377.16	Hà Nội	4127	30M-371.85	Hà Nội
928	30M-335.19	Hà Nội	2528	30M-379.56	Hà Nội	4128	30M-375.98	Hà Nội
929	30M-335.59	Hà Nội	2529	30M-381.65	Hà Nội	4129	30M-376.25	Hà Nội
930	30M-341.26	Hà Nội	2530	30M-389.18	Hà Nội	4130	30M-377.15	Hà Nội
931	30M-341.83	Hà Nội	2531	30M-393.56	Hà Nội	4131	30M-380.56	Hà Nội
932	30M-351.26	Hà Nội	2532	30M-393.99	Hà Nội	4132	30M-389.28	Hà Nội
933	30M-366.65	Hà Nội	2533	30M-408.56	Hà Nội	4133	30M-393.95	Hà Nội
934	30M-371.09	Hà Nội	2534	30M-409.35	Hà Nội	4134	30M-396.26	Hà Nội
935	30M-379.36	Hà Nội	2535	30M-414.65	Hà Nội	4135	30M-402.26	Hà Nội
936	30M-396.38	Hà Nội	2536	30M-417.19	Hà Nội	4136	30M-405.08	Hà Nội
937	30M-401.59	Hà Nội	2537	34A-921.59	Hải Dương	4137	30M-408.26	Hà Nội
938	30M-404.26	Hà Nội	2538	34A-922.15	Hải Dương	4138	30M-409.85	Hà Nội
939	30M-409.19	Hà Nội	2539	34A-927.26	Hải Dương	4139	30M-411.36	Hà Nội
940	30M-410.06	Hà Nội	2540	34A-927.65	Hải Dương	4140	30M-414.18	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	30M-410.98	Hà Nội	2541	34A-928.18	Hải Dương	4141	34A-919.28	Hải Dương
942	30M-419.36	Hà Nội	2542	34A-930.08	Hải Dương	4142	34A-926.56	Hải Dương
943	30M-420.65	Hà Nội	2543	34A-930.36	Hải Dương	4143	34A-933.29	Hải Dương
944	34A-920.56	Hải Dương	2544	34A-930.96	Hải Dương	4144	34A-938.19	Hải Dương
945	34A-923.36	Hải Dương	2545	34A-939.15	Hải Dương	4145	34A-938.35	Hải Dương
946	34A-927.18	Hải Dương	2546	34A-947.29	Hải Dương	4146	34A-938.56	Hải Dương
947	34A-928.58	Hải Dương	2547	34A-960.59	Hải Dương	4147	34A-941.95	Hải Dương
948	34A-929.16	Hải Dương	2548	34A-971.25	Hải Dương	4148	34A-945.63	Hải Dương
949	34A-932.83	Hải Dương	2549	34B-045.09	Hải Dương	4149	34A-949.38	Hải Dương
950	34A-935.29	Hải Dương	2550	34B-046.06	Hải Dương	4150	34A-949.95	Hải Dương
951	34A-943.58	Hải Dương	2551	34C-439.98	Hải Dương	4151	34A-950.65	Hải Dương
952	34A-943.63	Hải Dương	2552	34C-441.18	Hải Dương	4152	34A-950.98	Hải Dương
953	34A-947.59	Hải Dương	2553	34C-445.16	Hải Dương	4153	34A-970.06	Hải Dương
954	34A-948.96	Hải Dương	2554	34D-042.18	Hải Dương	4154	34A-971.19	Hải Dương
955	34A-956.63	Hải Dương	2555	35A-469.08	Ninh Bình	4155	34A-975.06	Hải Dương
956	34A-975.36	Hải Dương	2556	35A-472.36	Ninh Bình	4156	34A-975.59	Hải Dương
957	34B-043.63	Hải Dương	2557	35A-482.65	Ninh Bình	4157	34A-975.95	Hải Dương
958	34B-045.85	Hải Dương	2558	35B-022.56	Ninh Bình	4158	34B-044.06	Hải Dương
959	34C-433.35	Hải Dương	2559	35B-023.59	Ninh Bình	4159	34B-044.09	Hải Dương
960	34C-437.83	Hải Dương	2560	35C-179.83	Ninh Bình	4160	34B-044.16	Hải Dương
961	34C-441.85	Hải Dương	2561	36C-547.18	Thanh Hóa	4161	34C-437.16	Hải Dương
962	34C-443.85	Hải Dương	2562	36C-547.28	Thanh Hóa	4162	34C-439.29	Hải Dương
963	34C-446.09	Hải Dương	2563	36C-554.56	Thanh Hóa	4163	34C-441.16	Hải Dương
964	34C-449.06	Hải Dương	2564	36C-556.85	Thanh Hóa	4164	34C-445.85	Hải Dương
965	34C-453.09	Hải Dương	2565	36C-565.25	Thanh Hóa	4165	34D-038.63	Hải Dương
966	34D-038.96	Hải Dương	2566	36C-569.29	Thanh Hóa	4166	34D-039.16	Hải Dương
967	34D-042.26	Hải Dương	2567	36C-569.85	Thanh Hóa	4167	35A-465.85	Ninh Bình
968	35A-465.09	Ninh Bình	2568	36C-577.59	Thanh Hóa	4168	35A-471.83	Ninh Bình
969	35A-477.16	Ninh Bình	2569	36D-029.85	Thanh Hóa	4169	35A-478.95	Ninh Bình
970	35B-022.65	Ninh Bình	2570	36D-033.26	Thanh Hóa	4170	35A-480.63	Ninh Bình
971	35B-024.65	Ninh Bình	2571	36D-033.36	Thanh Hóa	4171	35A-481.29	Ninh Bình
972	35C-179.95	Ninh Bình	2572	36K-229.38	Thanh Hóa	4172	35A-481.65	Ninh Bình
973	35C-182.63	Ninh Bình	2573	36K-232.35	Thanh Hóa	4173	35A-482.06	Ninh Bình
974	35C-184.09	Ninh Bình	2574	36K-235.65	Thanh Hóa	4174	35A-482.58	Ninh Bình
975	35C-186.29	Ninh Bình	2575	36K-245.18	Thanh Hóa	4175	35C-181.95	Ninh Bình
976	35D-017.38	Ninh Bình	2576	36K-250.96	Thanh Hóa	4176	35C-183.25	Ninh Bình
977	36C-546.83	Thanh Hóa	2577	36K-253.38	Thanh Hóa	4177	36C-556.18	Thanh Hóa
978	36C-547.59	Thanh Hóa	2578	36K-264.06	Thanh Hóa	4178	36C-558.16	Thanh Hóa
979	36C-550.98	Thanh Hóa	2579	36K-265.28	Thanh Hóa	4179	36C-559.65	Thanh Hóa
980	36C-558.15	Thanh Hóa	2580	36K-268.58	Thanh Hóa	4180	36C-561.35	Thanh Hóa
981	36C-562.95	Thanh Hóa	2581	36K-269.38	Thanh Hóa	4181	36C-567.19	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	36C-564.98	Thanh Hóa	2582	36K-271.26	Thanh Hóa	4182	36C-568.35	Thanh Hóa
983	36C-566.83	Thanh Hóa	2583	36K-278.18	Thanh Hóa	4183	36C-571.83	Thanh Hóa
984	36C-568.63	Thanh Hóa	2584	36K-284.59	Thanh Hóa	4184	36C-574.06	Thanh Hóa
985	36C-572.19	Thanh Hóa	2585	36K-290.06	Thanh Hóa	4185	36C-574.16	Thanh Hóa
986	36C-572.59	Thanh Hóa	2586	36K-290.38	Thanh Hóa	4186	36C-578.26	Thanh Hóa
987	36K-231.95	Thanh Hóa	2587	36K-293.15	Thanh Hóa	4187	36C-580.65	Thanh Hóa
988	36K-236.38	Thanh Hóa	2588	36K-294.19	Thanh Hóa	4188	36C-581.08	Thanh Hóa
989	36K-239.28	Thanh Hóa	2589	36K-295.19	Thanh Hóa	4189	36C-581.16	Thanh Hóa
990	36K-242.29	Thanh Hóa	2590	36K-295.38	Thanh Hóa	4190	36K-229.35	Thanh Hóa
991	36K-252.08	Thanh Hóa	2591	36K-302.06	Thanh Hóa	4191	36K-233.16	Thanh Hóa
992	36K-255.15	Thanh Hóa	2592	36K-302.38	Thanh Hóa	4192	36K-240.65	Thanh Hóa
993	36K-257.85	Thanh Hóa	2593	36K-306.16	Thanh Hóa	4193	36K-245.06	Thanh Hóa
994	36K-259.98	Thanh Hóa	2594	36K-306.59	Thanh Hóa	4194	36K-248.09	Thanh Hóa
995	36K-261.83	Thanh Hóa	2595	37B-046.96	Nghệ An	4195	36K-255.58	Thanh Hóa
996	36K-265.15	Thanh Hóa	2596	37B-047.18	Nghệ An	4196	36K-258.06	Thanh Hóa
997	36K-268.29	Thanh Hóa	2597	37B-047.65	Nghệ An	4197	36K-263.18	Thanh Hóa
998	36K-269.29	Thanh Hóa	2598	37B-049.85	Nghệ An	4198	36K-268.18	Thanh Hóa
999	36K-270.35	Thanh Hóa	2599	37C-575.36	Nghệ An	4199	36K-268.25	Thanh Hóa
1000	36K-273.38	Thanh Hóa	2600	37C-579.29	Nghệ An	4200	36K-272.28	Thanh Hóa
1001	36K-274.58	Thanh Hóa	2601	37C-582.18	Nghệ An	4201	36K-273.18	Thanh Hóa
1002	36K-279.28	Thanh Hóa	2602	37C-584.35	Nghệ An	4202	36K-273.25	Thanh Hóa
1003	36K-281.98	Thanh Hóa	2603	37C-585.83	Nghệ An	4203	36K-280.98	Thanh Hóa
1004	36K-284.56	Thanh Hóa	2604	37C-589.26	Nghệ An	4204	36K-281.35	Thanh Hóa
1005	36K-295.26	Thanh Hóa	2605	37D-047.96	Nghệ An	4205	36K-288.36	Thanh Hóa
1006	36K-295.83	Thanh Hóa	2606	37D-048.26	Nghệ An	4206	36K-294.16	Thanh Hóa
1007	36K-296.63	Thanh Hóa	2607	37D-050.29	Nghệ An	4207	36K-294.58	Thanh Hóa
1008	36K-301.58	Thanh Hóa	2608	37K-488.08	Nghệ An	4208	36K-294.59	Thanh Hóa
1009	36K-306.35	Thanh Hóa	2609	37K-491.36	Nghệ An	4209	36K-297.08	Thanh Hóa
1010	37B-048.19	Nghệ An	2610	37K-494.26	Nghệ An	4210	36K-297.56	Thanh Hóa
1011	37B-049.83	Nghệ An	2611	37K-498.95	Nghệ An	4211	36K-297.58	Thanh Hóa
1012	37C-567.35	Nghệ An	2612	37K-500.18	Nghệ An	4212	37B-050.25	Nghệ An
1013	37C-570.58	Nghệ An	2613	37K-503.63	Nghệ An	4213	37C-576.06	Nghệ An
1014	37C-571.83	Nghệ An	2614	37K-519.83	Nghệ An	4214	37C-581.08	Nghệ An
1015	37C-573.98	Nghệ An	2615	37K-530.28	Nghệ An	4215	37C-586.63	Nghệ An
1016	37C-575.58	Nghệ An	2616	37K-545.26	Nghệ An	4216	37C-594.28	Nghệ An
1017	37C-575.83	Nghệ An	2617	37K-545.58	Nghệ An	4217	37K-483.08	Nghệ An
1018	37C-576.28	Nghệ An	2618	37K-558.15	Nghệ An	4218	37K-484.19	Nghệ An
1019	37C-589.28	Nghệ An	2619	37K-561.06	Nghệ An	4219	37K-489.06	Nghệ An
1020	37C-589.63	Nghệ An	2620	37K-561.38	Nghệ An	4220	37K-491.29	Nghệ An
1021	37C-590.15	Nghệ An	2621	37K-568.09	Nghệ An	4221	37K-495.29	Nghệ An
1022	37C-590.29	Nghệ An	2622	37K-573.09	Nghệ An	4222	37K-505.85	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	37D-049.83	Nghệ An	2623	37K-573.16	Nghệ An	4223	37K-508.59	Nghệ An
1024	37D-050.85	Nghệ An	2624	37K-574.63	Nghệ An	4224	37K-511.83	Nghệ An
1025	37K-485.65	Nghệ An	2625	38A-679.08	Hà Tĩnh	4225	37K-511.85	Nghệ An
1026	37K-489.16	Nghệ An	2626	38A-679.85	Hà Tĩnh	4226	37K-515.85	Nghệ An
1027	37K-489.63	Nghệ An	2627	38A-680.98	Hà Tĩnh	4227	37K-516.58	Nghệ An
1028	37K-497.38	Nghệ An	2628	38A-683.58	Hà Tĩnh	4228	37K-516.63	Nghệ An
1029	37K-498.36	Nghệ An	2629	38A-684.18	Hà Tĩnh	4229	37K-537.26	Nghệ An
1030	37K-510.16	Nghệ An	2630	38A-685.96	Hà Tĩnh	4230	37K-550.56	Nghệ An
1031	37K-516.38	Nghệ An	2631	38A-690.63	Hà Tĩnh	4231	37K-559.83	Nghệ An
1032	37K-521.28	Nghệ An	2632	38A-697.19	Hà Tĩnh	4232	37K-565.08	Nghệ An
1033	37K-525.83	Nghệ An	2633	38A-708.16	Hà Tĩnh	4233	37K-569.28	Nghệ An
1034	37K-526.35	Nghệ An	2634	38A-709.59	Hà Tĩnh	4234	37K-574.65	Nghệ An
1035	37K-528.98	Nghệ An	2635	38A-710.83	Hà Tĩnh	4235	38A-680.63	Hà Tĩnh
1036	37K-530.18	Nghệ An	2636	38A-711.19	Hà Tĩnh	4236	38A-687.56	Hà Tĩnh
1037	37K-535.09	Nghệ An	2637	38C-248.65	Hà Tĩnh	4237	38A-689.28	Hà Tĩnh
1038	37K-535.98	Nghệ An	2638	38C-249.26	Hà Tĩnh	4238	38A-689.29	Hà Tĩnh
1039	37K-539.63	Nghệ An	2639	38C-249.56	Hà Tĩnh	4239	38A-690.16	Hà Tĩnh
1040	37K-540.06	Nghệ An	2640	38D-020.26	Hà Tĩnh	4240	38A-690.25	Hà Tĩnh
1041	37K-543.96	Nghệ An	2641	38D-022.08	Hà Tĩnh	4241	38A-694.85	Hà Tĩnh
1042	37K-545.56	Nghệ An	2642	38D-022.59	Hà Tĩnh	4242	38A-698.95	Hà Tĩnh
1043	37K-547.95	Nghệ An	2643	43A-942.08	Đà Nẵng	4243	38A-703.35	Hà Tĩnh
1044	37K-552.36	Nghệ An	2644	43A-944.19	Đà Nẵng	4244	38A-710.25	Hà Tĩnh
1045	37K-554.95	Nghệ An	2645	43A-945.98	Đà Nẵng	4245	38A-710.98	Hà Tĩnh
1046	37K-555.65	Nghệ An	2646	43A-950.28	Đà Nẵng	4246	38C-247.38	Hà Tĩnh
1047	37K-561.28	Nghệ An	2647	43A-957.26	Đà Nẵng	4247	38C-251.35	Hà Tĩnh
1048	38A-680.83	Hà Tĩnh	2648	43A-961.09	Đà Nẵng	4248	38C-251.58	Hà Tĩnh
1049	38A-683.15	Hà Tĩnh	2649	43A-961.25	Đà Nẵng	4249	38C-253.18	Hà Tĩnh
1050	38A-687.18	Hà Tĩnh	2650	43A-962.28	Đà Nẵng	4250	38D-022.28	Hà Tĩnh
1051	38A-689.35	Hà Tĩnh	2651	43A-971.98	Đà Nẵng	4251	38D-023.59	Hà Tĩnh
1052	38A-693.25	Hà Tĩnh	2652	43A-972.65	Đà Nẵng	4252	43A-946.08	Đà Nẵng
1053	38A-699.08	Hà Tĩnh	2653	43A-974.56	Đà Nẵng	4253	43A-947.59	Đà Nẵng
1054	38A-702.08	Hà Tĩnh	2654	43A-977.98	Đà Nẵng	4254	43A-949.06	Đà Nẵng
1055	38A-703.28	Hà Tĩnh	2655	43B-066.95	Đà Nẵng	4255	43A-949.18	Đà Nẵng
1056	38A-707.06	Hà Tĩnh	2656	43B-067.29	Đà Nẵng	4256	43A-949.28	Đà Nẵng
1057	38B-024.59	Hà Tĩnh	2657	43C-315.59	Đà Nẵng	4257	43A-955.18	Đà Nẵng
1058	38C-245.25	Hà Tĩnh	2658	47A-815.59	Đắk Lắk	4258	43A-963.15	Đà Nẵng
1059	38C-245.29	Hà Tĩnh	2659	47A-816.83	Đắk Lắk	4259	43A-967.25	Đà Nẵng
1060	38C-247.19	Hà Tĩnh	2660	47A-817.36	Đắk Lắk	4260	43A-970.25	Đà Nẵng
1061	38C-250.96	Hà Tĩnh	2661	47A-817.38	Đắk Lắk	4261	43A-971.19	Đà Nẵng
1062	43A-942.83	Đà Nẵng	2662	47A-823.18	Đắk Lắk	4262	43A-974.29	Đà Nẵng
1063	43A-949.83	Đà Nẵng	2663	47A-826.59	Đắk Lắk	4263	43A-980.16	Đà Nẵng

Đ. L.
 CÔNG
 ĐẤU
 HỢP
 VIỆT
 H. XU

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	43A-954.19	Đà Nẵng	2664	47A-842.26	Đắk Lắk	4264	43A-980.56	Đà Nẵng
1065	43A-956.35	Đà Nẵng	2665	47A-842.83	Đắk Lắk	4265	43B-065.96	Đà Nẵng
1066	43A-958.38	Đà Nẵng	2666	47A-844.65	Đắk Lắk	4266	43D-015.09	Đà Nẵng
1067	43A-960.58	Đà Nẵng	2667	47A-854.09	Đắk Lắk	4267	47A-821.08	Đắk Lắk
1068	43A-961.36	Đà Nẵng	2668	47A-856.98	Đắk Lắk	4268	47A-823.63	Đắk Lắk
1069	43A-963.09	Đà Nẵng	2669	47A-857.18	Đắk Lắk	4269	47A-826.63	Đắk Lắk
1070	43A-969.28	Đà Nẵng	2670	47A-859.15	Đắk Lắk	4270	47A-828.95	Đắk Lắk
1071	43A-969.56	Đà Nẵng	2671	47B-044.59	Đắk Lắk	4271	47A-829.08	Đắk Lắk
1072	43A-974.85	Đà Nẵng	2672	47C-403.95	Đắk Lắk	4272	47A-830.18	Đắk Lắk
1073	43C-320.35	Đà Nẵng	2673	47C-409.56	Đắk Lắk	4273	47A-835.63	Đắk Lắk
1074	43C-320.83	Đà Nẵng	2674	47C-422.36	Đắk Lắk	4274	47A-844.36	Đắk Lắk
1075	43C-324.18	Đà Nẵng	2675	48A-250.09	Đắk Nông	4275	47A-847.19	Đắk Lắk
1076	43D-012.06	Đà Nẵng	2676	48A-257.35	Đắk Nông	4276	47A-848.83	Đắk Lắk
1077	47A-816.95	Đắk Lắk	2677	48B-015.09	Đắk Nông	4277	47A-850.18	Đắk Lắk
1078	47A-818.06	Đắk Lắk	2678	48C-117.06	Đắk Nông	4278	47A-851.18	Đắk Lắk
1079	47A-819.15	Đắk Lắk	2679	48C-120.95	Đắk Nông	4279	47B-045.65	Đắk Lắk
1080	47A-822.29	Đắk Lắk	2680	48C-122.85	Đắk Nông	4280	47C-402.59	Đắk Lắk
1081	47A-824.38	Đắk Lắk	2681	48D-007.16	Đắk Nông	4281	47C-403.38	Đắk Lắk
1082	47A-826.15	Đắk Lắk	2682	49A-753.26	Lâm Đồng	4282	47C-405.56	Đắk Lắk
1083	47A-828.56	Đắk Lắk	2683	49A-753.29	Lâm Đồng	4283	47C-406.85	Đắk Lắk
1084	47A-829.95	Đắk Lắk	2684	49A-758.06	Lâm Đồng	4284	47C-410.06	Đắk Lắk
1085	47A-831.98	Đắk Lắk	2685	49A-758.38	Lâm Đồng	4285	47C-411.65	Đắk Lắk
1086	47A-840.36	Đắk Lắk	2686	49A-758.63	Lâm Đồng	4286	47C-412.65	Đắk Lắk
1087	47A-859.56	Đắk Lắk	2687	49A-764.95	Lâm Đồng	4287	47C-414.09	Đắk Lắk
1088	47A-862.25	Đắk Lắk	2688	49A-770.35	Lâm Đồng	4288	47C-421.58	Đắk Lắk
1089	47A-864.25	Đắk Lắk	2689	49A-774.06	Lâm Đồng	4289	47D-021.28	Đắk Lắk
1090	47A-864.85	Đắk Lắk	2690	49A-776.65	Lâm Đồng	4290	48A-250.26	Đắk Nông
1091	47B-044.25	Đắk Lắk	2691	49B-033.58	Lâm Đồng	4291	48A-259.83	Đắk Nông
1092	47C-397.59	Đắk Lắk	2692	49C-385.08	Lâm Đồng	4292	48A-260.19	Đắk Nông
1093	47C-399.26	Đắk Lắk	2693	49C-393.96	Lâm Đồng	4293	48D-006.83	Đắk Nông
1094	47C-405.25	Đắk Lắk	2694	49C-394.18	Lâm Đồng	4294	49A-746.18	Lâm Đồng
1095	47C-406.09	Đắk Lắk	2695	49C-396.25	Lâm Đồng	4295	49A-752.59	Lâm Đồng
1096	47C-409.36	Đắk Lắk	2696	49C-397.36	Lâm Đồng	4296	49A-774.28	Lâm Đồng
1097	47C-410.25	Đắk Lắk	2697	49D-015.26	Lâm Đồng	4297	49A-774.56	Lâm Đồng
1098	47C-418.59	Đắk Lắk	2698	49D-017.58	Lâm Đồng	4298	49A-775.38	Lâm Đồng
1099	48B-016.95	Đắk Nông	2699	51B-714.28	Hồ Chí Minh	4299	49C-383.95	Lâm Đồng
1100	48C-116.95	Đắk Nông	2700	51E-343.25	Hồ Chí Minh	4300	49C-384.56	Lâm Đồng
1101	48C-118.98	Đắk Nông	2701	51E-344.83	Hồ Chí Minh	4301	49C-385.36	Lâm Đồng
1102	48C-121.58	Đắk Nông	2702	51E-347.85	Hồ Chí Minh	4302	49C-391.09	Lâm Đồng
1103	48C-121.59	Đắk Nông	2703	51E-350.63	Hồ Chí Minh	4303	49C-393.59	Lâm Đồng
1104	49A-752.56	Lâm Đồng	2704	51E-351.26	Hồ Chí Minh	4304	49C-398.09	Lâm Đồng

I - C
 TỶ
 GIÁ
 ANH
 NAM
 V - T.P

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	49A-761.56	Lâm Đồng	2705	51E-352.38	Hồ Chí Minh	4305	51B-713.08	Hồ Chí Minh
1106	49A-767.56	Lâm Đồng	2706	51E-352.56	Hồ Chí Minh	4306	51B-715.08	Hồ Chí Minh
1107	49A-773.63	Lâm Đồng	2707	51L-921.18	Hồ Chí Minh	4307	51B-715.63	Hồ Chí Minh
1108	49A-781.06	Lâm Đồng	2708	51L-921.25	Hồ Chí Minh	4308	51E-347.58	Hồ Chí Minh
1109	49A-781.65	Lâm Đồng	2709	51L-922.38	Hồ Chí Minh	4309	51E-348.38	Hồ Chí Minh
1110	49B-032.83	Lâm Đồng	2710	51L-931.95	Hồ Chí Minh	4310	51L-899.36	Hồ Chí Minh
1111	49C-384.19	Lâm Đồng	2711	51L-934.65	Hồ Chí Minh	4311	51L-899.59	Hồ Chí Minh
1112	49C-390.19	Lâm Đồng	2712	51L-934.83	Hồ Chí Minh	4312	51L-904.83	Hồ Chí Minh
1113	49C-396.16	Lâm Đồng	2713	51L-936.08	Hồ Chí Minh	4313	51L-905.85	Hồ Chí Minh
1114	51B-712.56	Hồ Chí Minh	2714	51L-942.19	Hồ Chí Minh	4314	51L-907.38	Hồ Chí Minh
1115	51E-340.63	Hồ Chí Minh	2715	51L-947.06	Hồ Chí Minh	4315	51L-915.28	Hồ Chí Minh
1116	51E-345.08	Hồ Chí Minh	2716	51L-951.85	Hồ Chí Minh	4316	51L-916.35	Hồ Chí Minh
1117	51E-346.98	Hồ Chí Minh	2717	51L-952.19	Hồ Chí Minh	4317	51L-917.09	Hồ Chí Minh
1118	51E-348.36	Hồ Chí Minh	2718	51L-956.83	Hồ Chí Minh	4318	51L-922.59	Hồ Chí Minh
1119	51E-350.65	Hồ Chí Minh	2719	51L-966.65	Hồ Chí Minh	4319	51L-931.65	Hồ Chí Minh
1120	51E-351.38	Hồ Chí Minh	2720	51L-972.63	Hồ Chí Minh	4320	51L-934.26	Hồ Chí Minh
1121	51E-351.56	Hồ Chí Minh	2721	51L-974.19	Hồ Chí Minh	4321	51L-938.06	Hồ Chí Minh
1122	51E-353.98	Hồ Chí Minh	2722	51L-979.16	Hồ Chí Minh	4322	51L-938.96	Hồ Chí Minh
1123	51L-911.96	Hồ Chí Minh	2723	51L-988.56	Hồ Chí Minh	4323	51L-951.16	Hồ Chí Minh
1124	51L-913.63	Hồ Chí Minh	2724	51L-992.15	Hồ Chí Minh	4324	51L-951.25	Hồ Chí Minh
1125	51L-915.09	Hồ Chí Minh	2725	51L-993.65	Hồ Chí Minh	4325	51L-958.98	Hồ Chí Minh
1126	51L-930.36	Hồ Chí Minh	2726	51L-997.25	Hồ Chí Minh	4326	51L-959.56	Hồ Chí Minh
1127	51L-936.28	Hồ Chí Minh	2727	51M-055.38	Hồ Chí Minh	4327	51L-965.38	Hồ Chí Minh
1128	51L-937.25	Hồ Chí Minh	2728	51M-058.08	Hồ Chí Minh	4328	51L-966.38	Hồ Chí Minh
1129	51L-939.29	Hồ Chí Minh	2729	51M-061.08	Hồ Chí Minh	4329	51L-977.63	Hồ Chí Minh
1130	51L-944.08	Hồ Chí Minh	2730	51M-079.95	Hồ Chí Minh	4330	51L-992.63	Hồ Chí Minh
1131	51L-962.35	Hồ Chí Minh	2731	51M-084.26	Hồ Chí Minh	4331	51L-993.85	Hồ Chí Minh
1132	51L-970.95	Hồ Chí Minh	2732	51M-087.29	Hồ Chí Minh	4332	51M-053.28	Hồ Chí Minh
1133	51L-971.08	Hồ Chí Minh	2733	51M-092.63	Hồ Chí Minh	4333	51M-053.56	Hồ Chí Minh
1134	51L-974.83	Hồ Chí Minh	2734	51M-093.95	Hồ Chí Minh	4334	51M-058.16	Hồ Chí Minh
1135	51L-975.15	Hồ Chí Minh	2735	51M-113.08	Hồ Chí Minh	4335	51M-058.83	Hồ Chí Minh
1136	51L-975.58	Hồ Chí Minh	2736	51M-117.83	Hồ Chí Minh	4336	51M-062.83	Hồ Chí Minh
1137	51L-976.26	Hồ Chí Minh	2737	51M-119.25	Hồ Chí Minh	4337	51M-063.65	Hồ Chí Minh
1138	51L-979.59	Hồ Chí Minh	2738	51M-120.35	Hồ Chí Minh	4338	51M-070.29	Hồ Chí Minh
1139	51L-985.56	Hồ Chí Minh	2739	51M-131.59	Hồ Chí Minh	4339	51M-073.96	Hồ Chí Minh
1140	51L-992.16	Hồ Chí Minh	2740	51M-135.16	Hồ Chí Minh	4340	51M-085.98	Hồ Chí Minh
1141	51M-054.65	Hồ Chí Minh	2741	51M-136.06	Hồ Chí Minh	4341	51M-098.06	Hồ Chí Minh
1142	51M-060.28	Hồ Chí Minh	2742	51M-138.28	Hồ Chí Minh	4342	51M-103.09	Hồ Chí Minh
1143	51M-063.15	Hồ Chí Minh	2743	51M-139.56	Hồ Chí Minh	4343	51M-103.29	Hồ Chí Minh
1144	51M-070.98	Hồ Chí Minh	2744	51M-139.59	Hồ Chí Minh	4344	51M-110.35	Hồ Chí Minh
1145	51M-077.18	Hồ Chí Minh	2745	51M-144.16	Hồ Chí Minh	4345	51M-117.98	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	51M-078.83	Hồ Chí Minh	2746	51M-144.95	Hồ Chí Minh	4346	51M-118.16	Hồ Chí Minh
1147	51M-078.98	Hồ Chí Minh	2747	51M-146.08	Hồ Chí Minh	4347	51M-122.29	Hồ Chí Minh
1148	51M-081.63	Hồ Chí Minh	2748	51M-146.63	Hồ Chí Minh	4348	51M-128.96	Hồ Chí Minh
1149	51M-085.83	Hồ Chí Minh	2749	51M-147.98	Hồ Chí Minh	4349	51M-139.58	Hồ Chí Minh
1150	51M-095.29	Hồ Chí Minh	2750	51M-154.26	Hồ Chí Minh	4350	51M-141.95	Hồ Chí Minh
1151	51M-097.59	Hồ Chí Minh	2751	51M-158.16	Hồ Chí Minh	4351	51M-148.36	Hồ Chí Minh
1152	51M-098.36	Hồ Chí Minh	2752	51M-158.98	Hồ Chí Minh	4352	51M-150.06	Hồ Chí Minh
1153	51M-101.56	Hồ Chí Minh	2753	51M-159.25	Hồ Chí Minh	4353	51M-153.98	Hồ Chí Minh
1154	51M-102.36	Hồ Chí Minh	2754	51M-160.09	Hồ Chí Minh	4354	51M-154.56	Hồ Chí Minh
1155	51M-109.59	Hồ Chí Minh	2755	51M-161.56	Hồ Chí Minh	4355	51M-161.35	Hồ Chí Minh
1156	51M-110.96	Hồ Chí Minh	2756	51M-162.65	Hồ Chí Minh	4356	51M-164.98	Hồ Chí Minh
1157	51M-112.35	Hồ Chí Minh	2757	51M-163.98	Hồ Chí Minh	4357	51M-166.09	Hồ Chí Minh
1158	51M-116.15	Hồ Chí Minh	2758	51M-178.09	Hồ Chí Minh	4358	51M-166.19	Hồ Chí Minh
1159	51M-117.08	Hồ Chí Minh	2759	51M-179.15	Hồ Chí Minh	4359	51M-174.28	Hồ Chí Minh
1160	51M-120.56	Hồ Chí Minh	2760	51M-182.63	Hồ Chí Minh	4360	51M-176.63	Hồ Chí Minh
1161	51M-128.65	Hồ Chí Minh	2761	51M-183.19	Hồ Chí Minh	4361	51M-198.25	Hồ Chí Minh
1162	51M-128.85	Hồ Chí Minh	2762	51M-188.38	Hồ Chí Minh	4362	51M-198.38	Hồ Chí Minh
1163	51M-134.15	Hồ Chí Minh	2763	51M-190.16	Hồ Chí Minh	4363	51M-200.95	Hồ Chí Minh
1164	51M-135.15	Hồ Chí Minh	2764	51M-191.16	Hồ Chí Minh	4364	51M-201.63	Hồ Chí Minh
1165	51M-135.85	Hồ Chí Minh	2765	51M-197.26	Hồ Chí Minh	4365	51M-204.85	Hồ Chí Minh
1166	51M-136.58	Hồ Chí Minh	2766	51M-198.58	Hồ Chí Minh	4366	51M-211.58	Hồ Chí Minh
1167	51M-138.98	Hồ Chí Minh	2767	51M-202.35	Hồ Chí Minh	4367	51M-212.18	Hồ Chí Minh
1168	51M-140.83	Hồ Chí Minh	2768	51M-202.38	Hồ Chí Minh	4368	51M-224.15	Hồ Chí Minh
1169	51M-145.96	Hồ Chí Minh	2769	51M-205.58	Hồ Chí Minh	4369	51M-224.26	Hồ Chí Minh
1170	51M-147.25	Hồ Chí Minh	2770	51M-206.96	Hồ Chí Minh	4370	51M-230.09	Hồ Chí Minh
1171	51M-150.26	Hồ Chí Minh	2771	51M-208.18	Hồ Chí Minh	4371	51M-231.58	Hồ Chí Minh
1172	51M-154.96	Hồ Chí Minh	2772	51M-209.65	Hồ Chí Minh	4372	51M-234.63	Hồ Chí Minh
1173	51M-156.08	Hồ Chí Minh	2773	51M-209.83	Hồ Chí Minh	4373	51M-235.15	Hồ Chí Minh
1174	51M-158.25	Hồ Chí Minh	2774	51M-212.85	Hồ Chí Minh	4374	51M-243.29	Hồ Chí Minh
1175	51M-158.29	Hồ Chí Minh	2775	51M-213.15	Hồ Chí Minh	4375	51M-246.19	Hồ Chí Minh
1176	51M-161.83	Hồ Chí Minh	2776	51M-215.25	Hồ Chí Minh	4376	51M-246.65	Hồ Chí Minh
1177	51M-164.36	Hồ Chí Minh	2777	51M-220.09	Hồ Chí Minh	4377	51M-246.85	Hồ Chí Minh
1178	51M-167.63	Hồ Chí Minh	2778	51M-221.56	Hồ Chí Minh	4378	51M-249.65	Hồ Chí Minh
1179	51M-170.59	Hồ Chí Minh	2779	51M-225.15	Hồ Chí Minh	4379	51M-252.29	Hồ Chí Minh
1180	51M-170.83	Hồ Chí Minh	2780	51M-225.19	Hồ Chí Minh	4380	51M-254.15	Hồ Chí Minh
1181	51M-176.29	Hồ Chí Minh	2781	51M-226.35	Hồ Chí Minh	4381	51M-256.59	Hồ Chí Minh
1182	51M-178.18	Hồ Chí Minh	2782	51M-233.15	Hồ Chí Minh	4382	51M-257.18	Hồ Chí Minh
1183	51M-178.58	Hồ Chí Minh	2783	51M-234.08	Hồ Chí Minh	4383	51M-259.26	Hồ Chí Minh
1184	51M-181.16	Hồ Chí Minh	2784	51M-234.15	Hồ Chí Minh	4384	51M-271.16	Hồ Chí Minh
1185	51M-182.19	Hồ Chí Minh	2785	51M-244.28	Hồ Chí Minh	4385	51M-283.19	Hồ Chí Minh
1186	51M-183.15	Hồ Chí Minh	2786	51M-245.09	Hồ Chí Minh	4386	51M-284.58	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	51M-188.95	Hồ Chí Minh	2787	51M-252.59	Hồ Chí Minh	4387	51M-285.09	Hồ Chí Minh
1188	51M-190.98	Hồ Chí Minh	2788	51M-261.25	Hồ Chí Minh	4388	51M-285.36	Hồ Chí Minh
1189	51M-193.08	Hồ Chí Minh	2789	51M-264.25	Hồ Chí Minh	4389	51M-287.15	Hồ Chí Minh
1190	51M-202.15	Hồ Chí Minh	2790	51M-264.38	Hồ Chí Minh	4390	51M-290.08	Hồ Chí Minh
1191	51M-204.58	Hồ Chí Minh	2791	51M-267.65	Hồ Chí Minh	4391	51M-301.25	Hồ Chí Minh
1192	51M-212.58	Hồ Chí Minh	2792	51M-268.25	Hồ Chí Minh	4392	51M-302.16	Hồ Chí Minh
1193	51M-221.65	Hồ Chí Minh	2793	51M-269.38	Hồ Chí Minh	4393	51M-306.28	Hồ Chí Minh
1194	51M-224.16	Hồ Chí Minh	2794	51M-272.95	Hồ Chí Minh	4394	51M-307.18	Hồ Chí Minh
1195	51M-234.36	Hồ Chí Minh	2795	51M-276.63	Hồ Chí Minh	4395	51M-310.98	Hồ Chí Minh
1196	51M-238.08	Hồ Chí Minh	2796	51M-285.06	Hồ Chí Minh	4396	51N-009.85	Hồ Chí Minh
1197	51M-242.56	Hồ Chí Minh	2797	51M-286.85	Hồ Chí Minh	4397	51N-010.98	Hồ Chí Minh
1198	51M-246.26	Hồ Chí Minh	2798	51M-287.18	Hồ Chí Minh	4398	51N-012.28	Hồ Chí Minh
1199	51M-249.18	Hồ Chí Minh	2799	51M-299.63	Hồ Chí Minh	4399	51N-017.63	Hồ Chí Minh
1200	51M-249.36	Hồ Chí Minh	2800	51M-308.26	Hồ Chí Minh	4400	51N-020.06	Hồ Chí Minh
1201	51M-255.96	Hồ Chí Minh	2801	51M-308.58	Hồ Chí Minh	4401	51N-025.29	Hồ Chí Minh
1202	51M-256.06	Hồ Chí Minh	2802	51M-308.85	Hồ Chí Minh	4402	51N-027.56	Hồ Chí Minh
1203	51M-258.56	Hồ Chí Minh	2803	51M-308.96	Hồ Chí Minh	4403	51N-029.95	Hồ Chí Minh
1204	51M-263.16	Hồ Chí Minh	2804	51N-000.65	Hồ Chí Minh	4404	51N-042.15	Hồ Chí Minh
1205	51M-268.85	Hồ Chí Minh	2805	51N-016.58	Hồ Chí Minh	4405	51N-042.38	Hồ Chí Minh
1206	51M-269.65	Hồ Chí Minh	2806	51N-019.59	Hồ Chí Minh	4406	51N-049.58	Hồ Chí Minh
1207	51M-275.16	Hồ Chí Minh	2807	51N-021.59	Hồ Chí Minh	4407	51N-051.38	Hồ Chí Minh
1208	51M-279.28	Hồ Chí Minh	2808	51N-022.35	Hồ Chí Minh	4408	51N-058.29	Hồ Chí Minh
1209	51M-286.15	Hồ Chí Minh	2809	51N-022.65	Hồ Chí Minh	4409	51N-071.09	Hồ Chí Minh
1210	51M-287.16	Hồ Chí Minh	2810	51N-030.59	Hồ Chí Minh	4410	51N-071.29	Hồ Chí Minh
1211	51M-299.08	Hồ Chí Minh	2811	51N-034.29	Hồ Chí Minh	4411	51N-072.19	Hồ Chí Minh
1212	51M-302.56	Hồ Chí Minh	2812	51N-035.06	Hồ Chí Minh	4412	51N-073.96	Hồ Chí Minh
1213	51N-006.63	Hồ Chí Minh	2813	51N-047.09	Hồ Chí Minh	4413	51N-074.15	Hồ Chí Minh
1214	51N-007.63	Hồ Chí Minh	2814	51N-047.19	Hồ Chí Minh	4414	51N-076.25	Hồ Chí Minh
1215	51N-008.58	Hồ Chí Minh	2815	51N-049.98	Hồ Chí Minh	4415	51N-077.16	Hồ Chí Minh
1216	51N-010.35	Hồ Chí Minh	2816	51N-052.36	Hồ Chí Minh	4416	51N-084.38	Hồ Chí Minh
1217	51N-012.35	Hồ Chí Minh	2817	51N-063.26	Hồ Chí Minh	4417	51N-086.59	Hồ Chí Minh
1218	51N-014.25	Hồ Chí Minh	2818	51N-065.98	Hồ Chí Minh	4418	51N-090.95	Hồ Chí Minh
1219	51N-018.38	Hồ Chí Minh	2819	51N-067.26	Hồ Chí Minh	4419	51N-094.59	Hồ Chí Minh
1220	51N-026.83	Hồ Chí Minh	2820	51N-073.16	Hồ Chí Minh	4420	51N-095.36	Hồ Chí Minh
1221	51N-028.09	Hồ Chí Minh	2821	51N-080.98	Hồ Chí Minh	4421	51N-102.25	Hồ Chí Minh
1222	51N-034.59	Hồ Chí Minh	2822	51N-086.98	Hồ Chí Minh	4422	51N-106.56	Hồ Chí Minh
1223	51N-037.65	Hồ Chí Minh	2823	51N-096.36	Hồ Chí Minh	4423	51N-113.26	Hồ Chí Minh
1224	51N-040.26	Hồ Chí Minh	2824	51N-105.09	Hồ Chí Minh	4424	51N-118.26	Hồ Chí Minh
1225	51N-047.26	Hồ Chí Minh	2825	51N-113.83	Hồ Chí Minh	4425	51N-132.65	Hồ Chí Minh
1226	51N-066.15	Hồ Chí Minh	2826	51N-117.85	Hồ Chí Minh	4426	51N-134.38	Hồ Chí Minh
1227	51N-072.08	Hồ Chí Minh	2827	51N-120.28	Hồ Chí Minh	4427	51N-148.98	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51N-073.95	Hồ Chí Minh	2828	51N-124.26	Hồ Chí Minh	4428	51N-149.09	Hồ Chí Minh
1229	51N-074.29	Hồ Chí Minh	2829	51N-126.35	Hồ Chí Minh	4429	51N-152.65	Hồ Chí Minh
1230	51N-076.58	Hồ Chí Minh	2830	51N-134.08	Hồ Chí Minh	4430	60C-759.36	Đồng Nai
1231	51N-078.83	Hồ Chí Minh	2831	51N-136.26	Hồ Chí Minh	4431	60C-765.58	Đồng Nai
1232	51N-083.98	Hồ Chí Minh	2832	51N-144.59	Hồ Chí Minh	4432	60C-774.29	Đồng Nai
1233	51N-086.36	Hồ Chí Minh	2833	51N-146.09	Hồ Chí Minh	4433	60C-790.83	Đồng Nai
1234	51N-093.85	Hồ Chí Minh	2834	51N-151.16	Hồ Chí Minh	4434	60C-791.58	Đồng Nai
1235	51N-099.35	Hồ Chí Minh	2835	51N-153.06	Hồ Chí Minh	4435	60K-625.15	Đồng Nai
1236	51N-103.25	Hồ Chí Minh	2836	60C-758.35	Đồng Nai	4436	60K-626.85	Đồng Nai
1237	51N-103.29	Hồ Chí Minh	2837	60C-764.15	Đồng Nai	4437	60K-629.19	Đồng Nai
1238	51N-105.59	Hồ Chí Minh	2838	60C-764.35	Đồng Nai	4438	60K-631.58	Đồng Nai
1239	51N-105.95	Hồ Chí Minh	2839	60C-773.06	Đồng Nai	4439	60K-637.08	Đồng Nai
1240	51N-107.65	Hồ Chí Minh	2840	60C-773.38	Đồng Nai	4440	60K-641.36	Đồng Nai
1241	51N-112.08	Hồ Chí Minh	2841	60C-773.65	Đồng Nai	4441	60K-643.15	Đồng Nai
1242	51N-116.56	Hồ Chí Minh	2842	60C-774.95	Đồng Nai	4442	60K-643.19	Đồng Nai
1243	51N-123.28	Hồ Chí Minh	2843	60C-776.36	Đồng Nai	4443	60K-660.16	Đồng Nai
1244	51N-124.58	Hồ Chí Minh	2844	60C-778.59	Đồng Nai	4444	60K-664.59	Đồng Nai
1245	51N-128.15	Hồ Chí Minh	2845	60C-779.18	Đồng Nai	4445	60K-667.25	Đồng Nai
1246	51N-130.19	Hồ Chí Minh	2846	60C-782.29	Đồng Nai	4446	60K-672.08	Đồng Nai
1247	51N-132.18	Hồ Chí Minh	2847	60C-784.38	Đồng Nai	4447	60K-672.29	Đồng Nai
1248	51N-139.06	Hồ Chí Minh	2848	60C-788.95	Đồng Nai	4448	60K-675.26	Đồng Nai
1249	51N-140.56	Hồ Chí Minh	2849	60C-791.59	Đồng Nai	4449	60K-675.98	Đồng Nai
1250	51N-146.28	Hồ Chí Minh	2850	60C-793.59	Đồng Nai	4450	60K-679.08	Đồng Nai
1251	51N-151.65	Hồ Chí Minh	2851	60D-025.09	Đồng Nai	4451	60K-680.09	Đồng Nai
1252	51N-152.58	Hồ Chí Minh	2852	60K-621.29	Đồng Nai	4452	60K-681.83	Đồng Nai
1253	60B-078.58	Đồng Nai	2853	60K-622.18	Đồng Nai	4453	60K-682.18	Đồng Nai
1254	60B-078.83	Đồng Nai	2854	60K-624.95	Đồng Nai	4454	60K-687.26	Đồng Nai
1255	60C-761.83	Đồng Nai	2855	60K-628.15	Đồng Nai	4455	60K-692.59	Đồng Nai
1256	60C-762.25	Đồng Nai	2856	60K-637.85	Đồng Nai	4456	60K-694.28	Đồng Nai
1257	60C-771.19	Đồng Nai	2857	60K-639.29	Đồng Nai	4457	60K-695.09	Đồng Nai
1258	60C-772.63	Đồng Nai	2858	60K-642.16	Đồng Nai	4458	60K-701.26	Đồng Nai
1259	60C-772.83	Đồng Nai	2859	60K-656.95	Đồng Nai	4459	61B-047.35	Bình Dương
1260	60C-773.26	Đồng Nai	2860	60K-658.63	Đồng Nai	4460	61C-610.96	Bình Dương
1261	60C-778.16	Đồng Nai	2861	60K-667.83	Đồng Nai	4461	61C-616.56	Bình Dương
1262	60C-780.16	Đồng Nai	2862	60K-668.16	Đồng Nai	4462	61C-616.63	Bình Dương
1263	60C-783.25	Đồng Nai	2863	60K-672.63	Đồng Nai	4463	61C-623.35	Bình Dương
1264	60C-784.09	Đồng Nai	2864	60K-673.65	Đồng Nai	4464	61C-632.58	Bình Dương
1265	60C-785.06	Đồng Nai	2865	60K-674.18	Đồng Nai	4465	61C-634.08	Bình Dương
1266	60C-785.95	Đồng Nai	2866	60K-679.36	Đồng Nai	4466	61C-640.15	Bình Dương
1267	60C-790.65	Đồng Nai	2867	60K-684.28	Đồng Nai	4467	61C-643.26	Bình Dương
1268	60C-793.96	Đồng Nai	2868	60K-685.98	Đồng Nai	4468	61D-024.65	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	60C-794.25	Đồng Nai	2869	60K-693.29	Đồng Nai	4469	61K-522.28	Bình Dương
1270	60D-023.63	Đồng Nai	2870	60K-694.58	Đồng Nai	4470	61K-522.96	Bình Dương
1271	60K-621.28	Đồng Nai	2871	60K-698.38	Đồng Nai	4471	61K-523.85	Bình Dương
1272	60K-624.83	Đồng Nai	2872	60K-700.06	Đồng Nai	4472	61K-524.63	Bình Dương
1273	60K-628.58	Đồng Nai	2873	60K-702.19	Đồng Nai	4473	61K-524.96	Bình Dương
1274	60K-630.06	Đồng Nai	2874	61B-045.65	Bình Dương	4474	61K-525.36	Bình Dương
1275	60K-630.38	Đồng Nai	2875	61B-046.65	Bình Dương	4475	61K-534.98	Bình Dương
1276	60K-642.85	Đồng Nai	2876	61C-611.58	Bình Dương	4476	61K-536.19	Bình Dương
1277	60K-643.06	Đồng Nai	2877	61C-611.95	Bình Dương	4477	61K-536.95	Bình Dương
1278	60K-643.29	Đồng Nai	2878	61C-615.26	Bình Dương	4478	61K-542.25	Bình Dương
1279	60K-655.28	Đồng Nai	2879	61C-620.06	Bình Dương	4479	61K-546.95	Bình Dương
1280	60K-657.26	Đồng Nai	2880	61C-620.38	Bình Dương	4480	61K-548.26	Bình Dương
1281	60K-667.36	Đồng Nai	2881	61C-621.29	Bình Dương	4481	61K-552.08	Bình Dương
1282	60K-670.95	Đồng Nai	2882	61C-624.59	Bình Dương	4482	61K-559.09	Bình Dương
1283	60K-688.63	Đồng Nai	2883	61C-632.98	Bình Dương	4483	61K-560.83	Bình Dương
1284	60K-695.16	Đồng Nai	2884	61C-637.35	Bình Dương	4484	61K-571.95	Bình Dương
1285	60K-695.63	Đồng Nai	2885	61D-025.95	Bình Dương	4485	61K-573.98	Bình Dương
1286	60K-700.63	Đồng Nai	2886	61D-026.36	Bình Dương	4486	61K-574.15	Bình Dương
1287	61C-616.96	Bình Dương	2887	61K-519.16	Bình Dương	4487	61K-577.65	Bình Dương
1288	61C-625.16	Bình Dương	2888	61K-529.83	Bình Dương	4488	61K-580.16	Bình Dương
1289	61C-625.58	Bình Dương	2889	61K-538.28	Bình Dương	4489	61K-586.96	Bình Dương
1290	61C-625.65	Bình Dương	2890	61K-543.36	Bình Dương	4490	61K-587.29	Bình Dương
1291	61C-626.29	Bình Dương	2891	61K-544.96	Bình Dương	4491	61K-595.85	Bình Dương
1292	61C-626.96	Bình Dương	2892	61K-561.36	Bình Dương	4492	62A-469.98	Long An
1293	61C-628.19	Bình Dương	2893	61K-563.85	Bình Dương	4493	62A-486.28	Long An
1294	61C-629.18	Bình Dương	2894	61K-564.18	Bình Dương	4494	62A-486.65	Long An
1295	61C-630.98	Bình Dương	2895	61K-567.29	Bình Dương	4495	62A-488.16	Long An
1296	61K-521.18	Bình Dương	2896	61K-570.95	Bình Dương	4496	62A-489.19	Long An
1297	61K-526.58	Bình Dương	2897	61K-579.85	Bình Dương	4497	62A-492.09	Long An
1298	61K-530.08	Bình Dương	2898	61K-584.29	Bình Dương	4498	62A-492.38	Long An
1299	61K-535.26	Bình Dương	2899	61K-585.65	Bình Dương	4499	62A-493.36	Long An
1300	61K-538.36	Bình Dương	2900	61K-586.38	Bình Dương	4500	62B-031.85	Long An
1301	61K-545.65	Bình Dương	2901	61K-586.65	Bình Dương	4501	62B-032.65	Long An
1302	61K-548.65	Bình Dương	2902	61K-590.85	Bình Dương	4502	62C-219.18	Long An
1303	61K-550.19	Bình Dương	2903	61K-593.85	Bình Dương	4503	62C-221.06	Long An
1304	61K-552.18	Bình Dương	2904	61K-597.35	Bình Dương	4504	62C-225.56	Long An
1305	61K-554.25	Bình Dương	2905	62A-469.85	Long An	4505	62D-014.85	Long An
1306	61K-556.38	Bình Dương	2906	62A-472.63	Long An	4506	62D-016.09	Long An
1307	61K-561.09	Bình Dương	2907	62A-477.08	Long An	4507	62D-017.95	Long An
1308	61K-561.26	Bình Dương	2908	62A-477.36	Long An	4508	63A-324.95	Tiền Giang
1309	61K-564.29	Bình Dương	2909	62A-491.09	Long An	4509	63A-337.08	Tiền Giang

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	61K-565.06	Bình Dương	2910	62C-218.16	Long An	4510	63A-338.63	Tiền Giang
1311	61K-565.19	Bình Dương	2911	62C-221.26	Long An	4511	63A-338.98	Tiền Giang
1312	61K-571.16	Bình Dương	2912	62C-225.63	Long An	4512	63A-340.26	Tiền Giang
1313	61K-572.38	Bình Dương	2913	62D-018.26	Long An	4513	63A-342.38	Tiền Giang
1314	61K-574.28	Bình Dương	2914	63A-325.38	Tiền Giang	4514	63B-033.19	Tiền Giang
1315	61K-576.98	Bình Dương	2915	63A-326.15	Tiền Giang	4515	63B-033.63	Tiền Giang
1316	61K-582.38	Bình Dương	2916	63A-327.26	Tiền Giang	4516	63C-228.96	Tiền Giang
1317	61K-585.98	Bình Dương	2917	63A-330.26	Tiền Giang	4517	63C-233.65	Tiền Giang
1318	62A-473.06	Long An	2918	63C-229.58	Tiền Giang	4518	63C-237.09	Tiền Giang
1319	62A-474.35	Long An	2919	63C-232.35	Tiền Giang	4519	63C-240.29	Tiền Giang
1320	62A-475.65	Long An	2920	63C-232.56	Tiền Giang	4520	63C-240.35	Tiền Giang
1321	62A-478.15	Long An	2921	63C-233.56	Tiền Giang	4521	63D-013.29	Tiền Giang
1322	62A-478.26	Long An	2922	63C-234.63	Tiền Giang	4522	64B-017.38	Vĩnh Long
1323	62A-484.16	Long An	2923	64A-206.35	Vĩnh Long	4523	64B-019.08	Vĩnh Long
1324	62A-488.26	Long An	2924	64A-207.36	Vĩnh Long	4524	64C-136.16	Vĩnh Long
1325	62B-033.59	Long An	2925	64A-213.16	Vĩnh Long	4525	64C-140.15	Vĩnh Long
1326	63A-325.28	Tiền Giang	2926	64B-019.26	Vĩnh Long	4526	64D-007.63	Vĩnh Long
1327	63A-330.09	Tiền Giang	2927	64D-006.56	Vĩnh Long	4527	65A-516.25	Cần Thơ
1328	63A-331.16	Tiền Giang	2928	64D-007.38	Vĩnh Long	4528	65A-528.56	Cần Thơ
1329	63A-336.28	Tiền Giang	2929	65A-516.65	Cần Thơ	4529	65A-533.36	Cần Thơ
1330	63A-337.25	Tiền Giang	2930	65A-525.09	Cần Thơ	4530	65A-533.59	Cần Thơ
1331	63A-338.35	Tiền Giang	2931	65A-526.16	Cần Thơ	4531	65C-250.06	Cần Thơ
1332	63A-340.28	Tiền Giang	2932	65A-529.08	Cần Thơ	4532	65C-264.16	Cần Thơ
1333	63B-033.35	Tiền Giang	2933	65B-026.08	Cần Thơ	4533	65C-264.56	Cần Thơ
1334	63B-035.56	Tiền Giang	2934	65B-028.19	Cần Thơ	4534	65C-273.06	Cần Thơ
1335	63C-231.29	Tiền Giang	2935	65B-028.56	Cần Thơ	4535	65C-274.16	Cần Thơ
1336	63C-236.28	Tiền Giang	2936	65B-028.85	Cần Thơ	4536	65D-011.16	Cần Thơ
1337	63C-238.25	Tiền Giang	2937	65C-270.06	Cần Thơ	4537	65D-012.85	Cần Thơ
1338	64A-210.18	Vĩnh Long	2938	65C-274.36	Cần Thơ	4538	66A-303.15	Đồng Tháp
1339	64A-211.63	Vĩnh Long	2939	65C-277.38	Cần Thơ	4539	66A-303.18	Đồng Tháp
1340	64B-020.09	Vĩnh Long	2940	65D-012.63	Cần Thơ	4540	66A-306.95	Đồng Tháp
1341	64D-008.25	Vĩnh Long	2941	66A-301.95	Đồng Tháp	4541	66A-314.96	Đồng Tháp
1342	64D-008.95	Vĩnh Long	2942	66A-303.19	Đồng Tháp	4542	66C-184.58	Đồng Tháp
1343	65A-519.63	Cần Thơ	2943	66A-309.26	Đồng Tháp	4543	66C-191.65	Đồng Tháp
1344	65A-520.83	Cần Thơ	2944	66A-314.56	Đồng Tháp	4544	66C-192.08	Đồng Tháp
1345	65A-521.16	Cần Thơ	2945	66A-316.65	Đồng Tháp	4545	66D-013.36	Đồng Tháp
1346	65A-524.63	Cần Thơ	2946	66B-023.95	Đồng Tháp	4546	66D-014.16	Đồng Tháp
1347	65A-528.18	Cần Thơ	2947	66B-024.58	Đồng Tháp	4547	66D-015.36	Đồng Tháp
1348	65A-531.09	Cần Thơ	2948	66B-026.16	Đồng Tháp	4548	67A-334.83	An Giang
1349	65A-531.56	Cần Thơ	2949	66B-026.59	Đồng Tháp	4549	67A-339.95	An Giang
1350	65A-533.96	Cần Thơ	2950	66C-183.85	Đồng Tháp	4550	67A-342.16	An Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	65B-025.65	Cần Thơ	2951	66C-184.08	Đồng Tháp	4551	67A-345.18	An Giang
1352	65B-026.28	Cần Thơ	2952	66C-190.16	Đồng Tháp	4552	67A-346.26	An Giang
1353	65B-028.35	Cần Thơ	2953	66D-012.16	Đồng Tháp	4553	67C-193.38	An Giang
1354	65C-249.59	Cần Thơ	2954	66D-012.98	Đồng Tháp	4554	67C-193.96	An Giang
1355	65C-253.16	Cần Thơ	2955	67A-331.63	An Giang	4555	68A-366.15	Kiên Giang
1356	65C-268.19	Cần Thơ	2956	67A-332.25	An Giang	4556	68A-366.59	Kiên Giang
1357	65C-274.19	Cần Thơ	2957	67A-337.18	An Giang	4557	68A-371.38	Kiên Giang
1358	66A-302.85	Đồng Tháp	2958	67A-339.65	An Giang	4558	68A-378.63	Kiên Giang
1359	66A-304.28	Đồng Tháp	2959	67A-342.83	An Giang	4559	68A-380.59	Kiên Giang
1360	66A-307.83	Đồng Tháp	2960	67A-345.59	An Giang	4560	68D-008.38	Kiên Giang
1361	66A-311.28	Đồng Tháp	2961	67C-190.63	An Giang	4561	69A-169.83	Cà Mau
1362	66A-311.96	Đồng Tháp	2962	67C-191.35	An Giang	4562	69A-171.18	Cà Mau
1363	66A-316.35	Đồng Tháp	2963	67C-197.09	An Giang	4563	69B-017.36	Cà Mau
1364	66B-025.29	Đồng Tháp	2964	67D-012.15	An Giang	4564	69C-108.15	Cà Mau
1365	66C-188.56	Đồng Tháp	2965	67D-012.19	An Giang	4565	70A-588.36	Tây Ninh
1366	66C-191.56	Đồng Tháp	2966	67D-012.65	An Giang	4566	70A-593.63	Tây Ninh
1367	66C-192.16	Đồng Tháp	2967	68A-382.19	Kiên Giang	4567	70A-594.09	Tây Ninh
1368	67A-336.19	An Giang	2968	68B-035.15	Kiên Giang	4568	70A-596.36	Tây Ninh
1369	67A-342.25	An Giang	2969	68C-179.15	Kiên Giang	4569	70A-597.15	Tây Ninh
1370	67C-190.56	An Giang	2970	68C-183.29	Kiên Giang	4570	70A-598.15	Tây Ninh
1371	67C-192.18	An Giang	2971	69C-106.36	Cà Mau	4571	70A-605.56	Tây Ninh
1372	68C-178.18	Kiên Giang	2972	69C-106.95	Cà Mau	4572	70A-609.15	Tây Ninh
1373	68C-183.58	Kiên Giang	2973	69C-109.85	Cà Mau	4573	70A-610.18	Tây Ninh
1374	68D-008.25	Kiên Giang	2974	69D-007.16	Cà Mau	4574	70A-611.38	Tây Ninh
1375	68D-009.08	Kiên Giang	2975	69D-008.26	Cà Mau	4575	70C-213.38	Tây Ninh
1376	68D-010.08	Kiên Giang	2976	70A-590.26	Tây Ninh	4576	70C-217.65	Tây Ninh
1377	69A-173.29	Cà Mau	2977	70A-600.38	Tây Ninh	4577	70D-013.25	Tây Ninh
1378	69C-107.28	Cà Mau	2978	70A-608.38	Tây Ninh	4578	70D-013.56	Tây Ninh
1379	69D-009.19	Cà Mau	2979	70A-611.65	Tây Ninh	4579	71A-216.35	Bến Tre
1380	70A-587.65	Tây Ninh	2980	70A-614.35	Tây Ninh	4580	71A-217.85	Bến Tre
1381	70A-591.38	Tây Ninh	2981	70A-614.95	Tây Ninh	4581	71A-218.28	Bến Tre
1382	70A-591.85	Tây Ninh	2982	70B-037.25	Tây Ninh	4582	71A-220.65	Bến Tre
1383	70A-596.65	Tây Ninh	2983	70C-216.19	Tây Ninh	4583	71B-023.38	Bến Tre
1384	70A-597.19	Tây Ninh	2984	70D-012.63	Tây Ninh	4584	71D-006.96	Bến Tre
1385	70A-604.25	Tây Ninh	2985	71A-216.26	Bến Tre	4585	71D-008.98	Bến Tre
1386	70A-605.19	Tây Ninh	2986	71A-216.36	Bến Tre	4586	72A-846.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
1387	70A-612.19	Tây Ninh	2987	71C-138.65	Bến Tre	4587	72A-849.28	Bà Rịa - Vũng Tàu
1388	71A-214.08	Bến Tre	2988	71D-006.19	Bến Tre	4588	72A-880.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
1389	71A-219.25	Bến Tre	2989	71D-009.29	Bến Tre	4589	72A-881.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
1390	71C-133.95	Bến Tre	2990	72A-844.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4590	72A-884.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
1391	71C-134.29	Bến Tre	2991	72A-853.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4591	72B-046.35	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	72A-843.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	2992	72A-856.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4592	72C-271.98	Bà Rịa - Vũng Tàu
1393	72A-853.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	2993	72A-857.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4593	72D-013.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1394	72A-861.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	2994	72A-860.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4594	72D-015.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
1395	72A-863.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	2995	72A-864.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4595	73A-372.26	Quảng Bình
1396	72A-872.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	2996	72A-865.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4596	73A-378.56	Quảng Bình
1397	72A-875.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	2997	72A-868.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4597	73C-191.98	Quảng Bình
1398	72A-875.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	2998	72A-880.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	4598	74A-278.35	Quảng Trị
1399	72A-881.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	2999	72A-884.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4599	74A-282.06	Quảng Trị
1400	72A-882.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	3000	72C-265.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4600	74A-286.83	Quảng Trị
1401	72B-048.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	3001	72C-267.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	4601	74B-020.36	Quảng Trị
1402	72C-265.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3002	72C-274.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	4602	74B-020.38	Quảng Trị
1403	72C-271.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3003	72C-274.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4603	74C-144.19	Quảng Trị
1404	72C-271.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	3004	72A-858.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	4604	74C-146.95	Quảng Trị
1405	72C-276.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3005	72C-281.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4605	74C-149.15	Quảng Trị
1406	72D-014.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	3006	72D-013.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4606	75A-388.29	Thừa Thiên Huế
1407	73A-372.96	Quảng Bình	3007	72D-014.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4607	75A-396.35	Thừa Thiên Huế
1408	73A-374.63	Quảng Bình	3008	72D-015.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4608	75A-398.63	Thừa Thiên Huế
1409	73C-192.83	Quảng Bình	3009	72D-015.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	4609	75A-401.83	Thừa Thiên Huế
1410	73C-193.08	Quảng Bình	3010	72D-016.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4610	75B-032.08	Thừa Thiên Huế
1411	73C-195.63	Quảng Bình	3011	73A-371.25	Quảng Bình	4611	75C-160.83	Thừa Thiên Huế
1412	74A-280.19	Quảng Trị	3012	73A-372.09	Quảng Bình	4612	76A-325.83	Quảng Ngãi
1413	74C-148.09	Quảng Trị	3013	73A-374.58	Quảng Bình	4613	76A-332.15	Quảng Ngãi
1414	74D-012.15	Quảng Trị	3014	74A-279.29	Quảng Trị	4614	76A-335.38	Quảng Ngãi
1415	75A-388.28	Thừa Thiên Huế	3015	74A-281.95	Quảng Trị	4615	76A-336.28	Quảng Ngãi
1416	75A-399.58	Thừa Thiên Huế	3016	74B-018.16	Quảng Trị	4616	76B-027.38	Quảng Ngãi
1417	75A-400.26	Thừa Thiên Huế	3017	74C-144.25	Quảng Trị	4617	76C-177.96	Quảng Ngãi
1418	75C-158.18	Thừa Thiên Huế	3018	74C-147.28	Quảng Trị	4618	76C-179.98	Quảng Ngãi
1419	75D-010.36	Thừa Thiên Huế	3019	74D-014.95	Quảng Trị	4619	76C-180.38	Quảng Ngãi
1420	75D-013.09	Thừa Thiên Huế	3020	74D-015.38	Quảng Trị	4620	76C-181.36	Quảng Ngãi
1421	76A-324.19	Quảng Ngãi	3021	75A-401.08	Thừa Thiên Huế	4621	76C-181.58	Quảng Ngãi
1422	76A-324.65	Quảng Ngãi	3022	75D-010.06	Thừa Thiên Huế	4622	76D-013.95	Quảng Ngãi
1423	76A-326.06	Quảng Ngãi	3023	75D-011.26	Thừa Thiên Huế	4623	76D-015.65	Quảng Ngãi
1424	76A-332.25	Quảng Ngãi	3024	75D-011.38	Thừa Thiên Huế	4624	77A-357.18	Bình Định
1425	76A-334.26	Quảng Ngãi	3025	76A-326.59	Quảng Ngãi	4625	77A-359.38	Bình Định
1426	76A-337.06	Quảng Ngãi	3026	76A-336.26	Quảng Ngãi	4626	77A-360.65	Bình Định
1427	76B-029.06	Quảng Ngãi	3027	76B-028.15	Quảng Ngãi	4627	77A-365.26	Bình Định
1428	76C-178.59	Quảng Ngãi	3028	76D-014.26	Quảng Ngãi	4628	77D-009.29	Bình Định
1429	77A-359.36	Bình Định	3029	77A-363.15	Bình Định	4629	77D-010.06	Bình Định
1430	77A-360.09	Bình Định	3030					

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	77D-007.16	Bình Định	3033	77C-262.58	Bình Định	4633	78A-225.35	Phú Yên
1434	77D-008.38	Bình Định	3034	77C-266.85	Bình Định	4634	78C-127.38	Phú Yên
1435	77D-009.83	Bình Định	3035	77D-006.83	Bình Định	4635	78D-007.56	Phú Yên
1436	78A-217.58	Phú Yên	3036	78A-215.63	Phú Yên	4636	79A-569.06	Khánh Hòa
1437	78A-220.98	Phú Yên	3037	78A-217.19	Phú Yên	4637	79A-571.06	Khánh Hòa
1438	78B-019.35	Phú Yên	3038	78D-009.59	Phú Yên	4638	79A-572.58	Khánh Hòa
1439	78B-021.83	Phú Yên	3039	79A-569.15	Khánh Hòa	4639	79A-581.09	Khánh Hòa
1440	78C-127.96	Phú Yên	3040	79A-579.65	Khánh Hòa	4640	79A-583.25	Khánh Hòa
1441	78C-128.19	Phú Yên	3041	79A-589.38	Khánh Hòa	4641	79A-587.08	Khánh Hòa
1442	78C-130.06	Phú Yên	3042	79A-591.96	Khánh Hòa	4642	79A-590.06	Khánh Hòa
1443	78D-009.16	Phú Yên	3043	79A-593.56	Khánh Hòa	4643	79C-231.18	Khánh Hòa
1444	79A-573.59	Khánh Hòa	3044	79A-594.18	Khánh Hòa	4644	79C-235.26	Khánh Hòa
1445	79A-577.36	Khánh Hòa	3045	79A-594.19	Khánh Hòa	4645	79D-011.18	Khánh Hòa
1446	79A-578.08	Khánh Hòa	3046	79B-044.98	Khánh Hòa	4646	79D-011.26	Khánh Hòa
1447	79A-582.26	Khánh Hòa	3047	79B-046.96	Khánh Hòa	4647	79D-011.65	Khánh Hòa
1448	79A-587.63	Khánh Hòa	3048	79B-047.15	Khánh Hòa	4648	81A-453.95	Gia Lai
1449	79A-594.16	Khánh Hòa	3049	79C-234.38	Khánh Hòa	4649	81A-457.25	Gia Lai
1450	79B-045.96	Khánh Hòa	3050	81A-453.96	Gia Lai	4650	81A-461.35	Gia Lai
1451	79D-013.65	Khánh Hòa	3051	81A-458.29	Gia Lai	4651	81A-462.29	Gia Lai
1452	81A-453.59	Gia Lai	3052	81A-460.29	Gia Lai	4652	81A-464.16	Gia Lai
1453	81A-453.65	Gia Lai	3053	81A-464.98	Gia Lai	4653	81A-467.83	Gia Lai
1454	81A-459.29	Gia Lai	3054	81A-470.06	Gia Lai	4654	81A-469.06	Gia Lai
1455	81A-465.19	Gia Lai	3055	81A-473.26	Gia Lai	4655	81A-472.83	Gia Lai
1456	81A-467.06	Gia Lai	3056	81A-474.26	Gia Lai	4656	81A-473.16	Gia Lai
1457	81A-467.25	Gia Lai	3057	81A-475.83	Gia Lai	4657	81A-473.36	Gia Lai
1458	81A-467.36	Gia Lai	3058	81A-478.56	Gia Lai	4658	81A-479.36	Gia Lai
1459	81A-473.15	Gia Lai	3059	81B-029.06	Gia Lai	4659	81B-028.95	Gia Lai
1460	81A-478.16	Gia Lai	3060	81B-029.25	Gia Lai	4660	81B-030.09	Gia Lai
1461	81A-479.26	Gia Lai	3061	81C-285.63	Gia Lai	4661	81C-283.85	Gia Lai
1462	81C-283.15	Gia Lai	3062	81C-286.56	Gia Lai	4662	81C-291.36	Gia Lai
1463	81C-286.06	Gia Lai	3063	81C-286.95	Gia Lai	4663	81C-295.58	Gia Lai
1464	81C-290.36	Gia Lai	3064	81C-287.83	Gia Lai	4664	81C-296.98	Gia Lai
1465	81C-295.65	Gia Lai	3065	81C-290.58	Gia Lai	4665	81C-298.83	Gia Lai
1466	81D-015.09	Gia Lai	3066	81C-293.38	Gia Lai	4666	82A-159.35	Kon Tum
1467	82A-163.95	Kon Tum	3067	81C-294.26	Gia Lai	4667	82C-098.15	Kon Tum
1468	82A-165.29	Kon Tum	3068	81C-297.65	Gia Lai	4668	82D-010.96	Kon Tum
1469	82C-096.15	Kon Tum	3069	81D-014.98	Gia Lai	4669	83A-194.63	Sóc Trăng
1470	82D-011.15	Kon Tum	3070	82A-165.18	Kon Tum	4670	83A-200.09	Sóc Trăng
1471	83B-026.08	Sóc Trăng	3071	82C-097.15	Kon Tum	4671	83B-023.83	Sóc Trăng
1472	83C-132.65	Sóc Trăng	3072	82D-013.59	Kon Tum	4672	83C-134.83	Sóc Trăng
1473	83C-134.16	Sóc Trăng	3073	83A-196.59	Sóc Trăng	4673	83C-136.96	Sóc Trăng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	83C-134.96	Sóc Trăng	3074	83A-200.28	Sóc Trăng	4674	83C-137.59	Sóc Trăng
1475	84A-149.28	Trà Vinh	3075	83B-023.25	Sóc Trăng	4675	83D-011.63	Sóc Trăng
1476	84B-020.36	Trà Vinh	3076	83C-133.63	Sóc Trăng	4676	84A-148.09	Trà Vinh
1477	84B-023.38	Trà Vinh	3077	83C-136.15	Sóc Trăng	4677	84A-153.29	Trà Vinh
1478	84C-126.96	Trà Vinh	3078	83D-009.08	Sóc Trăng	4678	84B-020.25	Trà Vinh
1479	84C-127.85	Trà Vinh	3079	84A-148.19	Trà Vinh	4679	84C-129.08	Trà Vinh
1480	84C-128.56	Trà Vinh	3080	84A-154.19	Trà Vinh	4680	85A-147.29	Ninh Thuận
1481	85A-146.83	Ninh Thuận	3081	84D-006.65	Trà Vinh	4681	85B-017.06	Ninh Thuận
1482	85B-016.15	Ninh Thuận	3082	85A-151.96	Ninh Thuận	4682	85B-017.58	Ninh Thuận
1483	85B-016.85	Ninh Thuận	3083	85D-007.36	Ninh Thuận	4683	85C-085.25	Ninh Thuận
1484	85C-088.18	Ninh Thuận	3084	85D-009.36	Ninh Thuận	4684	85C-087.38	Ninh Thuận
1485	85D-006.65	Ninh Thuận	3085	86A-324.96	Bình Thuận	4685	86A-321.08	Bình Thuận
1486	85D-010.06	Ninh Thuận	3086	86A-328.38	Bình Thuận	4686	86A-321.85	Bình Thuận
1487	86A-326.83	Bình Thuận	3087	86A-328.85	Bình Thuận	4687	86A-327.59	Bình Thuận
1488	86A-328.65	Bình Thuận	3088	86A-331.35	Bình Thuận	4688	86A-328.96	Bình Thuận
1489	86A-330.15	Bình Thuận	3089	86B-024.59	Bình Thuận	4689	86A-329.16	Bình Thuận
1490	86A-330.63	Bình Thuận	3090	86B-027.38	Bình Thuận	4690	86B-026.83	Bình Thuận
1491	86A-332.16	Bình Thuận	3091	86C-214.83	Bình Thuận	4691	86B-026.95	Bình Thuận
1492	86C-211.09	Bình Thuận	3092	88A-790.06	Vĩnh Phúc	4692	86C-210.65	Bình Thuận
1493	86D-007.15	Bình Thuận	3093	88A-790.65	Vĩnh Phúc	4693	86C-212.16	Bình Thuận
1494	86D-009.25	Bình Thuận	3094	88A-794.09	Vĩnh Phúc	4694	86D-008.58	Bình Thuận
1495	88A-795.85	Vĩnh Phúc	3095	88A-798.59	Vĩnh Phúc	4695	88A-789.08	Vĩnh Phúc
1496	88A-796.59	Vĩnh Phúc	3096	88A-808.26	Vĩnh Phúc	4696	88A-793.36	Vĩnh Phúc
1497	88A-797.65	Vĩnh Phúc	3097	88A-812.85	Vĩnh Phúc	4697	88A-793.98	Vĩnh Phúc
1498	88A-802.28	Vĩnh Phúc	3098	88A-815.25	Vĩnh Phúc	4698	88A-795.18	Vĩnh Phúc
1499	88A-804.96	Vĩnh Phúc	3099	88A-820.95	Vĩnh Phúc	4699	88A-801.18	Vĩnh Phúc
1500	88A-806.96	Vĩnh Phúc	3100	88A-822.35	Vĩnh Phúc	4700	88A-803.29	Vĩnh Phúc
1501	88A-808.36	Vĩnh Phúc	3101	88A-826.16	Vĩnh Phúc	4701	88A-809.65	Vĩnh Phúc
1502	88A-811.95	Vĩnh Phúc	3102	88A-828.38	Vĩnh Phúc	4702	88A-816.83	Vĩnh Phúc
1503	88A-812.36	Vĩnh Phúc	3103	88A-830.29	Vĩnh Phúc	4703	88A-823.96	Vĩnh Phúc
1504	88A-817.25	Vĩnh Phúc	3104	88A-830.58	Vĩnh Phúc	4704	88B-024.98	Vĩnh Phúc
1505	88A-817.29	Vĩnh Phúc	3105	88B-021.59	Vĩnh Phúc	4705	88C-311.56	Vĩnh Phúc
1506	88B-024.83	Vĩnh Phúc	3106	88C-310.59	Vĩnh Phúc	4706	88C-315.08	Vĩnh Phúc
1507	88C-315.83	Vĩnh Phúc	3107	88C-311.59	Vĩnh Phúc	4707	88C-315.95	Vĩnh Phúc
1508	88C-319.63	Vĩnh Phúc	3108	88C-311.85	Vĩnh Phúc	4708	88C-318.65	Vĩnh Phúc
1509	88C-320.06	Vĩnh Phúc	3109	88C-318.58	Vĩnh Phúc	4709	88C-322.63	Vĩnh Phúc
1510	88C-324.36	Vĩnh Phúc	3110	88D-021.85	Vĩnh Phúc	4710	88C-323.59	Vĩnh Phúc
1511	88D-022.58	Vĩnh Phúc	3111	88D-023.56	Vĩnh Phúc	4711	88C-325.95	Vĩnh Phúc
1512	88D-023.16	Vĩnh Phúc	3112	89A-533.98	Hưng Yên	4712	89A-535.96	Hưng Yên
1513	89A-537.19	Hưng Yên	3113	89A-544.98	Hưng Yên	4713	89A-536.98	Hưng Yên
1514	89A-537.83	Hưng Yên	3114	89A-545.65	Hưng Yên	4714	89A-541.16	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	89A-537.95	Hưng Yên	3115	89A-548.08	Hưng Yên	4715	89A-547.65	Hưng Yên
1516	89A-543.56	Hưng Yên	3116	89A-554.85	Hưng Yên	4716	89A-567.09	Hưng Yên
1517	89A-545.95	Hưng Yên	3117	89A-559.63	Hưng Yên	4717	89C-346.16	Hưng Yên
1518	89A-549.63	Hưng Yên	3118	89A-559.98	Hưng Yên	4718	89C-350.38	Hưng Yên
1519	89A-553.83	Hưng Yên	3119	89B-027.83	Hưng Yên	4719	89C-357.18	Hưng Yên
1520	89A-556.16	Hưng Yên	3120	89C-354.28	Hưng Yên	4720	89C-357.38	Hưng Yên
1521	89A-557.38	Hưng Yên	3121	90A-289.85	Hà Nam	4721	89C-358.56	Hưng Yên
1522	89A-558.28	Hưng Yên	3122	90A-290.18	Hà Nam	4722	89D-025.28	Hưng Yên
1523	89A-559.06	Hưng Yên	3123	90B-014.96	Hà Nam	4723	90A-290.83	Hà Nam
1524	89A-567.18	Hưng Yên	3124	90B-016.19	Hà Nam	4724	90A-290.98	Hà Nam
1525	89C-351.58	Hưng Yên	3125	90C-156.96	Hà Nam	4725	90A-291.28	Hà Nam
1526	89C-355.15	Hưng Yên	3126	90D-012.29	Hà Nam	4726	90A-297.56	Hà Nam
1527	89C-356.26	Hưng Yên	3127	90D-013.63	Hà Nam	4727	90B-015.29	Hà Nam
1528	89D-025.65	Hưng Yên	3128	92A-434.09	Quảng Nam	4728	90D-010.18	Hà Nam
1529	89D-026.15	Hưng Yên	3129	92A-434.29	Quảng Nam	4729	90D-011.65	Hà Nam
1530	90A-292.16	Hà Nam	3130	92A-435.06	Quảng Nam	4730	92A-442.96	Quảng Nam
1531	90A-297.38	Hà Nam	3131	92A-440.08	Quảng Nam	4731	92A-445.58	Quảng Nam
1532	90A-298.28	Hà Nam	3132	92A-440.38	Quảng Nam	4732	92A-446.19	Quảng Nam
1533	90B-012.83	Hà Nam	3133	92A-447.19	Quảng Nam	4733	92B-040.25	Quảng Nam
1534	90D-011.63	Hà Nam	3134	92B-041.08	Quảng Nam	4734	92B-041.38	Quảng Nam
1535	92A-445.09	Quảng Nam	3135	92B-042.08	Quảng Nam	4735	93A-505.56	Bình Phước
1536	92B-038.65	Quảng Nam	3136	92C-259.65	Quảng Nam	4736	93A-514.18	Bình Phước
1537	92B-039.35	Quảng Nam	3137	93A-514.38	Bình Phước	4737	93A-516.83	Bình Phước
1538	92C-257.98	Quảng Nam	3138	93A-517.98	Bình Phước	4738	93A-519.59	Bình Phước
1539	92C-258.83	Quảng Nam	3139	93A-519.56	Bình Phước	4739	93A-520.06	Bình Phước
1540	92C-262.15	Quảng Nam	3140	93A-525.16	Bình Phước	4740	93A-520.09	Bình Phước
1541	92C-264.15	Quảng Nam	3141	93C-204.16	Bình Phước	4741	93A-520.85	Bình Phước
1542	92D-014.65	Quảng Nam	3142	93C-206.85	Bình Phước	4742	93A-522.19	Bình Phước
1543	93A-507.25	Bình Phước	3143	93D-010.36	Bình Phước	4743	93B-023.28	Bình Phước
1544	93A-507.98	Bình Phước	3144	94A-110.28	Bạc Liêu	4744	93C-204.08	Bình Phước
1545	93A-508.85	Bình Phước	3145	94C-084.29	Bạc Liêu	4745	93C-207.15	Bình Phước
1546	93A-511.36	Bình Phước	3146	94C-086.38	Bạc Liêu	4746	93C-207.96	Bình Phước
1547	93A-515.25	Bình Phước	3147	94C-086.59	Bạc Liêu	4747	94A-110.19	Bạc Liêu
1548	93A-516.08	Bình Phước	3148	94C-087.36	Bạc Liêu	4748	95A-136.16	Hậu Giang
1549	93A-517.08	Bình Phước	3149	95A-136.19	Hậu Giang	4749	95A-137.06	Hậu Giang
1550	93A-525.06	Bình Phước	3150	95A-139.56	Hậu Giang	4750	95A-138.36	Hậu Giang
1551	93A-525.59	Bình Phước	3151	95A-141.36	Hậu Giang	4751	95A-139.15	Hậu Giang
1552	93B-023.16	Bình Phước	3152	95B-017.16	Hậu Giang	4752	95A-140.65	Hậu Giang
1553	93C-207.98	Bình Phước	3153	95B-019.16	Hậu Giang	4753	95D-024.95	Hậu Giang
1554	93C-208.28	Bình Phước	3154	97A-095.36	Bắc Kạn	4754	95D-024.98	Hậu Giang
1555	93D-010.95	Bình Phước	3155	97A-097.06	Bắc Kạn	4755	97A-097.65	Bắc Kạn

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	94A-109.83	Bạc Liêu	3156	97A-098.26	Bắc Kạn	4756	97B-015.96	Bắc Kạn
1557	94A-113.58	Bạc Liêu	3157	97B-017.09	Bắc Kạn	4757	97B-017.96	Bắc Kạn
1558	94B-014.98	Bạc Liêu	3158	97B-017.63	Bắc Kạn	4758	97C-050.25	Bắc Kạn
1559	94C-084.59	Bạc Liêu	3159	98A-860.98	Bắc Giang	4759	97C-051.16	Bắc Kạn
1560	94C-085.83	Bạc Liêu	3160	98A-864.96	Bắc Giang	4760	97D-008.25	Bắc Kạn
1561	94C-086.63	Bạc Liêu	3161	98A-864.98	Bắc Giang	4761	97D-009.08	Bắc Kạn
1562	95B-017.35	Hậu Giang	3162	98A-869.09	Bắc Giang	4762	98A-860.15	Bắc Giang
1563	95C-090.28	Hậu Giang	3163	98A-870.58	Bắc Giang	4763	98A-869.59	Bắc Giang
1564	95C-093.08	Hậu Giang	3164	98A-872.59	Bắc Giang	4764	98A-869.65	Bắc Giang
1565	97A-098.56	Bắc Kạn	3165	98A-873.19	Bắc Giang	4765	98A-873.56	Bắc Giang
1566	97B-015.85	Bắc Kạn	3166	98A-875.96	Bắc Giang	4766	98A-874.95	Bắc Giang
1567	97B-019.16	Bắc Kạn	3167	98A-892.85	Bắc Giang	4767	98A-878.63	Bắc Giang
1568	98A-863.29	Bắc Giang	3168	98A-894.38	Bắc Giang	4768	98A-894.96	Bắc Giang
1569	98A-863.56	Bắc Giang	3169	98A-902.26	Bắc Giang	4769	98A-895.65	Bắc Giang
1570	98A-866.18	Bắc Giang	3170	98A-903.85	Bắc Giang	4770	98A-900.85	Bắc Giang
1571	98A-867.95	Bắc Giang	3171	98A-904.95	Bắc Giang	4771	98A-904.96	Bắc Giang
1572	98A-870.65	Bắc Giang	3172	98A-907.59	Bắc Giang	4772	98A-906.16	Bắc Giang
1573	98A-873.26	Bắc Giang	3173	98A-909.56	Bắc Giang	4773	98A-907.96	Bắc Giang
1574	98A-876.29	Bắc Giang	3174	98A-910.29	Bắc Giang	4774	98B-044.15	Bắc Giang
1575	98A-889.25	Bắc Giang	3175	98B-047.09	Bắc Giang	4775	98B-047.63	Bắc Giang
1576	98A-893.59	Bắc Giang	3176	98B-048.08	Bắc Giang	4776	98C-376.06	Bắc Giang
1577	98A-895.16	Bắc Giang	3177	98C-384.58	Bắc Giang	4777	98C-380.06	Bắc Giang
1578	98A-896.38	Bắc Giang	3178	98C-384.98	Bắc Giang	4778	98C-382.09	Bắc Giang
1579	98A-898.65	Bắc Giang	3179	98C-385.09	Bắc Giang	4779	98C-387.98	Bắc Giang
1580	98A-900.36	Bắc Giang	3180	98C-386.28	Bắc Giang	4780	98C-393.08	Bắc Giang
1581	98A-904.19	Bắc Giang	3181	98C-390.58	Bắc Giang	4781	99A-851.35	Bắc Ninh
1582	98A-904.36	Bắc Giang	3182	98C-391.56	Bắc Giang	4782	99A-854.56	Bắc Ninh
1583	98A-911.15	Bắc Giang	3183	98C-397.06	Bắc Giang	4783	99A-857.29	Bắc Ninh
1584	98B-044.28	Bắc Giang	3184	99A-856.96	Bắc Ninh	4784	99A-861.65	Bắc Ninh
1585	98C-377.19	Bắc Giang	3185	99A-858.63	Bắc Ninh	4785	99A-863.96	Bắc Ninh
1586	98C-396.06	Bắc Giang	3186	99A-859.19	Bắc Ninh	4786	99A-864.36	Bắc Ninh
1587	98C-397.38	Bắc Giang	3187	99A-862.65	Bắc Ninh	4787	99A-865.18	Bắc Ninh
1588	99A-854.26	Bắc Ninh	3188	99A-870.28	Bắc Ninh	4788	99A-865.59	Bắc Ninh
1589	99A-865.98	Bắc Ninh	3189	99A-875.09	Bắc Ninh	4789	99A-866.15	Bắc Ninh
1590	99A-870.83	Bắc Ninh	3190	99A-875.83	Bắc Ninh	4790	99A-869.18	Bắc Ninh
1591	99A-873.26	Bắc Ninh	3191	99A-878.36	Bắc Ninh	4791	99A-877.35	Bắc Ninh
1592	99A-879.16	Bắc Ninh	3192	99A-882.65	Bắc Ninh	4792	99A-879.29	Bắc Ninh
1593	99A-890.08	Bắc Ninh	3193	99A-884.29	Bắc Ninh	4793	99A-880.15	Bắc Ninh
1594	99A-892.18	Bắc Ninh	3194	99A-887.06	Bắc Ninh	4794	99A-880.38	Bắc Ninh
1595	99A-895.83	Bắc Ninh	3195	99A-893.58	Bắc Ninh	4795	99A-881.98	Bắc Ninh
1596	99B-032.19	Bắc Ninh	3196	99B-030.58	Bắc Ninh	4796	99A-884.83	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1597	99B-032.95	Bắc Ninh	3197	99C-330.85	Bắc Ninh	4797	99A-893.18	Bắc Ninh
1598	99C-330.59	Bắc Ninh	3198	99C-342.38	Bắc Ninh	4798	99A-895.38	Bắc Ninh
1599	99C-332.09	Bắc Ninh	3199	99C-343.08	Bắc Ninh	4799	99B-032.06	Bắc Ninh
1600	99C-335.18	Bắc Ninh	3200	99C-345.28	Bắc Ninh	4800	99C-332.15	Bắc Ninh



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4801	14C-466.88	Quảng Ninh	6401	20A-889.88	Thái Nguyên			
4802	43C-322.22	Đà Nẵng	6402	30M-039.79	Hà Nội			
4803	63A-333.38	Tiền Giang	6403	60C-777.79	Đồng Nai			
4804	14A-992.99	Quảng Ninh	6404	15K-499.89	Hải Phòng			
4805	15K-469.99	Hải Phòng	6405	20A-882.22	Thái Nguyên			
4806	24A-311.11	Lào Cai	6406	27A-135.79	Điện Biên			
4807	30M-367.89	Hà Nội	6407	36K-289.99	Thanh Hóa			
4808	30M-397.99	Hà Nội	6408	37K-486.88	Nghệ An			
4809	34A-968.88	Hải Dương	6409	37K-489.88	Nghệ An			
4810	51L-966.68	Hồ Chí Minh	6410	51M-069.66	Hồ Chí Minh			
4811	51M-124.68	Hồ Chí Minh	6411	51N-018.88	Hồ Chí Minh			
4812	51N-099.79	Hồ Chí Minh	6412	61K-566.86	Bình Dương			
4813	84A-148.88	Trà Vinh	6413	65C-259.99	Cần Thơ			
4814	93A-525.55	Bình Phước	6414	67A-336.66	An Giang			
4815	99A-888.83	Bắc Ninh	6415	70A-599.79	Tây Ninh			
4816	30L-392.93	Hà Nội	6416	75A-389.99	Thừa Thiên Huế			
4817	30L-593.79	Hà Nội	6417	30M-031.79	Hà Nội			
4818	30M-034.33	Hà Nội	6418	30M-033.66	Hà Nội			
4819	30M-034.35	Hà Nội	6419	30M-041.55	Hà Nội			
4820	30M-035.35	Hà Nội	6420	30M-041.86	Hà Nội			
4821	30M-048.11	Hà Nội	6421	30M-043.79	Hà Nội			
4822	30M-056.11	Hà Nội	6422	30M-051.00	Hà Nội			
4823	30M-070.22	Hà Nội	6423	30M-066.68	Hà Nội			
4824	30M-073.69	Hà Nội	6424	30M-071.17	Hà Nội			
4825	30M-075.07	Hà Nội	6425	30M-073.99	Hà Nội			
4826	30M-101.10	Hà Nội	6426	30M-085.22	Hà Nội			
4827	30M-105.39	Hà Nội	6427	30M-085.39	Hà Nội			
4828	30M-111.05	Hà Nội	6428	30M-086.80	Hà Nội			
4829	30M-117.88	Hà Nội	6429	30M-092.69	Hà Nội			
4830	30M-119.00	Hà Nội	6430	30M-104.00	Hà Nội			
4831	30M-120.12	Hà Nội	6431	30M-110.86	Hà Nội			
4832	30M-125.26	Hà Nội	6432	30M-118.68	Hà Nội			
4833	30M-126.33	Hà Nội	6433	30M-127.28	Hà Nội			
4834	30M-130.88	Hà Nội	6434	30M-137.89	Hà Nội			
4835	30M-139.22	Hà Nội	6435	30M-138.13	Hà Nội			
4836	30M-143.44	Hà Nội	6436	30M-145.66	Hà Nội			
4837	30M-145.00	Hà Nội	6437	30M-160.33	Hà Nội			
4838	30M-150.00	Hà Nội	6438	30M-170.86	Hà Nội			
4839	30M-152.68	Hà Nội	6439	30M-175.17	Hà Nội			
4840	30M-170.44	Hà Nội	6440	30M-175.99	Hà Nội			
4841	30M-171.88	Hà Nội	6441	30M-177.89	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	30M-179.88	Hà Nội	6442	30M-189.81	Hà Nội			
4843	30M-203.33	Hà Nội	6443	30M-204.04	Hà Nội			
4844	30M-206.39	Hà Nội	6444	30M-207.99	Hà Nội			
4845	30M-210.01	Hà Nội	6445	30M-209.11	Hà Nội			
4846	30M-210.99	Hà Nội	6446	30M-209.96	Hà Nội			
4847	30M-214.79	Hà Nội	6447	30M-225.89	Hà Nội			
4848	30M-224.68	Hà Nội	6448	30M-226.00	Hà Nội			
4849	30M-226.39	Hà Nội	6449	30M-226.68	Hà Nội			
4850	30M-226.89	Hà Nội	6450	30M-234.66	Hà Nội			
4851	30M-230.66	Hà Nội	6451	30M-236.44	Hà Nội			
4852	30M-230.86	Hà Nội	6452	30M-257.89	Hà Nội			
4853	30M-258.22	Hà Nội	6453	30M-260.06	Hà Nội			
4854	30M-267.99	Hà Nội	6454	30M-260.68	Hà Nội			
4855	30M-284.55	Hà Nội	6455	30M-271.39	Hà Nội			
4856	30M-304.22	Hà Nội	6456	30M-295.22	Hà Nội			
4857	30M-314.77	Hà Nội	6457	30M-297.39	Hà Nội			
4858	30M-317.77	Hà Nội	6458	30M-301.02	Hà Nội			
4859	30M-318.81	Hà Nội	6459	30M-319.69	Hà Nội			
4860	30M-319.39	Hà Nội	6460	30M-338.66	Hà Nội			
4861	30M-323.39	Hà Nội	6461	30M-339.86	Hà Nội			
4862	30M-324.25	Hà Nội	6462	30M-342.39	Hà Nội			
4863	30M-330.33	Hà Nội	6463	30M-345.99	Hà Nội			
4864	30M-333.12	Hà Nội	6464	30M-347.77	Hà Nội			
4865	30M-337.39	Hà Nội	6465	30M-381.18	Hà Nội			
4866	30M-342.68	Hà Nội	6466	30M-384.69	Hà Nội			
4867	30M-343.33	Hà Nội	6467	30M-403.69	Hà Nội			
4868	30M-353.53	Hà Nội	6468	51L-224.88	Hồ Chí Minh			
4869	30M-359.00	Hà Nội	6469	51L-555.36	Hồ Chí Minh			
4870	30M-363.77	Hà Nội	6470	51L-903.90	Hồ Chí Minh			
4871	30M-370.66	Hà Nội	6471	51L-917.71	Hồ Chí Minh			
4872	30M-378.79	Hà Nội	6472	51L-926.55	Hồ Chí Minh			
4873	30M-378.89	Hà Nội	6473	51L-927.11	Hồ Chí Minh			
4874	30M-380.66	Hà Nội	6474	51L-927.44	Hồ Chí Minh			
4875	30M-384.85	Hà Nội	6475	51L-933.86	Hồ Chí Minh			
4876	30M-394.49	Hà Nội	6476	51L-946.33	Hồ Chí Minh			
4877	51L-554.69	Hồ Chí Minh	6477	51L-950.22	Hồ Chí Minh			
4878	51L-899.55	Hồ Chí Minh	6478	51L-956.39	Hồ Chí Minh			
4879	51L-905.44	Hồ Chí Minh	6479	51L-958.69	Hồ Chí Minh			
4880	51L-916.69	Hồ Chí Minh	6480	51L-961.00	Hồ Chí Minh			
4881	51L-925.99	Hồ Chí Minh	6481	51L-972.99	Hồ Chí Minh			
4882	51L-939.22	Hồ Chí Minh	6482	51L-974.33	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	51L-953.86	Hồ Chí Minh	6483	51L-982.99	Hồ Chí Minh			
4884	51L-956.44	Hồ Chí Minh	6484	51L-989.55	Hồ Chí Minh			
4885	51L-962.39	Hồ Chí Minh	6485	51L-996.00	Hồ Chí Minh			
4886	51L-962.99	Hồ Chí Minh	6486	51L-996.11	Hồ Chí Minh			
4887	51L-964.96	Hồ Chí Minh	6487	51M-053.50	Hồ Chí Minh			
4888	51L-965.66	Hồ Chí Minh	6488	51M-062.88	Hồ Chí Minh			
4889	51L-970.70	Hồ Chí Minh	6489	51M-064.60	Hồ Chí Minh			
4890	51L-984.11	Hồ Chí Minh	6490	51M-071.68	Hồ Chí Minh			
4891	51L-997.11	Hồ Chí Minh	6491	51M-090.91	Hồ Chí Minh			
4892	51M-055.69	Hồ Chí Minh	6492	51M-092.86	Hồ Chí Minh			
4893	51M-062.44	Hồ Chí Minh	6493	51M-094.88	Hồ Chí Minh			
4894	51M-068.99	Hồ Chí Minh	6494	51M-117.77	Hồ Chí Minh			
4895	51M-073.77	Hồ Chí Minh	6495	51M-124.44	Hồ Chí Minh			
4896	51M-085.00	Hồ Chí Minh	6496	51M-126.22	Hồ Chí Minh			
4897	51M-085.22	Hồ Chí Minh	6497	51M-132.88	Hồ Chí Minh			
4898	51M-085.79	Hồ Chí Minh	6498	51M-134.89	Hồ Chí Minh			
4899	51M-097.09	Hồ Chí Minh	6499	51M-137.37	Hồ Chí Minh			
4900	51M-097.11	Hồ Chí Minh	6500	51M-138.13	Hồ Chí Minh			
4901	51M-099.88	Hồ Chí Minh	6501	51M-142.43	Hồ Chí Minh			
4902	51M-102.00	Hồ Chí Minh	6502	51M-150.39	Hồ Chí Minh			
4903	51M-104.05	Hồ Chí Minh	6503	51M-194.77	Hồ Chí Minh			
4904	51M-114.55	Hồ Chí Minh	6504	51M-196.44	Hồ Chí Minh			
4905	51M-130.22	Hồ Chí Minh	6505	51M-204.77	Hồ Chí Minh			
4906	51M-138.31	Hồ Chí Minh	6506	51M-205.05	Hồ Chí Minh			
4907	51M-138.38	Hồ Chí Minh	6507	51M-208.79	Hồ Chí Minh			
4908	51M-138.69	Hồ Chí Minh	6508	51M-214.55	Hồ Chí Minh			
4909	51M-142.00	Hồ Chí Minh	6509	51M-243.88	Hồ Chí Minh			
4910	51M-145.44	Hồ Chí Minh	6510	51M-247.69	Hồ Chí Minh			
4911	51M-149.69	Hồ Chí Minh	6511	51M-249.00	Hồ Chí Minh			
4912	51M-153.44	Hồ Chí Minh	6512	51M-252.39	Hồ Chí Minh			
4913	51M-163.66	Hồ Chí Minh	6513	51M-252.68	Hồ Chí Minh			
4914	51M-163.99	Hồ Chí Minh	6514	51M-252.89	Hồ Chí Minh			
4915	51M-180.55	Hồ Chí Minh	6515	51M-261.79	Hồ Chí Minh			
4916	51M-184.81	Hồ Chí Minh	6516	51M-269.00	Hồ Chí Minh			
4917	51M-195.55	Hồ Chí Minh	6517	51M-269.44	Hồ Chí Minh			
4918	51M-202.44	Hồ Chí Minh	6518	51M-273.11	Hồ Chí Minh			
4919	51M-217.17	Hồ Chí Minh	6519	51M-296.77	Hồ Chí Minh			
4920	51M-218.00	Hồ Chí Minh	6520	51M-299.68	Hồ Chí Minh			
4921	51M-218.89	Hồ Chí Minh	6521	51N-004.86	Hồ Chí Minh			
4922	51M-220.00	Hồ Chí Minh	6522	51N-007.11	Hồ Chí Minh			
4923	51M-224.42	Hồ Chí Minh	6523	51N-009.33	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	51M-237.38	Hồ Chí Minh	6524	51N-013.69	Hồ Chí Minh			
4925	51M-239.44	Hồ Chí Minh	6525	51N-017.22	Hồ Chí Minh			
4926	51M-251.52	Hồ Chí Minh	6526	51N-054.68	Hồ Chí Minh			
4927	51M-257.44	Hồ Chí Minh	6527	51N-057.44	Hồ Chí Minh			
4928	51M-279.66	Hồ Chí Minh	6528	51N-062.00	Hồ Chí Minh			
4929	51M-284.99	Hồ Chí Minh	6529	51N-063.11	Hồ Chí Minh			
4930	51M-290.44	Hồ Chí Minh	6530	51N-064.46	Hồ Chí Minh			
4931	51M-292.86	Hồ Chí Minh	6531	51N-077.70	Hồ Chí Minh			
4932	51M-300.44	Hồ Chí Minh	6532	51N-091.89	Hồ Chí Minh			
4933	51M-301.55	Hồ Chí Minh	6533	51N-114.99	Hồ Chí Minh			
4934	51M-303.89	Hồ Chí Minh	6534	51N-117.33	Hồ Chí Minh			
4935	51M-310.68	Hồ Chí Minh	6535	51N-117.66	Hồ Chí Minh			
4936	51N-000.26	Hồ Chí Minh	6536	51N-125.00	Hồ Chí Minh			
4937	51N-020.69	Hồ Chí Minh	6537	51N-126.89	Hồ Chí Minh			
4938	51N-031.00	Hồ Chí Minh	6538	51N-129.12	Hồ Chí Minh			
4939	51N-041.00	Hồ Chí Minh	6539	51N-129.68	Hồ Chí Minh			
4940	51N-065.33	Hồ Chí Minh	6540	51N-129.88	Hồ Chí Minh			
4941	51N-069.77	Hồ Chí Minh	6541	51N-135.77	Hồ Chí Minh			
4942	51N-071.33	Hồ Chí Minh	6542	51N-151.77	Hồ Chí Minh			
4943	51N-074.68	Hồ Chí Minh	6543	51N-152.79	Hồ Chí Minh			
4944	51N-078.39	Hồ Chí Minh	6544	51N-156.55	Hồ Chí Minh			
4945	51N-091.99	Hồ Chí Minh	6545	11B-014.68	Cao Bằng			
4946	51N-094.77	Hồ Chí Minh	6546	11B-014.77	Cao Bằng			
4947	51N-102.55	Hồ Chí Minh	6547	11C-088.44	Cao Bằng			
4948	51N-108.33	Hồ Chí Minh	6548	12A-266.44	Lạng Sơn			
4949	51N-110.99	Hồ Chí Minh	6549	12A-272.33	Lạng Sơn			
4950	51N-111.67	Hồ Chí Minh	6550	12B-015.44	Lạng Sơn			
4951	51N-111.86	Hồ Chí Minh	6551	12B-016.88	Lạng Sơn			
4952	51N-124.22	Hồ Chí Minh	6552	12B-019.00	Lạng Sơn			
4953	51N-128.29	Hồ Chí Minh	6553	12C-139.88	Lạng Sơn			
4954	51N-133.22	Hồ Chí Minh	6554	12D-007.99	Lạng Sơn			
4955	51N-138.66	Hồ Chí Minh	6555	14A-991.39	Quảng Ninh			
4956	51N-139.88	Hồ Chí Minh	6556	14A-992.77	Quảng Ninh			
4957	51N-142.79	Hồ Chí Minh	6557	14A-995.00	Quảng Ninh			
4958	51N-145.54	Hồ Chí Minh	6558	14A-995.88	Quảng Ninh			
4959	51N-148.33	Hồ Chí Minh	6559	14B-052.53	Quảng Ninh			
4960	51N-149.14	Hồ Chí Minh	6560	14B-055.77	Quảng Ninh			
4961	11A-137.44	Cao Bằng	6561	14C-450.66	Quảng Ninh			
4962	11C-089.79	Cao Bằng	6562	14C-455.77	Quảng Ninh			
4963	12A-263.77	Lạng Sơn	6563	14C-461.22	Quảng Ninh			
4964	12C-144.00	Lạng Sơn	6564	14C-470.66	Quảng Ninh			

Y
Á
VH
1M
T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	12D-009.88	Lạng Sơn	6565	14K-009.11	Quảng Ninh			
4966	14A-990.44	Quảng Ninh	6566	14K-009.79	Quảng Ninh			
4967	14B-052.79	Quảng Ninh	6567	14K-013.44	Quảng Ninh			
4968	14B-053.54	Quảng Ninh	6568	14K-025.11	Quảng Ninh			
4969	14C-451.15	Quảng Ninh	6569	14K-038.86	Quảng Ninh			
4970	14C-455.79	Quảng Ninh	6570	14K-047.86	Quảng Ninh			
4971	14C-461.33	Quảng Ninh	6571	15B-054.89	Hải Phòng			
4972	14K-000.39	Quảng Ninh	6572	15C-490.11	Hải Phòng			
4973	14K-006.68	Quảng Ninh	6573	15C-494.86	Hải Phòng			
4974	14K-011.99	Quảng Ninh	6574	15D-054.11	Hải Phòng			
4975	14K-034.00	Quảng Ninh	6575	15K-427.39	Hải Phòng			
4976	14K-046.86	Quảng Ninh	6576	15K-431.68	Hải Phòng			
4977	15B-055.11	Hải Phòng	6577	15K-436.79	Hải Phòng			
4978	15C-484.44	Hải Phòng	6578	15K-444.59	Hải Phòng			
4979	15C-484.77	Hải Phòng	6579	15K-448.00	Hải Phòng			
4980	15D-052.89	Hải Phòng	6580	15K-453.86	Hải Phòng			
4981	15D-053.11	Hải Phòng	6581	15K-454.22	Hải Phòng			
4982	15K-426.22	Hải Phòng	6582	15K-469.88	Hải Phòng			
4983	15K-433.11	Hải Phòng	6583	15K-470.71	Hải Phòng			
4984	15K-441.88	Hải Phòng	6584	15K-471.44	Hải Phòng			
4985	15K-444.45	Hải Phòng	6585	15K-474.99	Hải Phòng			
4986	15K-455.56	Hải Phòng	6586	15K-487.66	Hải Phòng			
4987	15K-456.39	Hải Phòng	6587	15K-494.00	Hải Phòng			
4988	15K-457.44	Hải Phòng	6588	15K-498.77	Hải Phòng			
4989	15K-463.77	Hải Phòng	6589	15K-509.22	Hải Phòng			
4990	15K-481.99	Hải Phòng	6590	15K-510.22	Hải Phòng			
4991	15K-483.44	Hải Phòng	6591	15K-512.21	Hải Phòng			
4992	15K-485.89	Hải Phòng	6592	17A-492.66	Thái Bình			
4993	15K-489.96	Hải Phòng	6593	17A-496.11	Thái Bình			
4994	15K-494.49	Hải Phòng	6594	17A-498.77	Thái Bình			
4995	15K-506.33	Hải Phòng	6595	17A-501.33	Thái Bình			
4996	15K-508.86	Hải Phòng	6596	17A-507.00	Thái Bình			
4997	17A-502.88	Thái Bình	6597	17A-513.13	Thái Bình			
4998	17A-505.44	Thái Bình	6598	17D-014.99	Thái Bình			
4999	17B-030.30	Thái Bình	6599	17D-015.16	Thái Bình			
5000	17C-219.79	Thái Bình	6600	18A-502.44	Nam Định			
5001	18A-498.94	Nam Định	6601	18B-034.22	Nam Định			
5002	19A-721.11	Phú Thọ	6602	18B-034.68	Nam Định			
5003	19A-728.22	Phú Thọ	6603	18C-174.22	Nam Định			
5004	19A-736.86	Phú Thọ	6604	18C-175.66	Nam Định			
5005	19A-737.88	Phú Thọ	6605	18C-180.68	Nam Định			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	19A-740.33	Phú Thọ	6606	18D-016.66	Nam Định			
5007	19A-741.47	Phú Thọ	6607	18D-016.79	Nam Định			
5008	19A-745.69	Phú Thọ	6608	18D-018.33	Nam Định			
5009	19C-267.76	Phú Thọ	6609	19A-718.44	Phú Thọ			
5010	19C-271.79	Phú Thọ	6610	19A-719.68	Phú Thọ			
5011	19C-272.89	Phú Thọ	6611	19A-724.55	Phú Thọ			
5012	19C-275.99	Phú Thọ	6612	19A-725.52	Phú Thọ			
5013	19D-020.33	Phú Thọ	6613	19A-729.33	Phú Thọ			
5014	20A-871.22	Thái Nguyên	6614	19A-729.92	Phú Thọ			
5015	20A-882.86	Thái Nguyên	6615	19A-734.43	Phú Thọ			
5016	20A-888.35	Thái Nguyên	6616	19A-740.88	Phú Thọ			
5017	20A-892.55	Thái Nguyên	6617	19A-752.22	Phú Thọ			
5018	20A-904.11	Thái Nguyên	6618	19A-752.55	Phú Thọ			
5019	20A-906.09	Thái Nguyên	6619	19A-753.55	Phú Thọ			
5020	20C-310.44	Thái Nguyên	6620	19A-754.39	Phú Thọ			
5021	20C-315.77	Thái Nguyên	6621	19C-269.44	Phú Thọ			
5022	20C-316.79	Thái Nguyên	6622	19C-280.89	Phú Thọ			
5023	20C-321.69	Thái Nguyên	6623	19D-019.98	Phú Thọ			
5024	20C-322.39	Thái Nguyên	6624	20A-861.77	Thái Nguyên			
5025	20C-323.86	Thái Nguyên	6625	20A-866.33	Thái Nguyên			
5026	20D-034.99	Thái Nguyên	6626	20A-883.99	Thái Nguyên			
5027	21A-223.00	Yên Bái	6627	20A-904.00	Thái Nguyên			
5028	21A-224.42	Yên Bái	6628	20C-312.22	Thái Nguyên			
5029	21A-231.31	Yên Bái	6629	20C-320.32	Thái Nguyên			
5030	21B-015.00	Yên Bái	6630	21A-226.62	Yên Bái			
5031	21B-015.66	Yên Bái	6631	21A-227.86	Yên Bái			
5032	21D-009.33	Yên Bái	6632	21A-227.88	Yên Bái			
5033	22A-272.77	Tuyên Quang	6633	21A-228.22	Yên Bái			
5034	22A-278.89	Tuyên Quang	6634	21A-228.44	Yên Bái			
5035	22A-280.44	Tuyên Quang	6635	21A-230.39	Yên Bái			
5036	22A-280.68	Tuyên Quang	6636	21C-111.22	Yên Bái			
5037	23A-167.76	Hà Giang	6637	22A-269.88	Tuyên Quang			
5038	23A-169.88	Hà Giang	6638	22A-270.00	Tuyên Quang			
5039	23C-090.33	Hà Giang	6639	22A-270.68	Tuyên Quang			
5040	24A-315.39	Lào Cai	6640	22A-274.72	Tuyên Quang			
5041	24A-326.22	Lào Cai	6641	22A-276.27	Tuyên Quang			
5042	24B-020.22	Lào Cai	6642	22A-282.86	Tuyên Quang			
5043	25C-061.06	Lai Châu	6643	22D-009.79	Tuyên Quang			
5044	25D-009.99	Lai Châu	6644	22D-013.13	Tuyên Quang			
5045	26A-235.69	Sơn La	6645	23B-011.86	Hà Giang			
5046	26A-246.77	Sơn La	6646	24A-320.02	Lào Cai			

I.D
 C.C
 D
 H.C
 V.I
 ANH

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5047	26C-165.99	Sơn La	6647	24A-326.55	Lào Cai			
5048	26D-015.10	Sơn La	6648	24B-020.44	Lào Cai			
5049	26D-015.11	Sơn La	6649	25A-087.08	Lai Châu			
5050	26D-016.11	Sơn La	6650	25C-061.66	Lai Châu			
5051	27A-132.66	Điện Biên	6651	25C-063.55	Lai Châu			
5052	27C-075.07	Điện Biên	6652	25C-063.60	Lai Châu			
5053	27D-010.11	Điện Biên	6653	26A-245.68	Sơn La			
5054	28A-261.22	Hòa Bình	6654	26C-167.67	Sơn La			
5055	28A-268.89	Hòa Bình	6655	27B-016.68	Điện Biên			
5056	28A-270.27	Hòa Bình	6656	28A-258.89	Hòa Bình			
5057	28C-126.55	Hòa Bình	6657	28A-271.55	Hòa Bình			
5058	28C-126.77	Hòa Bình	6658	28C-123.12	Hòa Bình			
5059	29D-629.00	Hà Nội	6659	28C-126.00	Hòa Bình			
5060	29D-630.77	Hà Nội	6660	29K-332.69	Hà Nội			
5061	29D-639.63	Hà Nội	6661	29K-336.66	Hà Nội			
5062	29K-332.79	Hà Nội	6662	29K-346.99	Hà Nội			
5063	29K-339.44	Hà Nội	6663	29K-356.56	Hà Nội			
5064	29K-346.79	Hà Nội	6664	29K-361.55	Hà Nội			
5065	29K-363.64	Hà Nội	6665	29K-381.89	Hà Nội			
5066	29K-365.63	Hà Nội	6666	29K-386.55	Hà Nội			
5067	29K-384.84	Hà Nội	6667	29K-394.93	Hà Nội			
5068	29K-392.22	Hà Nội	6668	29K-399.22	Hà Nội			
5069	29K-401.79	Hà Nội	6669	29K-403.00	Hà Nội			
5070	29K-410.14	Hà Nội	6670	29K-405.40	Hà Nội			
5071	29K-412.00	Hà Nội	6671	29K-410.77	Hà Nội			
5072	29K-413.68	Hà Nội	6672	29K-411.88	Hà Nội			
5073	29K-414.14	Hà Nội	6673	29K-414.41	Hà Nội			
5074	29K-428.68	Hà Nội	6674	29K-416.33	Hà Nội			
5075	29K-440.99	Hà Nội	6675	29K-427.72	Hà Nội			
5076	29K-444.03	Hà Nội	6676	29K-432.00	Hà Nội			
5077	30M-118.18	Hà Nội	6677	29K-435.44	Hà Nội			
5078	34A-927.44	Hải Dương	6678	29K-457.55	Hà Nội			
5079	34A-931.33	Hải Dương	6679	29K-461.16	Hà Nội			
5080	34A-945.33	Hải Dương	6680	29K-463.22	Hà Nội			
5081	34A-946.44	Hải Dương	6681	29K-467.39	Hà Nội			
5082	34A-947.77	Hải Dương	6682	34A-921.33	Hải Dương			
5083	34A-961.55	Hải Dương	6683	34A-930.68	Hải Dương			
5084	34A-962.26	Hải Dương	6684	34A-936.33	Hải Dương			
5085	34A-963.79	Hải Dương	6685	34A-944.77	Hải Dương			
5086	34A-966.67	Hải Dương	6686	34A-955.88	Hải Dương			
5087	34A-968.33	Hải Dương	6687	34A-972.66	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	34A-975.88	Hải Dương	6688	34A-974.77	Hải Dương			
5089	34C-450.55	Hải Dương	6689	34B-046.46	Hải Dương			
5090	35A-377.88	Ninh Bình	6690	34B-046.64	Hải Dương			
5091	35A-465.77	Ninh Bình	6691	34C-440.41	Hải Dương			
5092	35C-182.68	Ninh Bình	6692	34C-444.41	Hải Dương			
5093	36B-049.96	Thanh Hóa	6693	34C-445.54	Hải Dương			
5094	36B-050.55	Thanh Hóa	6694	35A-469.86	Ninh Bình			
5095	36C-547.48	Thanh Hóa	6695	35A-473.68	Ninh Bình			
5096	36C-557.75	Thanh Hóa	6696	35A-481.82	Ninh Bình			
5097	36C-564.64	Thanh Hóa	6697	35B-025.55	Ninh Bình			
5098	36C-567.77	Thanh Hóa	6698	36B-049.99	Thanh Hóa			
5099	36C-573.77	Thanh Hóa	6699	36C-553.66	Thanh Hóa			
5100	36C-575.00	Thanh Hóa	6700	36C-555.47	Thanh Hóa			
5101	36K-234.35	Thanh Hóa	6701	36C-562.00	Thanh Hóa			
5102	36K-237.11	Thanh Hóa	6702	36C-562.33	Thanh Hóa			
5103	36K-243.42	Thanh Hóa	6703	36K-230.77	Thanh Hóa			
5104	36K-245.24	Thanh Hóa	6704	36K-233.39	Thanh Hóa			
5105	36K-247.79	Thanh Hóa	6705	36K-236.77	Thanh Hóa			
5106	36K-252.99	Thanh Hóa	6706	36K-239.00	Thanh Hóa			
5107	36K-273.73	Thanh Hóa	6707	36K-241.41	Thanh Hóa			
5108	36K-276.55	Thanh Hóa	6708	36K-248.84	Thanh Hóa			
5109	36K-284.39	Thanh Hóa	6709	36K-249.00	Thanh Hóa			
5110	36K-293.00	Thanh Hóa	6710	36K-260.26	Thanh Hóa			
5111	36K-293.93	Thanh Hóa	6711	36K-269.00	Thanh Hóa			
5112	36K-297.98	Thanh Hóa	6712	36K-271.66	Thanh Hóa			
5113	36K-303.79	Thanh Hóa	6713	36K-282.79	Thanh Hóa			
5114	37C-584.55	Nghệ An	6714	36K-292.00	Thanh Hóa			
5115	37C-585.58	Nghệ An	6715	36K-301.00	Thanh Hóa			
5116	37C-585.85	Nghệ An	6716	37C-575.44	Nghệ An			
5117	37K-493.68	Nghệ An	6717	37K-455.56	Nghệ An			
5118	37K-497.44	Nghệ An	6718	37K-492.49	Nghệ An			
5119	37K-501.00	Nghệ An	6719	37K-500.68	Nghệ An			
5120	37K-501.89	Nghệ An	6720	37K-508.55	Nghệ An			
5121	37K-502.20	Nghệ An	6721	37K-519.68	Nghệ An			
5122	37K-506.39	Nghệ An	6722	37K-536.37	Nghệ An			
5123	37K-507.50	Nghệ An	6723	37K-541.68	Nghệ An			
5124	37K-509.22	Nghệ An	6724	37K-544.77	Nghệ An			
5125	37K-513.31	Nghệ An	6725	37K-546.55	Nghệ An			
5126	37K-536.35	Nghệ An	6726	37K-550.50	Nghệ An			
5127	37K-540.77	Nghệ An	6727	37K-563.44	Nghệ An			
5128	37K-543.44	Nghệ An	6728	37K-568.89	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5129	37K-550.33	Nghệ An	6729	37K-569.55	Nghệ An			
5130	37K-553.89	Nghệ An	6730	37K-569.89	Nghệ An			
5131	37K-563.56	Nghệ An	6731	38A-681.82	Hà Tĩnh			
5132	37K-569.86	Nghệ An	6732	38A-698.66	Hà Tĩnh			
5133	38A-683.00	Hà Tĩnh	6733	38A-700.77	Hà Tĩnh			
5134	38A-688.00	Hà Tĩnh	6734	38A-701.77	Hà Tĩnh			
5135	38A-695.44	Hà Tĩnh	6735	38A-704.22	Hà Tĩnh			
5136	38A-703.55	Hà Tĩnh	6736	38A-707.08	Hà Tĩnh			
5137	38A-704.04	Hà Tĩnh	6737	38C-253.39	Hà Tĩnh			
5138	38A-704.69	Hà Tĩnh	6738	43A-956.56	Đà Nẵng			
5139	38A-707.22	Hà Tĩnh	6739	43A-971.72	Đà Nẵng			
5140	38C-244.89	Hà Tĩnh	6740	43A-972.44	Đà Nẵng			
5141	38C-245.55	Hà Tĩnh	6741	43A-974.68	Đà Nẵng			
5142	38C-247.55	Hà Tĩnh	6742	43C-320.66	Đà Nẵng			
5143	38D-023.39	Hà Tĩnh	6743	47A-832.38	Đắk Lắk			
5144	43A-943.43	Đà Nẵng	6744	47A-840.33	Đắk Lắk			
5145	43A-949.39	Đà Nẵng	6745	47A-851.44	Đắk Lắk			
5146	43A-950.86	Đà Nẵng	6746	47A-857.79	Đắk Lắk			
5147	43A-955.00	Đà Nẵng	6747	47A-860.88	Đắk Lắk			
5148	43A-955.79	Đà Nẵng	6748	47A-863.39	Đắk Lắk			
5149	43A-957.79	Đà Nẵng	6749	47C-415.16	Đắk Lắk			
5150	43A-969.77	Đà Nẵng	6750	48A-247.99	Đắk Nông			
5151	43A-974.39	Đà Nẵng	6751	48A-248.33	Đắk Nông			
5152	43A-980.80	Đà Nẵng	6752	48A-256.33	Đắk Nông			
5153	43C-317.66	Đà Nẵng	6753	48A-257.88	Đắk Nông			
5154	43C-317.88	Đà Nẵng	6754	48B-016.66	Đắk Nông			
5155	43C-319.19	Đà Nẵng	6755	48C-119.96	Đắk Nông			
5156	47A-823.44	Đắk Lắk	6756	49A-750.39	Lâm Đồng			
5157	47A-825.22	Đắk Lắk	6757	49A-750.77	Lâm Đồng			
5158	47A-828.33	Đắk Lắk	6758	49C-383.99	Lâm Đồng			
5159	47A-830.00	Đắk Lắk	6759	49C-391.44	Lâm Đồng			
5160	47A-834.77	Đắk Lắk	6760	49D-017.11	Lâm Đồng			
5161	47A-835.00	Đắk Lắk	6761	51B-713.69	Hồ Chí Minh			
5162	47A-836.36	Đắk Lắk	6762	51B-715.68	Hồ Chí Minh			
5163	47A-838.39	Đắk Lắk	6763	51E-343.89	Hồ Chí Minh			
5164	47A-844.84	Đắk Lắk	6764	60B-079.44	Đồng Nai			
5165	47A-845.68	Đắk Lắk	6765	60C-765.44	Đồng Nai			
5166	47A-847.68	Đắk Lắk	6766	60C-765.79	Đồng Nai			
5167	47A-847.89	Đắk Lắk	6767	60C-768.69	Đồng Nai			
5168	47A-850.68	Đắk Lắk	6768	60C-776.68	Đồng Nai			
5169	47A-861.39	Đắk Lắk	6769	60C-779.69	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	47C-411.79	Đắk Lắk	6770	60C-782.00	Đồng Nai			
5171	47C-421.88	Đắk Lắk	6771	60C-790.33	Đồng Nai			
5172	47D-021.33	Đắk Lắk	6772	60C-791.69	Đồng Nai			
5173	48A-253.79	Đắk Nông	6773	60K-620.89	Đồng Nai			
5174	48A-256.68	Đắk Nông	6774	60K-622.66	Đồng Nai			
5175	48C-116.16	Đắk Nông	6775	60K-632.44	Đồng Nai			
5176	49A-746.00	Lâm Đồng	6776	60K-636.77	Đồng Nai			
5177	49A-762.55	Lâm Đồng	6777	60K-644.00	Đồng Nai			
5178	49A-777.67	Lâm Đồng	6778	60K-644.11	Đồng Nai			
5179	49C-383.22	Lâm Đồng	6779	60K-653.22	Đồng Nai			
5180	49C-383.55	Lâm Đồng	6780	60K-660.79	Đồng Nai			
5181	49C-389.83	Lâm Đồng	6781	60K-660.88	Đồng Nai			
5182	49C-393.11	Lâm Đồng	6782	60K-663.22	Đồng Nai			
5183	51E-343.11	Hồ Chí Minh	6783	60K-666.14	Đồng Nai			
5184	51E-346.99	Hồ Chí Minh	6784	60K-679.39	Đồng Nai			
5185	51E-348.11	Hồ Chí Minh	6785	60K-682.88	Đồng Nai			
5186	51E-348.86	Hồ Chí Minh	6786	60K-684.99	Đồng Nai			
5187	60C-756.86	Đồng Nai	6787	60K-690.68	Đồng Nai			
5188	60C-759.69	Đồng Nai	6788	60K-697.77	Đồng Nai			
5189	60C-765.86	Đồng Nai	6789	60K-702.02	Đồng Nai			
5190	60C-768.33	Đồng Nai	6790	61C-622.55	Bình Dương			
5191	60C-777.06	Đồng Nai	6791	61C-624.55	Bình Dương			
5192	60C-779.55	Đồng Nai	6792	61C-629.96	Bình Dương			
5193	60K-631.13	Đồng Nai	6793	61C-632.00	Bình Dương			
5194	60K-634.68	Đồng Nai	6794	61C-637.37	Bình Dương			
5195	60K-638.69	Đồng Nai	6795	61C-643.11	Bình Dương			
5196	60K-643.11	Đồng Nai	6796	61D-023.79	Bình Dương			
5197	60K-649.86	Đồng Nai	6797	61D-024.22	Bình Dương			
5198	60K-673.68	Đồng Nai	6798	61D-024.99	Bình Dương			
5199	60K-679.66	Đồng Nai	6799	61K-529.52	Bình Dương			
5200	60K-681.55	Đồng Nai	6800	61K-531.86	Bình Dương			
5201	60K-682.28	Đồng Nai	6801	61K-541.00	Bình Dương			
5202	61C-612.55	Bình Dương	6802	61K-548.44	Bình Dương			
5203	61C-617.33	Bình Dương	6803	61K-548.79	Bình Dương			
5204	61C-634.99	Bình Dương	6804	61K-549.66	Bình Dương			
5205	61C-641.44	Bình Dương	6805	61K-550.05	Bình Dương			
5206	61K-520.25	Bình Dương	6806	61K-550.11	Bình Dương			
5207	61K-520.86	Bình Dương	6807	61K-550.55	Bình Dương			
5208	61K-525.39	Bình Dương	6808	61K-551.44	Bình Dương			
5209	61K-527.25	Bình Dương	6809	61K-553.79	Bình Dương			
5210	61K-535.55	Bình Dương	6810	61K-563.88	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5211	61K-540.68	Bình Dương	6811	61K-570.44	Bình Dương			
5212	61K-546.64	Bình Dương	6812	61K-583.44	Bình Dương			
5213	61K-551.86	Bình Dương	6813	61K-589.55	Bình Dương			
5214	61K-555.28	Bình Dương	6814	61K-598.33	Bình Dương			
5215	61K-580.55	Bình Dương	6815	62A-470.86	Long An			
5216	61K-590.88	Bình Dương	6816	62A-481.88	Long An			
5217	62A-385.88	Long An	6817	62A-485.99	Long An			
5218	62A-471.39	Long An	6818	62A-487.66	Long An			
5219	62A-475.22	Long An	6819	62B-032.00	Long An			
5220	62A-483.84	Long An	6820	62D-015.10	Long An			
5221	62A-493.86	Long An	6821	63A-330.79	Tiền Giang			
5222	62B-031.55	Long An	6822	63A-333.02	Tiền Giang			
5223	62D-017.39	Long An	6823	63A-337.68	Tiền Giang			
5224	62D-018.10	Long An	6824	63B-036.77	Tiền Giang			
5225	63A-326.27	Tiền Giang	6825	63C-229.29	Tiền Giang			
5226	63A-331.39	Tiền Giang	6826	63C-236.99	Tiền Giang			
5227	63A-333.31	Tiền Giang	6827	63C-237.66	Tiền Giang			
5228	63A-334.33	Tiền Giang	6828	63C-238.39	Tiền Giang			
5229	63A-335.11	Tiền Giang	6829	64A-206.89	Vĩnh Long			
5230	63A-341.86	Tiền Giang	6830	64A-208.09	Vĩnh Long			
5231	63C-230.66	Tiền Giang	6831	64A-209.86	Vĩnh Long			
5232	63D-012.01	Tiền Giang	6832	64C-137.77	Vĩnh Long			
5233	63D-013.88	Tiền Giang	6833	65A-526.52	Cần Thơ			
5234	63D-015.66	Tiền Giang	6834	65A-531.35	Cần Thơ			
5235	64A-205.89	Vĩnh Long	6835	65B-025.86	Cần Thơ			
5236	64D-009.33	Vĩnh Long	6836	65C-263.88	Cần Thơ			
5237	65B-026.68	Cần Thơ	6837	65C-267.11	Cần Thơ			
5238	65C-252.22	Cần Thơ	6838	65C-268.55	Cần Thơ			
5239	65C-252.89	Cần Thơ	6839	65C-270.66	Cần Thơ			
5240	65C-279.97	Cần Thơ	6840	65C-270.88	Cần Thơ			
5241	66A-317.99	Đồng Tháp	6841	65C-279.00	Cần Thơ			
5242	66B-024.22	Đồng Tháp	6842	66A-309.66	Đồng Tháp			
5243	66B-026.26	Đồng Tháp	6843	66A-315.33	Đồng Tháp			
5244	67A-332.69	An Giang	6844	66C-187.69	Đồng Tháp			
5245	67A-336.44	An Giang	6845	66C-191.86	Đồng Tháp			
5246	67A-339.86	An Giang	6846	67A-331.99	An Giang			
5247	67B-030.33	An Giang	6847	67A-344.34	An Giang			
5248	67B-031.32	An Giang	6848	67C-192.33	An Giang			
5249	67D-010.69	An Giang	6849	67C-192.68	An Giang			
5250	68A-365.56	Kiên Giang	6850	67D-008.86	An Giang			
5251	68A-371.17	Kiên Giang	6851	68A-368.69	Kiên Giang			

: 47
 ỨNG
 ẬU G
 ỚP DẠ
 ỆT N
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	68A-373.69	Kiên Giang	6852	68A-369.39	Kiên Giang			
5253	68C-179.89	Kiên Giang	6853	68A-373.44	Kiên Giang			
5254	68D-009.55	Kiên Giang	6854	68A-373.79	Kiên Giang			
5255	69A-172.11	Cà Mau	6855	68A-376.55	Kiên Giang			
5256	69A-174.22	Cà Mau	6856	68A-381.89	Kiên Giang			
5257	69C-106.68	Cà Mau	6857	68C-179.22	Kiên Giang			
5258	69C-108.00	Cà Mau	6858	68C-185.11	Kiên Giang			
5259	70A-589.22	Tây Ninh	6859	68D-010.10	Kiên Giang			
5260	70A-602.06	Tây Ninh	6860	69D-005.50	Cà Mau			
5261	70A-603.33	Tây Ninh	6861	69D-008.69	Cà Mau			
5262	70A-605.22	Tây Ninh	6862	70A-595.44	Tây Ninh			
5263	70C-217.17	Tây Ninh	6863	70A-615.55	Tây Ninh			
5264	70C-217.68	Tây Ninh	6864	70B-035.99	Tây Ninh			
5265	70C-219.11	Tây Ninh	6865	70C-214.15	Tây Ninh			
5266	70D-013.69	Tây Ninh	6866	70C-215.15	Tây Ninh			
5267	71A-215.21	Bến Tre	6867	70C-218.88	Tây Ninh			
5268	71D-007.22	Bến Tre	6868	70D-011.39	Tây Ninh			
5269	72A-843.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	6869	70D-013.68	Tây Ninh			
5270	72A-846.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	6870	71A-214.55	Bến Tre			
5271	72A-850.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	6871	71A-217.79	Bến Tre			
5272	72A-856.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	6872	71B-024.39	Bến Tre			
5273	72A-860.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	6873	71C-134.88	Bến Tre			
5274	72A-872.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	6874	72A-871.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5275	72A-874.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	6875	72A-872.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5276	72A-874.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	6876	72A-875.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5277	72A-874.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	6877	72A-877.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5278	72A-874.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6878	72A-877.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5279	72A-882.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	6879	72C-275.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5280	72A-884.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	6880	73A-377.37	Quảng Bình			
5281	72C-264.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	6881	73A-383.33	Quảng Bình			
5282	72C-265.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	6882	73B-020.00	Quảng Bình			
5283	72C-268.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	6883	73D-009.68	Quảng Bình			
5284	72C-282.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	6884	73D-010.11	Quảng Bình			
5285	72D-015.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	6885	74A-279.55	Quảng Trị			
5286	72D-016.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	6886	74A-287.44	Quảng Trị			
5287	72D-016.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	6887	74C-143.89	Quảng Trị			
5288	74A-277.86	Quảng Trị	6888	74C-145.88	Quảng Trị			
5289	74A-281.69	Quảng Trị	6889	75A-388.66	Thừa Thiên Huế			
5290	74A-282.55	Quảng Trị	6890	75A-398.86	Thừa Thiên Huế			
5291	74A-285.11	Quảng Trị	6891	75C-156.88	Thừa Thiên Huế			
5292	74A-285.55	Quảng Trị	6892	75C-157.55	Thừa Thiên Huế			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	74A-287.33	Quảng Trị	6893	76A-326.62	Quảng Ngãi			
5294	74C-144.79	Quảng Trị	6894	76A-327.23	Quảng Ngãi			
5295	74C-146.11	Quảng Trị	6895	76A-328.89	Quảng Ngãi			
5296	75A-389.11	Thừa Thiên Huế	6896	76A-334.33	Quảng Ngãi			
5297	75A-391.44	Thừa Thiên Huế	6897	76A-336.79	Quảng Ngãi			
5298	75A-394.69	Thừa Thiên Huế	6898	76C-180.89	Quảng Ngãi			
5299	75A-395.11	Thừa Thiên Huế	6899	77C-262.79	Bình Định			
5300	75A-398.68	Thừa Thiên Huế	6900	77C-264.66	Bình Định			
5301	75C-159.00	Thừa Thiên Huế	6901	78A-219.55	Phú Yên			
5302	75C-162.55	Thừa Thiên Huế	6902	78B-021.44	Phú Yên			
5303	75C-163.33	Thừa Thiên Huế	6903	78C-126.22	Phú Yên			
5304	76A-324.89	Quảng Ngãi	6904	79A-579.86	Khánh Hòa			
5305	76A-325.33	Quảng Ngãi	6905	79A-580.88	Khánh Hòa			
5306	76A-327.28	Quảng Ngãi	6906	79A-587.87	Khánh Hòa			
5307	76A-330.86	Quảng Ngãi	6907	79A-590.22	Khánh Hòa			
5308	77A-323.23	Bình Định	6908	79B-043.88	Khánh Hòa			
5309	77A-357.57	Bình Định	6909	79B-045.11	Khánh Hòa			
5310	77A-366.36	Bình Định	6910	79C-230.44	Khánh Hòa			
5311	77D-007.77	Bình Định	6911	81A-454.66	Gia Lai			
5312	78A-215.77	Phú Yên	6912	81A-454.77	Gia Lai			
5313	78A-222.15	Phú Yên	6913	81A-454.99	Gia Lai			
5314	78A-223.86	Phú Yên	6914	81A-457.33	Gia Lai			
5315	78D-009.33	Phú Yên	6915	81A-457.77	Gia Lai			
5316	78D-009.88	Phú Yên	6916	81A-463.11	Gia Lai			
5317	78D-010.44	Phú Yên	6917	81A-466.64	Gia Lai			
5318	79A-578.33	Khánh Hòa	6918	81A-467.79	Gia Lai			
5319	79A-582.68	Khánh Hòa	6919	81A-472.72	Gia Lai			
5320	79A-583.22	Khánh Hòa	6920	81A-475.11	Gia Lai			
5321	79A-592.55	Khánh Hòa	6921	81C-287.82	Gia Lai			
5322	79B-045.54	Khánh Hòa	6922	81C-293.11	Gia Lai			
5323	79C-227.88	Khánh Hòa	6923	81C-294.49	Gia Lai			
5324	79C-235.55	Khánh Hòa	6924	81C-296.97	Gia Lai			
5325	79D-010.88	Khánh Hòa	6925	81C-297.77	Gia Lai			
5326	79D-011.69	Khánh Hòa	6926	81C-299.55	Gia Lai			
5327	79D-013.68	Khánh Hòa	6927	81D-016.89	Gia Lai			
5328	81A-459.59	Gia Lai	6928	81D-017.33	Gia Lai			
5329	81A-467.66	Gia Lai	6929	82B-021.79	Kon Tum			
5330	81A-477.99	Gia Lai	6930	83A-194.00	Sóc Trăng			
5331	81D-015.39	Gia Lai	6931	83A-196.68	Sóc Trăng			
5332	82B-020.88	Kon Tum	6932	83B-024.11	Sóc Trăng			
5333	82C-098.90	Kon Tum	6933	83B-024.25	Sóc Trăng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	83A-193.68	Sóc Trăng	6934	83B-025.02	Sóc Trăng			
5335	83A-196.89	Sóc Trăng	6935	83B-025.33	Sóc Trăng			
5336	83A-197.86	Sóc Trăng	6936	83C-136.86	Sóc Trăng			
5337	83A-199.11	Sóc Trăng	6937	83D-008.09	Sóc Trăng			
5338	84A-146.88	Trà Vinh	6938	84A-149.86	Trà Vinh			
5339	84B-022.89	Trà Vinh	6939	84D-005.44	Trà Vinh			
5340	84C-127.33	Trà Vinh	6940	84D-007.89	Trà Vinh			
5341	85A-148.66	Ninh Thuận	6941	84D-008.39	Trà Vinh			
5342	85A-149.79	Ninh Thuận	6942	85A-147.41	Ninh Thuận			
5343	85A-152.55	Ninh Thuận	6943	85A-152.15	Ninh Thuận			
5344	85B-015.33	Ninh Thuận	6944	85B-014.66	Ninh Thuận			
5345	86A-333.56	Bình Thuận	6945	85B-015.16	Ninh Thuận			
5346	86B-027.20	Bình Thuận	6946	85C-088.33	Ninh Thuận			
5347	86B-027.27	Bình Thuận	6947	85D-006.99	Ninh Thuận			
5348	86C-215.11	Bình Thuận	6948	85D-007.00	Ninh Thuận			
5349	88A-790.77	Vĩnh Phúc	6949	85D-007.22	Ninh Thuận			
5350	88A-798.39	Vĩnh Phúc	6950	86A-327.00	Bình Thuận			
5351	88A-798.77	Vĩnh Phúc	6951	86A-327.86	Bình Thuận			
5352	88A-816.18	Vĩnh Phúc	6952	86B-026.89	Bình Thuận			
5353	88A-817.33	Vĩnh Phúc	6953	86C-211.33	Bình Thuận			
5354	88A-823.00	Vĩnh Phúc	6954	86C-214.89	Bình Thuận			
5355	88A-829.92	Vĩnh Phúc	6955	88A-794.55	Vĩnh Phúc			
5356	88A-830.38	Vĩnh Phúc	6956	88A-797.00	Vĩnh Phúc			
5357	88B-023.20	Vĩnh Phúc	6957	88A-814.00	Vĩnh Phúc			
5358	88C-314.88	Vĩnh Phúc	6958	88A-828.11	Vĩnh Phúc			
5359	88C-320.86	Vĩnh Phúc	6959	88B-024.79	Vĩnh Phúc			
5360	88D-024.00	Vĩnh Phúc	6960	88C-313.39	Vĩnh Phúc			
5361	89A-533.55	Hung Yên	6961	88C-323.99	Vĩnh Phúc			
5362	89A-533.79	Hung Yên	6962	89A-510.89	Hung Yên			
5363	89A-538.66	Hung Yên	6963	89A-537.35	Hung Yên			
5364	89A-544.39	Hung Yên	6964	89A-538.53	Hung Yên			
5365	89A-546.89	Hung Yên	6965	89A-543.54	Hung Yên			
5366	89A-547.22	Hung Yên	6966	89A-544.69	Hung Yên			
5367	89A-551.44	Hung Yên	6967	89A-549.79	Hung Yên			
5368	89A-553.22	Hung Yên	6968	89A-554.86	Hung Yên			
5369	89A-555.99	Hung Yên	6969	89B-026.79	Hung Yên			
5370	89A-567.66	Hung Yên	6970	89C-352.55	Hung Yên			
5371	89A-567.99	Hung Yên	6971	89C-356.44	Hung Yên			
5372	89C-345.33	Hung Yên	6972	90A-290.88	Hà Nam			
5373	89D-026.55	Hung Yên	6973	90A-300.03	Hà Nam			
5374	90A-295.44	Hà Nam	6974	90B-016.16	Hà Nam			

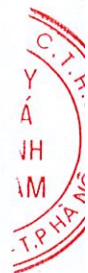
Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	90A-301.88	Hà Nam	6975	90C-154.99	Hà Nam			
5376	90B-016.17	Hà Nam	6976	90D-009.88	Hà Nam			
5377	90C-159.95	Hà Nam	6977	92A-444.09	Quảng Nam			
5378	90D-011.22	Hà Nam	6978	92A-444.78	Quảng Nam			
5379	90D-012.39	Hà Nam	6979	92C-260.22	Quảng Nam			
5380	92A-441.69	Quảng Nam	6980	92C-262.22	Quảng Nam			
5381	92A-447.77	Quảng Nam	6981	92C-265.55	Quảng Nam			
5382	92A-448.89	Quảng Nam	6982	92C-265.56	Quảng Nam			
5383	92C-260.06	Quảng Nam	6983	92C-266.44	Quảng Nam			
5384	92C-260.99	Quảng Nam	6984	92D-013.66	Quảng Nam			
5385	92C-263.00	Quảng Nam	6985	93A-508.33	Bình Phước			
5386	92D-014.86	Quảng Nam	6986	93A-517.17	Bình Phước			
5387	93A-515.66	Bình Phước	6987	93A-517.39	Bình Phước			
5388	93A-515.79	Bình Phước	6988	93A-520.33	Bình Phước			
5389	93A-525.77	Bình Phước	6989	93B-022.39	Bình Phước			
5390	94A-111.69	Bạc Liêu	6990	93B-022.66	Bình Phước			
5391	95A-140.79	Hậu Giang	6991	93C-201.02	Bình Phước			
5392	95A-140.99	Hậu Giang	6992	94A-110.55	Bạc Liêu			
5393	95A-142.14	Hậu Giang	6993	94C-085.66	Bạc Liêu			
5394	97D-007.70	Bắc Kạn	6994	94D-006.88	Bạc Liêu			
5395	98A-859.39	Bắc Giang	6995	94D-008.55	Bạc Liêu			
5396	98A-865.86	Bắc Giang	6996	95A-137.11	Hậu Giang			
5397	98A-867.76	Bắc Giang	6997	95A-140.77	Hậu Giang			
5398	98A-870.79	Bắc Giang	6998	95A-142.55	Hậu Giang			
5399	98A-871.55	Bắc Giang	6999	95A-143.00	Hậu Giang			
5400	98A-874.11	Bắc Giang	7000	95A-143.14	Hậu Giang			
5401	98A-875.88	Bắc Giang	7001	95A-143.39	Hậu Giang			
5402	98A-892.86	Bắc Giang	7002	95C-093.66	Hậu Giang			
5403	98A-896.98	Bắc Giang	7003	95D-025.88	Hậu Giang			
5404	98A-907.68	Bắc Giang	7004	97B-015.88	Bắc Kạn			
5405	98A-909.39	Bắc Giang	7005	97B-019.11	Bắc Kạn			
5406	98A-911.99	Bắc Giang	7006	97C-050.79	Bắc Kạn			
5407	98B-045.44	Bắc Giang	7007	97D-007.55	Bắc Kạn			
5408	98C-377.68	Bắc Giang	7008	98A-867.55	Bắc Giang			
5409	98C-393.22	Bắc Giang	7009	98A-871.39	Bắc Giang			
5410	98D-021.21	Bắc Giang	7010	98A-880.39	Bắc Giang			
5411	98D-022.39	Bắc Giang	7011	98A-882.77	Bắc Giang			
5412	99A-802.99	Bắc Ninh	7012	98A-883.11	Bắc Giang			
5413	99A-829.39	Bắc Ninh	7013	98A-894.33	Bắc Giang			
5414	99A-853.66	Bắc Ninh	7014	98A-895.77	Bắc Giang			
5415	99A-853.88	Bắc Ninh	7015	98C-385.22	Bắc Giang			

31 41
 ÔNG
 ĐẦU G
 ỢP D
 IỆT N
 XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	99A-856.77	Bắc Ninh	7016	98C-390.00	Bắc Giang			
5417	99A-860.39	Bắc Ninh	7017	98C-392.00	Bắc Giang			
5418	99A-869.89	Bắc Ninh	7018	98D-022.11	Bắc Giang			
5419	99A-871.88	Bắc Ninh	7019	99A-856.57	Bắc Ninh			
5420	99A-872.27	Bắc Ninh	7020	99A-868.55	Bắc Ninh			
5421	99A-878.55	Bắc Ninh	7021	99A-871.00	Bắc Ninh			
5422	99A-884.85	Bắc Ninh	7022	99A-873.86	Bắc Ninh			
5423	99A-886.77	Bắc Ninh	7023	99A-877.88	Bắc Ninh			
5424	99A-887.89	Bắc Ninh	7024	99A-883.00	Bắc Ninh			
5425	99A-888.12	Bắc Ninh	7025	99A-883.68	Bắc Ninh			
5426	99A-889.00	Bắc Ninh	7026	99A-892.29	Bắc Ninh			
5427	99B-031.11	Bắc Ninh	7027	99B-031.30	Bắc Ninh			
5428	99C-331.31	Bắc Ninh	7028	99C-333.47	Bắc Ninh			
5429	99C-334.44	Bắc Ninh	7029	99C-334.22	Bắc Ninh			
5430	99C-345.22	Bắc Ninh	7030	99C-344.43	Bắc Ninh			
5431	99D-025.55	Bắc Ninh	7031	99C-344.89	Bắc Ninh			
5432	11A-136.56	Cao Bằng	7032	99C-346.22	Bắc Ninh			
5433	11C-089.85	Cao Bằng	7033	11B-013.59	Cao Bằng			
5434	12A-271.09	Lạng Sơn	7034	11B-015.85	Cao Bằng			
5435	12A-272.65	Lạng Sơn	7035	12A-271.28	Lạng Sơn			
5436	12D-009.36	Lạng Sơn	7036	12C-143.63	Lạng Sơn			
5437	14A-993.18	Quảng Ninh	7037	14A-990.08	Quảng Ninh			
5438	14A-993.56	Quảng Ninh	7038	14A-995.26	Quảng Ninh			
5439	14A-998.09	Quảng Ninh	7039	14A-997.19	Quảng Ninh			
5440	14C-450.16	Quảng Ninh	7040	14A-998.96	Quảng Ninh			
5441	14C-457.63	Quảng Ninh	7041	14B-055.63	Quảng Ninh			
5442	14C-468.38	Quảng Ninh	7042	14C-449.59	Quảng Ninh			
5443	14D-032.26	Quảng Ninh	7043	14C-454.59	Quảng Ninh			
5444	14D-032.83	Quảng Ninh	7044	14C-456.09	Quảng Ninh			
5445	14K-014.59	Quảng Ninh	7045	14C-456.63	Quảng Ninh			
5446	14K-025.35	Quảng Ninh	7046	14C-459.26	Quảng Ninh			
5447	14K-026.36	Quảng Ninh	7047	14C-459.36	Quảng Ninh			
5448	14K-031.56	Quảng Ninh	7048	14C-469.56	Quảng Ninh			
5449	14K-033.59	Quảng Ninh	7049	14C-470.98	Quảng Ninh			
5450	14K-047.85	Quảng Ninh	7050	14D-029.56	Quảng Ninh			
5451	15B-056.36	Hải Phòng	7051	14D-032.18	Quảng Ninh			
5452	15B-058.38	Hải Phòng	7052	14D-033.16	Quảng Ninh			
5453	15C-481.59	Hải Phòng	7053	14K-000.98	Quảng Ninh			
5454	15C-497.29	Hải Phòng	7054	14K-002.08	Quảng Ninh			
5455	15K-437.83	Hải Phòng	7055	14K-003.56	Quảng Ninh			
5456	15K-438.08	Hải Phòng	7056	14K-012.28	Quảng Ninh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5457	15K-442.83	Hải Phòng	7057	14K-013.28	Quảng Ninh			
5458	15K-445.18	Hải Phòng	7058	14K-015.18	Quảng Ninh			
5459	15K-446.83	Hải Phòng	7059	14K-015.58	Quảng Ninh			
5460	15K-450.25	Hải Phòng	7060	14K-023.83	Quảng Ninh			
5461	15K-453.06	Hải Phòng	7061	14K-031.26	Quảng Ninh			
5462	15K-461.59	Hải Phòng	7062	14K-042.59	Quảng Ninh			
5463	15K-467.59	Hải Phòng	7063	14K-046.19	Quảng Ninh			
5464	15K-468.25	Hải Phòng	7064	14K-047.15	Quảng Ninh			
5465	15K-469.29	Hải Phòng	7065	14K-049.35	Quảng Ninh			
5466	15K-470.18	Hải Phòng	7066	15C-492.06	Hải Phòng			
5467	15K-470.19	Hải Phòng	7067	15K-429.09	Hải Phòng			
5468	15K-478.19	Hải Phòng	7068	15K-436.85	Hải Phòng			
5469	15K-479.63	Hải Phòng	7069	15K-438.35	Hải Phòng			
5470	15K-491.36	Hải Phòng	7070	15K-444.65	Hải Phòng			
5471	15K-492.56	Hải Phòng	7071	15K-448.95	Hải Phòng			
5472	15K-495.98	Hải Phòng	7072	15K-451.85	Hải Phòng			
5473	15K-503.26	Hải Phòng	7073	15K-455.06	Hải Phòng			
5474	15K-504.08	Hải Phòng	7074	15K-464.18	Hải Phòng			
5475	15K-504.95	Hải Phòng	7075	15K-467.96	Hải Phòng			
5476	15K-505.83	Hải Phòng	7076	15K-474.63	Hải Phòng			
5477	15K-506.56	Hải Phòng	7077	15K-482.08	Hải Phòng			
5478	15K-508.85	Hải Phòng	7078	15K-485.98	Hải Phòng			
5479	15K-511.65	Hải Phòng	7079	15K-486.58	Hải Phòng			
5480	15K-512.16	Hải Phòng	7080	15K-487.83	Hải Phòng			
5481	15K-513.18	Hải Phòng	7081	15K-491.65	Hải Phòng			
5482	17A-494.19	Thái Bình	7082	15K-493.38	Hải Phòng			
5483	17A-502.59	Thái Bình	7083	15K-495.08	Hải Phòng			
5484	17A-504.38	Thái Bình	7084	15K-496.95	Hải Phòng			
5485	17A-505.59	Thái Bình	7085	15K-501.08	Hải Phòng			
5486	17A-507.56	Thái Bình	7086	15K-508.38	Hải Phòng			
5487	17A-507.59	Thái Bình	7087	15K-512.25	Hải Phòng			
5488	17B-030.65	Thái Bình	7088	17A-501.65	Thái Bình			
5489	17B-031.38	Thái Bình	7089	17A-504.09	Thái Bình			
5490	17B-032.36	Thái Bình	7090	17A-510.58	Thái Bình			
5491	17C-217.08	Thái Bình	7091	17A-510.59	Thái Bình			
5492	17C-217.26	Thái Bình	7092	17A-512.18	Thái Bình			
5493	17C-221.26	Thái Bình	7093	17C-216.19	Thái Bình			
5494	18A-492.19	Nam Định	7094	17C-219.59	Thái Bình			
5495	18A-492.59	Nam Định	7095	17D-013.19	Thái Bình			
5496	18A-497.09	Nam Định	7096	17D-013.85	Thái Bình			
5497	18A-497.35	Nam Định	7097	17D-014.58	Thái Bình			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	18A-502.56	Nam Định	7098	17D-016.15	Thái Bình			
5499	18A-508.15	Nam Định	7099	17D-016.29	Thái Bình			
5500	18A-509.58	Nam Định	7100	18A-491.29	Nam Định			
5501	18A-510.28	Nam Định	7101	18A-505.15	Nam Định			
5502	18C-176.56	Nam Định	7102	18A-505.59	Nam Định			
5503	18C-177.25	Nam Định	7103	18A-506.26	Nam Định			
5504	18C-178.19	Nam Định	7104	18B-032.98	Nam Định			
5505	18C-178.65	Nam Định	7105	18C-178.15	Nam Định			
5506	19A-731.35	Phú Thọ	7106	18C-178.98	Nam Định			
5507	19A-741.83	Phú Thọ	7107	18C-180.98	Nam Định			
5508	19A-744.06	Phú Thọ	7108	18C-182.56	Nam Định			
5509	19A-747.25	Phú Thọ	7109	18D-015.38	Nam Định			
5510	19A-748.28	Phú Thọ	7110	19A-720.85	Phú Thọ			
5511	19B-031.09	Phú Thọ	7111	19A-729.19	Phú Thọ			
5512	19C-264.25	Phú Thọ	7112	19A-729.65	Phú Thọ			
5513	19C-265.38	Phú Thọ	7113	19A-733.09	Phú Thọ			
5514	19C-269.09	Phú Thọ	7114	19A-733.25	Phú Thọ			
5515	19C-269.36	Phú Thọ	7115	19A-735.29	Phú Thọ			
5516	19C-278.83	Phú Thọ	7116	19A-737.96	Phú Thọ			
5517	19C-279.85	Phú Thọ	7117	19A-742.06	Phú Thọ			
5518	19D-019.59	Phú Thọ	7118	19B-029.59	Phú Thọ			
5519	20A-865.63	Thái Nguyên	7119	19C-269.29	Phú Thọ			
5520	20A-869.16	Thái Nguyên	7120	19C-275.15	Phú Thọ			
5521	20A-875.36	Thái Nguyên	7121	19C-276.58	Phú Thọ			
5522	20A-883.65	Thái Nguyên	7122	19D-021.83	Phú Thọ			
5523	20A-886.15	Thái Nguyên	7123	20A-862.59	Thái Nguyên			
5524	20A-894.16	Thái Nguyên	7124	20A-868.29	Thái Nguyên			
5525	20A-895.19	Thái Nguyên	7125	20A-872.85	Thái Nguyên			
5526	20A-900.25	Thái Nguyên	7126	20A-877.38	Thái Nguyên			
5527	20A-900.85	Thái Nguyên	7127	20A-879.56	Thái Nguyên			
5528	20B-035.65	Thái Nguyên	7128	20A-882.65	Thái Nguyên			
5529	20B-037.85	Thái Nguyên	7129	20A-882.85	Thái Nguyên			
5530	20B-038.26	Thái Nguyên	7130	20A-883.16	Thái Nguyên			
5531	20C-314.95	Thái Nguyên	7131	20A-887.59	Thái Nguyên			
5532	20C-316.08	Thái Nguyên	7132	20A-889.36	Thái Nguyên			
5533	20D-032.15	Thái Nguyên	7133	20A-891.38	Thái Nguyên			
5534	20D-032.18	Thái Nguyên	7134	20A-901.63	Thái Nguyên			
5535	21A-223.56	Yên Bái	7135	20A-902.28	Thái Nguyên			
5536	21B-014.56	Yên Bái	7136	20A-902.63	Thái Nguyên			
5537	21C-115.63	Yên Bái	7137	20A-903.59	Thái Nguyên			
5538	21D-007.83	Yên Bái	7138	20A-903.96	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	22A-271.38	Tuyên Quang	7139	20A-905.96	Thái Nguyên			
5540	22A-274.28	Tuyên Quang	7140	20C-315.36	Thái Nguyên			
5541	22A-276.65	Tuyên Quang	7141	20C-318.25	Thái Nguyên			
5542	22A-277.25	Tuyên Quang	7142	20C-319.58	Thái Nguyên			
5543	22C-117.19	Tuyên Quang	7143	20C-321.59	Thái Nguyên			
5544	22C-118.65	Tuyên Quang	7144	20D-033.29	Thái Nguyên			
5545	22D-011.98	Tuyên Quang	7145	20D-035.06	Thái Nguyên			
5546	23A-164.56	Hà Giang	7146	21A-229.65	Yên Bái			
5547	23B-011.36	Hà Giang	7147	21A-231.28	Yên Bái			
5548	23B-012.28	Hà Giang	7148	21A-232.09	Yên Bái			
5549	24A-324.38	Lào Cai	7149	21C-115.95	Yên Bái			
5550	24C-168.35	Lào Cai	7150	21D-007.98	Yên Bái			
5551	24C-168.36	Lào Cai	7151	22A-276.35	Tuyên Quang			
5552	25A-086.36	Lai Châu	7152	22A-282.38	Tuyên Quang			
5553	25B-009.19	Lai Châu	7153	22B-017.59	Tuyên Quang			
5554	25C-062.65	Lai Châu	7154	23A-164.35	Hà Giang			
5555	25D-008.38	Lai Châu	7155	23A-168.35	Hà Giang			
5556	25D-009.28	Lai Châu	7156	23B-011.06	Hà Giang			
5557	25D-010.09	Lai Châu	7157	23C-093.08	Hà Giang			
5558	26A-246.29	Sơn La	7158	23D-011.06	Hà Giang			
5559	26B-021.36	Sơn La	7159	24A-320.25	Lào Cai			
5560	26D-016.25	Sơn La	7160	24B-021.38	Lào Cai			
5561	27A-128.85	Điện Biên	7161	24C-167.95	Lào Cai			
5562	27A-130.15	Điện Biên	7162	24C-169.65	Lào Cai			
5563	27A-130.98	Điện Biên	7163	24C-171.06	Lào Cai			
5564	27A-131.36	Điện Biên	7164	24D-011.38	Lào Cai			
5565	27C-074.25	Điện Biên	7165	24D-012.15	Lào Cai			
5566	27D-008.58	Điện Biên	7166	25A-086.98	Lai Châu			
5567	28A-259.56	Hòa Bình	7167	25B-010.96	Lai Châu			
5568	28A-261.18	Hòa Bình	7168	25D-009.26	Lai Châu			
5569	28A-261.63	Hòa Bình	7169	26A-236.38	Sơn La			
5570	28A-262.83	Hòa Bình	7170	26A-239.16	Sơn La			
5571	28A-271.25	Hòa Bình	7171	26A-239.59	Sơn La			
5572	28B-018.09	Hòa Bình	7172	26A-246.08	Sơn La			
5573	28B-018.15	Hòa Bình	7173	26B-020.59	Sơn La			
5574	28C-123.19	Hòa Bình	7174	26B-021.15	Sơn La			
5575	28C-125.08	Hòa Bình	7175	26C-165.95	Sơn La			
5576	28D-012.56	Hòa Bình	7176	26C-165.96	Sơn La			
5577	28D-012.98	Hòa Bình	7177	26C-166.15	Sơn La			
5578	28D-014.16	Hòa Bình	7178	27A-134.06	Điện Biên			
5579	28D-014.85	Hòa Bình	7179	27B-015.95	Điện Biên			

Đ 1 4
 CÔNG
 ĐẤU
 HỢP C
 VIỆT
 XUA

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	29D-626.59	Hà Nội	7180	27C-076.19	Điện Biên			
5581	29D-629.19	Hà Nội	7181	27C-077.25	Điện Biên			
5582	29D-629.56	Hà Nội	7182	27D-008.65	Điện Biên			
5583	29D-630.38	Hà Nội	7183	28A-266.83	Hòa Bình			
5584	29D-631.83	Hà Nội	7184	28A-267.25	Hòa Bình			
5585	29D-633.15	Hà Nội	7185	28D-012.28	Hòa Bình			
5586	29D-635.09	Hà Nội	7186	29B-659.28	Hà Nội			
5587	29D-638.28	Hà Nội	7187	29D-633.95	Hà Nội			
5588	29D-640.19	Hà Nội	7188	29D-638.65	Hà Nội			
5589	29K-328.59	Hà Nội	7189	29K-332.29	Hà Nội			
5590	29K-330.19	Hà Nội	7190	29K-340.36	Hà Nội			
5591	29K-347.19	Hà Nội	7191	29K-343.56	Hà Nội			
5592	29K-350.36	Hà Nội	7192	29K-343.95	Hà Nội			
5593	29K-353.29	Hà Nội	7193	29K-344.95	Hà Nội			
5594	29K-363.08	Hà Nội	7194	29K-346.63	Hà Nội			
5595	29K-363.25	Hà Nội	7195	29K-357.06	Hà Nội			
5596	29K-371.29	Hà Nội	7196	29K-359.25	Hà Nội			
5597	29K-373.18	Hà Nội	7197	29K-362.08	Hà Nội			
5598	29K-376.09	Hà Nội	7198	29K-362.95	Hà Nội			
5599	29K-377.35	Hà Nội	7199	29K-366.29	Hà Nội			
5600	29K-383.56	Hà Nội	7200	29K-369.59	Hà Nội			
5601	29K-386.06	Hà Nội	7201	29K-376.08	Hà Nội			
5602	29K-387.35	Hà Nội	7202	29K-381.58	Hà Nội			
5603	29K-394.85	Hà Nội	7203	29K-385.95	Hà Nội			
5604	29K-399.06	Hà Nội	7204	29K-390.18	Hà Nội			
5605	29K-400.98	Hà Nội	7205	29K-391.58	Hà Nội			
5606	29K-405.08	Hà Nội	7206	29K-395.56	Hà Nội			
5607	29K-409.25	Hà Nội	7207	29K-418.26	Hà Nội			
5608	29K-421.16	Hà Nội	7208	29K-419.16	Hà Nội			
5609	29K-427.15	Hà Nội	7209	29K-425.18	Hà Nội			
5610	29K-427.16	Hà Nội	7210	29K-425.85	Hà Nội			
5611	29K-433.98	Hà Nội	7211	29K-430.28	Hà Nội			
5612	29K-434.26	Hà Nội	7212	29K-433.06	Hà Nội			
5613	29K-449.08	Hà Nội	7213	29K-436.09	Hà Nội			
5614	29K-450.59	Hà Nội	7214	29K-437.15	Hà Nội			
5615	29K-460.16	Hà Nội	7215	29K-438.59	Hà Nội			
5616	29K-462.16	Hà Nội	7216	29K-446.85	Hà Nội			
5617	29K-464.83	Hà Nội	7217	29K-447.28	Hà Nội			
5618	29K-466.06	Hà Nội	7218	29K-447.56	Hà Nội			
5619	29K-468.83	Hà Nội	7219	29K-454.08	Hà Nội			
5620	29K-472.95	Hà Nội	7220	29K-455.95	Hà Nội			

T.Y.
 I.A.
 NH
 AM
 - T.P.H.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5621	30M-037.56	Hà Nội	7221	29K-458.98	Hà Nội			
5622	30M-038.36	Hà Nội	7222	29K-462.83	Hà Nội			
5623	30M-040.19	Hà Nội	7223	29K-469.16	Hà Nội			
5624	30M-050.26	Hà Nội	7224	29K-476.35	Hà Nội			
5625	30M-051.28	Hà Nội	7225	30M-038.59	Hà Nội			
5626	30M-052.83	Hà Nội	7226	30M-044.98	Hà Nội			
5627	30M-056.09	Hà Nội	7227	30M-045.15	Hà Nội			
5628	30M-059.19	Hà Nội	7228	30M-046.59	Hà Nội			
5629	30M-065.35	Hà Nội	7229	30M-048.28	Hà Nội			
5630	30M-075.59	Hà Nội	7230	30M-048.29	Hà Nội			
5631	30M-078.28	Hà Nội	7231	30M-062.19	Hà Nội			
5632	30M-081.96	Hà Nội	7232	30M-066.59	Hà Nội			
5633	30M-084.19	Hà Nội	7233	30M-068.83	Hà Nội			
5634	30M-086.96	Hà Nội	7234	30M-070.38	Hà Nội			
5635	30M-091.29	Hà Nội	7235	30M-074.06	Hà Nội			
5636	30M-092.96	Hà Nội	7236	30M-075.26	Hà Nội			
5637	30M-093.83	Hà Nội	7237	30M-076.19	Hà Nội			
5638	30M-095.58	Hà Nội	7238	30M-078.63	Hà Nội			
5639	30M-096.28	Hà Nội	7239	30M-083.95	Hà Nội			
5640	30M-102.15	Hà Nội	7240	30M-085.29	Hà Nội			
5641	30M-105.18	Hà Nội	7241	30M-087.58	Hà Nội			
5642	30M-110.26	Hà Nội	7242	30M-090.35	Hà Nội			
5643	30M-113.35	Hà Nội	7243	30M-093.36	Hà Nội			
5644	30M-121.15	Hà Nội	7244	30M-097.25	Hà Nội			
5645	30M-128.18	Hà Nội	7245	30M-097.65	Hà Nội			
5646	30M-131.06	Hà Nội	7246	30M-098.56	Hà Nội			
5647	30M-131.26	Hà Nội	7247	30M-108.38	Hà Nội			
5648	30M-132.06	Hà Nội	7248	30M-110.19	Hà Nội			
5649	30M-155.28	Hà Nội	7249	30M-116.59	Hà Nội			
5650	30M-172.59	Hà Nội	7250	30M-128.85	Hà Nội			
5651	30M-173.15	Hà Nội	7251	30M-146.98	Hà Nội			
5652	30M-174.29	Hà Nội	7252	30M-149.36	Hà Nội			
5653	30M-175.65	Hà Nội	7253	30M-151.25	Hà Nội			
5654	30M-181.16	Hà Nội	7254	30M-164.58	Hà Nội			
5655	30M-181.35	Hà Nội	7255	30M-167.35	Hà Nội			
5656	30M-182.36	Hà Nội	7256	30M-168.59	Hà Nội			
5657	30M-182.65	Hà Nội	7257	30M-172.18	Hà Nội			
5658	30M-186.95	Hà Nội	7258	30M-176.65	Hà Nội			
5659	30M-193.26	Hà Nội	7259	30M-177.63	Hà Nội			
5660	30M-202.96	Hà Nội	7260	30M-178.28	Hà Nội			
5661	30M-203.58	Hà Nội	7261	30M-180.56	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	30M-205.08	Hà Nội	7262	30M-181.15	Hà Nội			
5663	30M-221.63	Hà Nội	7263	30M-181.29	Hà Nội			
5664	30M-225.06	Hà Nội	7264	30M-218.25	Hà Nội			
5665	30M-231.26	Hà Nội	7265	30M-223.25	Hà Nội			
5666	30M-235.15	Hà Nội	7266	30M-238.85	Hà Nội			
5667	30M-236.18	Hà Nội	7267	30M-239.65	Hà Nội			
5668	30M-236.96	Hà Nội	7268	30M-239.83	Hà Nội			
5669	30M-237.59	Hà Nội	7269	30M-244.09	Hà Nội			
5670	30M-239.59	Hà Nội	7270	30M-246.83	Hà Nội			
5671	30M-243.19	Hà Nội	7271	30M-247.58	Hà Nội			
5672	30M-245.85	Hà Nội	7272	30M-252.38	Hà Nội			
5673	30M-248.26	Hà Nội	7273	30M-255.09	Hà Nội			
5674	30M-252.15	Hà Nội	7274	30M-256.63	Hà Nội			
5675	30M-253.18	Hà Nội	7275	30M-256.79	Hà Nội			
5676	30M-255.35	Hà Nội	7276	30M-260.98	Hà Nội			
5677	30M-266.15	Hà Nội	7277	30M-263.96	Hà Nội			
5678	30M-271.26	Hà Nội	7278	30M-265.09	Hà Nội			
5679	30M-273.56	Hà Nội	7279	30M-272.56	Hà Nội			
5680	30M-273.95	Hà Nội	7280	30M-276.19	Hà Nội			
5681	30M-279.26	Hà Nội	7281	30M-278.95	Hà Nội			
5682	30M-279.28	Hà Nội	7282	30M-280.38	Hà Nội			
5683	30M-279.38	Hà Nội	7283	30M-290.96	Hà Nội			
5684	30M-284.19	Hà Nội	7284	30M-294.65	Hà Nội			
5685	30M-287.65	Hà Nội	7285	30M-297.95	Hà Nội			
5686	30M-293.38	Hà Nội	7286	30M-304.06	Hà Nội			
5687	30M-298.56	Hà Nội	7287	30M-305.19	Hà Nội			
5688	30M-309.19	Hà Nội	7288	30M-309.18	Hà Nội			
5689	30M-312.18	Hà Nội	7289	30M-309.29	Hà Nội			
5690	30M-315.25	Hà Nội	7290	30M-314.63	Hà Nội			
5691	30M-319.85	Hà Nội	7291	30M-316.36	Hà Nội			
5692	30M-328.56	Hà Nội	7292	30M-318.29	Hà Nội			
5693	30M-331.15	Hà Nội	7293	30M-322.16	Hà Nội			
5694	30M-332.98	Hà Nội	7294	30M-323.15	Hà Nội			
5695	30M-336.25	Hà Nội	7295	30M-325.36	Hà Nội			
5696	30M-337.85	Hà Nội	7296	30M-328.58	Hà Nội			
5697	30M-339.19	Hà Nội	7297	30M-332.38	Hà Nội			
5698	30M-340.08	Hà Nội	7298	30M-349.65	Hà Nội			
5699	30M-343.26	Hà Nội	7299	30M-353.58	Hà Nội			
5700	30M-347.35	Hà Nội	7300	30M-353.85	Hà Nội			
5701	30M-347.63	Hà Nội	7301	30M-353.96	Hà Nội			
5702	30M-347.98	Hà Nội	7302	30M-364.38	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5703	30M-354.85	Hà Nội	7303	30M-370.19	Hà Nội			
5704	30M-360.15	Hà Nội	7304	30M-370.38	Hà Nội			
5705	30M-374.36	Hà Nội	7305	30M-370.96	Hà Nội			
5706	30M-374.96	Hà Nội	7306	30M-383.26	Hà Nội			
5707	30M-376.65	Hà Nội	7307	30M-385.56	Hà Nội			
5708	30M-380.28	Hà Nội	7308	30M-391.35	Hà Nội			
5709	30M-385.63	Hà Nội	7309	30M-398.26	Hà Nội			
5710	30M-391.25	Hà Nội	7310	30M-401.85	Hà Nội			
5711	30M-393.96	Hà Nội	7311	30M-402.83	Hà Nội			
5712	30M-394.28	Hà Nội	7312	30M-413.08	Hà Nội			
5713	30M-396.15	Hà Nội	7313	30M-418.29	Hà Nội			
5714	30M-397.09	Hà Nội	7314	34A-920.95	Hải Dương			
5715	30M-402.28	Hà Nội	7315	34A-930.63	Hải Dương			
5716	30M-402.36	Hà Nội	7316	34A-931.28	Hải Dương			
5717	30M-417.06	Hà Nội	7317	34A-932.65	Hải Dương			
5718	34A-920.59	Hải Dương	7318	34A-933.96	Hải Dương			
5719	34A-931.36	Hải Dương	7319	34A-934.25	Hải Dương			
5720	34A-932.09	Hải Dương	7320	34A-935.28	Hải Dương			
5721	34A-932.16	Hải Dương	7321	34A-947.98	Hải Dương			
5722	34A-933.85	Hải Dương	7322	34A-962.08	Hải Dương			
5723	34A-943.36	Hải Dương	7323	34A-965.06	Hải Dương			
5724	34A-952.98	Hải Dương	7324	34A-967.19	Hải Dương			
5725	34A-954.38	Hải Dương	7325	34A-973.08	Hải Dương			
5726	34A-972.85	Hải Dương	7326	34B-044.25	Hải Dương			
5727	34A-976.83	Hải Dương	7327	34C-438.63	Hải Dương			
5728	34A-976.85	Hải Dương	7328	34C-440.16	Hải Dương			
5729	34C-433.19	Hải Dương	7329	34C-441.38	Hải Dương			
5730	34C-446.36	Hải Dương	7330	34C-442.28	Hải Dương			
5731	34C-448.38	Hải Dương	7331	34C-442.85	Hải Dương			
5732	34D-041.06	Hải Dương	7332	34C-442.96	Hải Dương			
5733	34D-041.96	Hải Dương	7333	34C-445.08	Hải Dương			
5734	35A-465.19	Ninh Bình	7334	34C-446.08	Hải Dương			
5735	35A-466.65	Ninh Bình	7335	34C-446.95	Hải Dương			
5736	35A-470.16	Ninh Bình	7336	34C-451.29	Hải Dương			
5737	35A-470.83	Ninh Bình	7337	34D-040.56	Hải Dương			
5738	35A-472.19	Ninh Bình	7338	35A-463.95	Ninh Bình			
5739	35A-472.25	Ninh Bình	7339	35A-468.09	Ninh Bình			
5740	35A-473.95	Ninh Bình	7340	35A-469.38	Ninh Bình			
5741	35C-182.16	Ninh Bình	7341	35A-478.56	Ninh Bình			
5742	36B-047.59	Thanh Hóa	7342	35A-480.96	Ninh Bình			
5743	36B-048.85	Thanh Hóa	7343	35A-483.08	Ninh Bình			

: 4
ĐNG
ẤU
P D
Ệ T
XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	36C-548.38	Thanh Hóa	7344	35B-023.19	Ninh Bình			
5745	36C-552.85	Thanh Hóa	7345	35C-180.29	Ninh Bình			
5746	36C-556.09	Thanh Hóa	7346	36C-549.19	Thanh Hóa			
5747	36C-557.38	Thanh Hóa	7347	36C-560.19	Thanh Hóa			
5748	36C-564.96	Thanh Hóa	7348	36C-562.98	Thanh Hóa			
5749	36C-571.18	Thanh Hóa	7349	36C-568.18	Thanh Hóa			
5750	36C-574.15	Thanh Hóa	7350	36C-574.35	Thanh Hóa			
5751	36C-575.16	Thanh Hóa	7351	36C-575.28	Thanh Hóa			
5752	36C-580.95	Thanh Hóa	7352	36C-578.09	Thanh Hóa			
5753	36K-230.98	Thanh Hóa	7353	36C-578.98	Thanh Hóa			
5754	36K-231.28	Thanh Hóa	7354	36C-579.63	Thanh Hóa			
5755	36K-234.09	Thanh Hóa	7355	36C-580.36	Thanh Hóa			
5756	36K-236.96	Thanh Hóa	7356	36C-581.09	Thanh Hóa			
5757	36K-240.36	Thanh Hóa	7357	36C-581.25	Thanh Hóa			
5758	36K-241.25	Thanh Hóa	7358	36K-230.38	Thanh Hóa			
5759	36K-242.58	Thanh Hóa	7359	36K-234.65	Thanh Hóa			
5760	36K-242.83	Thanh Hóa	7360	36K-238.58	Thanh Hóa			
5761	36K-246.18	Thanh Hóa	7361	36K-242.26	Thanh Hóa			
5762	36K-246.58	Thanh Hóa	7362	36K-250.19	Thanh Hóa			
5763	36K-264.59	Thanh Hóa	7363	36K-250.36	Thanh Hóa			
5764	36K-265.08	Thanh Hóa	7364	36K-251.65	Thanh Hóa			
5765	36K-269.85	Thanh Hóa	7365	36K-257.35	Thanh Hóa			
5766	36K-271.15	Thanh Hóa	7366	36K-261.28	Thanh Hóa			
5767	36K-274.59	Thanh Hóa	7367	36K-273.58	Thanh Hóa			
5768	36K-276.06	Thanh Hóa	7368	36K-274.09	Thanh Hóa			
5769	36K-282.06	Thanh Hóa	7369	36K-274.38	Thanh Hóa			
5770	36K-287.19	Thanh Hóa	7370	36K-275.65	Thanh Hóa			
5771	36K-290.28	Thanh Hóa	7371	36K-277.29	Thanh Hóa			
5772	36K-295.65	Thanh Hóa	7372	36K-284.38	Thanh Hóa			
5773	36K-306.29	Thanh Hóa	7373	36K-288.58	Thanh Hóa			
5774	37B-046.56	Nghệ An	7374	36K-288.59	Thanh Hóa			
5775	37B-048.63	Nghệ An	7375	36K-289.19	Thanh Hóa			
5776	37C-571.58	Nghệ An	7376	36K-289.59	Thanh Hóa			
5777	37C-573.06	Nghệ An	7377	36K-290.95	Thanh Hóa			
5778	37C-575.98	Nghệ An	7378	36K-291.06	Thanh Hóa			
5779	37C-580.18	Nghệ An	7379	36K-294.06	Thanh Hóa			
5780	37C-586.19	Nghệ An	7380	36K-297.15	Thanh Hóa			
5781	37C-587.19	Nghệ An	7381	36K-300.25	Thanh Hóa			
5782	37C-589.29	Nghệ An	7382	37B-049.06	Nghệ An			
5783	37C-589.36	Nghệ An	7383	37B-049.65	Nghệ An			
5784	37C-592.08	Nghệ An	7384	37B-049.95	Nghệ An			

C.
 I.
 NH
 AM
 - T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	37C-592.18	Nghệ An	7385	37C-573.16	Nghệ An			
5786	37C-592.56	Nghệ An	7386	37C-573.65	Nghệ An			
5787	37C-597.19	Nghệ An	7387	37C-579.85	Nghệ An			
5788	37K-482.65	Nghệ An	7388	37C-588.18	Nghệ An			
5789	37K-493.38	Nghệ An	7389	37C-588.25	Nghệ An			
5790	37K-501.35	Nghệ An	7390	37C-590.63	Nghệ An			
5791	37K-502.35	Nghệ An	7391	37C-591.65	Nghệ An			
5792	37K-506.19	Nghệ An	7392	37C-595.38	Nghệ An			
5793	37K-508.25	Nghệ An	7393	37C-595.83	Nghệ An			
5794	37K-509.35	Nghệ An	7394	37C-596.85	Nghệ An			
5795	37K-510.29	Nghệ An	7395	37K-482.16	Nghệ An			
5796	37K-513.98	Nghệ An	7396	37K-484.58	Nghệ An			
5797	37K-514.25	Nghệ An	7397	37K-493.85	Nghệ An			
5798	37K-521.59	Nghệ An	7398	37K-503.25	Nghệ An			
5799	37K-524.06	Nghệ An	7399	37K-511.95	Nghệ An			
5800	37K-524.65	Nghệ An	7400	37K-513.06	Nghệ An			
5801	37K-525.08	Nghệ An	7401	37K-520.58	Nghệ An			
5802	37K-535.95	Nghệ An	7402	37K-521.35	Nghệ An			
5803	37K-536.85	Nghệ An	7403	37K-527.09	Nghệ An			
5804	37K-539.85	Nghệ An	7404	37K-530.56	Nghệ An			
5805	37K-544.38	Nghệ An	7405	37K-530.85	Nghệ An			
5806	37K-557.36	Nghệ An	7406	37K-533.83	Nghệ An			
5807	37K-561.19	Nghệ An	7407	37K-546.35	Nghệ An			
5808	37K-564.85	Nghệ An	7408	37K-548.36	Nghệ An			
5809	37K-570.58	Nghệ An	7409	37K-548.96	Nghệ An			
5810	37K-571.65	Nghệ An	7410	37K-554.18	Nghệ An			
5811	38A-684.29	Hà Tĩnh	7411	37K-559.18	Nghệ An			
5812	38A-687.06	Hà Tĩnh	7412	37K-560.85	Nghệ An			
5813	38A-695.28	Hà Tĩnh	7413	37K-561.59	Nghệ An			
5814	38A-696.29	Hà Tĩnh	7414	37K-562.85	Nghệ An			
5815	38A-702.65	Hà Tĩnh	7415	37K-572.18	Nghệ An			
5816	38A-703.63	Hà Tĩnh	7416	38A-679.95	Hà Tĩnh			
5817	38A-707.16	Hà Tĩnh	7417	38A-680.06	Hà Tĩnh			
5818	38C-245.95	Hà Tĩnh	7418	38A-680.56	Hà Tĩnh			
5819	38C-246.85	Hà Tĩnh	7419	38A-684.09	Hà Tĩnh			
5820	38C-249.09	Hà Tĩnh	7420	38A-688.58	Hà Tĩnh			
5821	38C-252.35	Hà Tĩnh	7421	38A-695.16	Hà Tĩnh			
5822	38D-020.08	Hà Tĩnh	7422	38A-697.06	Hà Tĩnh			
5823	38D-021.35	Hà Tĩnh	7423	38A-699.59	Hà Tĩnh			
5824	43A-942.36	Đà Nẵng	7424	38A-700.08	Hà Tĩnh			
5825	43A-944.98	Đà Nẵng	7425	38A-701.96	Hà Tĩnh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	43A-952.83	Đà Nẵng	7426	38A-702.26	Hà Tĩnh			
5827	43A-954.38	Đà Nẵng	7427	38A-702.95	Hà Tĩnh			
5828	43A-960.56	Đà Nẵng	7428	38A-709.18	Hà Tĩnh			
5829	43A-964.06	Đà Nẵng	7429	38B-024.35	Hà Tĩnh			
5830	43A-965.25	Đà Nẵng	7430	38B-024.65	Hà Tĩnh			
5831	43A-966.35	Đà Nẵng	7431	38C-246.58	Hà Tĩnh			
5832	43A-969.85	Đà Nẵng	7432	38C-246.59	Hà Tĩnh			
5833	43A-971.08	Đà Nẵng	7433	38C-247.09	Hà Tĩnh			
5834	43A-972.98	Đà Nẵng	7434	38C-249.38	Hà Tĩnh			
5835	43B-066.36	Đà Nẵng	7435	38D-021.29	Hà Tĩnh			
5836	43B-066.38	Đà Nẵng	7436	43A-942.18	Đà Nẵng			
5837	43D-012.08	Đà Nẵng	7437	43A-945.56	Đà Nẵng			
5838	43D-012.28	Đà Nẵng	7438	43A-948.08	Đà Nẵng			
5839	43D-013.85	Đà Nẵng	7439	43A-953.09	Đà Nẵng			
5840	47A-819.58	Đắk Lắk	7440	43A-959.36	Đà Nẵng			
5841	47A-829.09	Đắk Lắk	7441	43A-959.63	Đà Nẵng			
5842	47A-832.35	Đắk Lắk	7442	43A-960.25	Đà Nẵng			
5843	47A-833.28	Đắk Lắk	7443	43A-961.29	Đà Nẵng			
5844	47A-834.29	Đắk Lắk	7444	43A-962.08	Đà Nẵng			
5845	47A-837.28	Đắk Lắk	7445	43A-967.35	Đà Nẵng			
5846	47A-838.56	Đắk Lắk	7446	43A-973.19	Đà Nẵng			
5847	47A-843.98	Đắk Lắk	7447	43A-973.95	Đà Nẵng			
5848	47A-859.35	Đắk Lắk	7448	43A-974.83	Đà Nẵng			
5849	47C-400.08	Đắk Lắk	7449	43A-975.09	Đà Nẵng			
5850	47C-407.63	Đắk Lắk	7450	43A-978.63	Đà Nẵng			
5851	47C-417.28	Đắk Lắk	7451	43B-066.18	Đà Nẵng			
5852	47C-422.16	Đắk Lắk	7452	43C-316.59	Đà Nẵng			
5853	47D-018.96	Đắk Lắk	7453	43C-317.19	Đà Nẵng			
5854	47D-021.56	Đắk Lắk	7454	43C-324.09	Đà Nẵng			
5855	47D-024.56	Đắk Lắk	7455	43C-324.36	Đà Nẵng			
5856	48A-248.65	Đắk Nông	7456	43D-014.06	Đà Nẵng			
5857	48B-014.29	Đắk Nông	7457	43D-014.96	Đà Nẵng			
5858	48C-117.59	Đắk Nông	7458	47A-818.38	Đắk Lắk			
5859	48C-118.38	Đắk Nông	7459	47A-840.96	Đắk Lắk			
5860	49A-748.36	Lâm Đồng	7460	47A-852.16	Đắk Lắk			
5861	49A-755.65	Lâm Đồng	7461	47A-853.98	Đắk Lắk			
5862	49A-756.36	Lâm Đồng	7462	47A-857.63	Đắk Lắk			
5863	49A-770.08	Lâm Đồng	7463	47A-860.16	Đắk Lắk			
5864	49A-772.35	Lâm Đồng	7464	47A-863.26	Đắk Lắk			
5865	49A-772.65	Lâm Đồng	7465	47B-042.96	Đắk Lắk			
5866	49A-775.36	Lâm Đồng	7466	47C-402.65	Đắk Lắk			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	49A-776.28	Lâm Đồng	7467	47C-403.98	Đắk Lắk			
5868	49C-386.06	Lâm Đồng	7468	47C-405.28	Đắk Lắk			
5869	49C-393.15	Lâm Đồng	7469	47C-411.35	Đắk Lắk			
5870	49C-398.63	Lâm Đồng	7470	47C-419.38	Đắk Lắk			
5871	49D-015.19	Lâm Đồng	7471	47C-420.36	Đắk Lắk			
5872	49D-016.65	Lâm Đồng	7472	48B-016.63	Đắk Nông			
5873	51E-343.36	Hồ Chí Minh	7473	48C-117.38	Đắk Nông			
5874	51E-345.25	Hồ Chí Minh	7474	48C-117.65	Đắk Nông			
5875	51E-348.19	Hồ Chí Minh	7475	48D-008.59	Đắk Nông			
5876	51E-353.83	Hồ Chí Minh	7476	49A-750.65	Lâm Đồng			
5877	51L-910.63	Hồ Chí Minh	7477	49A-755.95	Lâm Đồng			
5878	51L-914.83	Hồ Chí Minh	7478	49A-756.26	Lâm Đồng			
5879	51L-916.38	Hồ Chí Minh	7479	49A-766.08	Lâm Đồng			
5880	51L-921.83	Hồ Chí Minh	7480	49A-771.16	Lâm Đồng			
5881	51L-934.96	Hồ Chí Minh	7481	49A-779.56	Lâm Đồng			
5882	51L-940.63	Hồ Chí Minh	7482	49B-032.98	Lâm Đồng			
5883	51L-947.35	Hồ Chí Minh	7483	49C-383.09	Lâm Đồng			
5884	51L-951.35	Hồ Chí Minh	7484	49C-383.65	Lâm Đồng			
5885	51L-953.29	Hồ Chí Minh	7485	49C-384.08	Lâm Đồng			
5886	51L-962.58	Hồ Chí Minh	7486	49C-391.85	Lâm Đồng			
5887	51L-963.19	Hồ Chí Minh	7487	49C-399.65	Lâm Đồng			
5888	51L-968.98	Hồ Chí Minh	7488	49C-400.08	Lâm Đồng			
5889	51L-970.63	Hồ Chí Minh	7489	51E-346.35	Hồ Chí Minh			
5890	51L-972.65	Hồ Chí Minh	7490	51L-898.06	Hồ Chí Minh			
5891	51L-974.09	Hồ Chí Minh	7491	51L-902.16	Hồ Chí Minh			
5892	51L-975.25	Hồ Chí Minh	7492	51L-911.29	Hồ Chí Minh			
5893	51L-981.16	Hồ Chí Minh	7493	51L-913.59	Hồ Chí Minh			
5894	51L-981.59	Hồ Chí Minh	7494	51L-915.56	Hồ Chí Minh			
5895	51L-983.85	Hồ Chí Minh	7495	51L-917.56	Hồ Chí Minh			
5896	51L-987.83	Hồ Chí Minh	7496	51L-920.26	Hồ Chí Minh			
5897	51L-989.59	Hồ Chí Minh	7497	51L-921.28	Hồ Chí Minh			
5898	51L-990.96	Hồ Chí Minh	7498	51L-928.08	Hồ Chí Minh			
5899	51L-991.83	Hồ Chí Minh	7499	51L-934.09	Hồ Chí Minh			
5900	51L-994.08	Hồ Chí Minh	7500	51L-942.29	Hồ Chí Minh			
5901	51L-996.25	Hồ Chí Minh	7501	51L-946.38	Hồ Chí Minh			
5902	51M-058.25	Hồ Chí Minh	7502	51L-953.83	Hồ Chí Minh			
5903	51M-059.29	Hồ Chí Minh	7503	51L-955.19	Hồ Chí Minh			
5904	51M-066.56	Hồ Chí Minh	7504	51L-955.35	Hồ Chí Minh			
5905	51M-072.28	Hồ Chí Minh	7505	51L-955.83	Hồ Chí Minh			
5906	51M-076.18	Hồ Chí Minh	7506	51L-957.65	Hồ Chí Minh			
5907	51M-076.26	Hồ Chí Minh	7507	51L-958.28	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	51M-091.15	Hồ Chí Minh	7508	51L-958.65	Hồ Chí Minh			
5909	51M-100.85	Hồ Chí Minh	7509	51L-966.09	Hồ Chí Minh			
5910	51M-115.85	Hồ Chí Minh	7510	51L-968.65	Hồ Chí Minh			
5911	51M-117.95	Hồ Chí Minh	7511	51L-970.28	Hồ Chí Minh			
5912	51M-118.06	Hồ Chí Minh	7512	51L-972.36	Hồ Chí Minh			
5913	51M-118.59	Hồ Chí Minh	7513	51L-973.06	Hồ Chí Minh			
5914	51M-123.18	Hồ Chí Minh	7514	51L-977.28	Hồ Chí Minh			
5915	51M-124.65	Hồ Chí Minh	7515	51L-986.36	Hồ Chí Minh			
5916	51M-137.09	Hồ Chí Minh	7516	51L-989.36	Hồ Chí Minh			
5917	51M-139.09	Hồ Chí Minh	7517	51M-054.19	Hồ Chí Minh			
5918	51M-139.18	Hồ Chí Minh	7518	51M-056.98	Hồ Chí Minh			
5919	51M-150.18	Hồ Chí Minh	7519	51M-066.25	Hồ Chí Minh			
5920	51M-150.96	Hồ Chí Minh	7520	51M-068.63	Hồ Chí Minh			
5921	51M-152.18	Hồ Chí Minh	7521	51M-071.16	Hồ Chí Minh			
5922	51M-152.85	Hồ Chí Minh	7522	51M-072.95	Hồ Chí Minh			
5923	51M-165.95	Hồ Chí Minh	7523	51M-076.85	Hồ Chí Minh			
5924	51M-171.18	Hồ Chí Minh	7524	51M-076.95	Hồ Chí Minh			
5925	51M-171.35	Hồ Chí Minh	7525	51M-080.16	Hồ Chí Minh			
5926	51M-173.95	Hồ Chí Minh	7526	51M-083.16	Hồ Chí Minh			
5927	51M-180.65	Hồ Chí Minh	7527	51M-084.56	Hồ Chí Minh			
5928	51M-188.08	Hồ Chí Minh	7528	51M-086.19	Hồ Chí Minh			
5929	51M-189.06	Hồ Chí Minh	7529	51M-093.29	Hồ Chí Minh			
5930	51M-195.29	Hồ Chí Minh	7530	51M-101.95	Hồ Chí Minh			
5931	51M-198.95	Hồ Chí Minh	7531	51M-103.59	Hồ Chí Minh			
5932	51M-200.16	Hồ Chí Minh	7532	51M-104.26	Hồ Chí Minh			
5933	51M-208.06	Hồ Chí Minh	7533	51M-108.63	Hồ Chí Minh			
5934	51M-209.59	Hồ Chí Minh	7534	51M-118.08	Hồ Chí Minh			
5935	51M-210.09	Hồ Chí Minh	7535	51M-120.18	Hồ Chí Minh			
5936	51M-211.28	Hồ Chí Minh	7536	51M-122.96	Hồ Chí Minh			
5937	51M-212.25	Hồ Chí Minh	7537	51M-125.95	Hồ Chí Minh			
5938	51M-219.06	Hồ Chí Minh	7538	51M-126.18	Hồ Chí Minh			
5939	51M-220.58	Hồ Chí Minh	7539	51M-129.15	Hồ Chí Minh			
5940	51M-223.16	Hồ Chí Minh	7540	51M-131.58	Hồ Chí Minh			
5941	51M-224.38	Hồ Chí Minh	7541	51M-135.25	Hồ Chí Minh			
5942	51M-227.59	Hồ Chí Minh	7542	51M-137.83	Hồ Chí Minh			
5943	51M-237.26	Hồ Chí Minh	7543	51M-152.16	Hồ Chí Minh			
5944	51M-240.59	Hồ Chí Minh	7544	51M-154.98	Hồ Chí Minh			
5945	51M-246.98	Hồ Chí Minh	7545	51M-155.09	Hồ Chí Minh			
5946	51M-259.63	Hồ Chí Minh	7546	51M-160.59	Hồ Chí Minh			
5947	51M-264.15	Hồ Chí Minh	7547	51M-165.09	Hồ Chí Minh			
5948	51M-270.25	Hồ Chí Minh	7548	51M-167.98	Hồ Chí Minh			

Y
Á
VH
M
T.P.H

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	51M-271.06	Hồ Chí Minh	7549	51M-168.83	Hồ Chí Minh			
5950	51M-271.19	Hồ Chí Minh	7550	51M-174.19	Hồ Chí Minh			
5951	51M-276.19	Hồ Chí Minh	7551	51M-175.35	Hồ Chí Minh			
5952	51M-278.06	Hồ Chí Minh	7552	51M-180.28	Hồ Chí Minh			
5953	51M-296.09	Hồ Chí Minh	7553	51M-186.58	Hồ Chí Minh			
5954	51M-300.58	Hồ Chí Minh	7554	51M-189.58	Hồ Chí Minh			
5955	51M-301.18	Hồ Chí Minh	7555	51M-196.83	Hồ Chí Minh			
5956	51M-303.19	Hồ Chí Minh	7556	51M-197.56	Hồ Chí Minh			
5957	51N-001.29	Hồ Chí Minh	7557	51M-198.09	Hồ Chí Minh			
5958	51N-001.59	Hồ Chí Minh	7558	51M-202.59	Hồ Chí Minh			
5959	51N-003.16	Hồ Chí Minh	7559	51M-203.56	Hồ Chí Minh			
5960	51N-008.18	Hồ Chí Minh	7560	51M-206.19	Hồ Chí Minh			
5961	51N-018.26	Hồ Chí Minh	7561	51M-212.96	Hồ Chí Minh			
5962	51N-021.28	Hồ Chí Minh	7562	51M-218.59	Hồ Chí Minh			
5963	51N-021.63	Hồ Chí Minh	7563	51M-239.09	Hồ Chí Minh			
5964	51N-023.15	Hồ Chí Minh	7564	51M-242.63	Hồ Chí Minh			
5965	51N-031.25	Hồ Chí Minh	7565	51M-250.06	Hồ Chí Minh			
5966	51N-031.56	Hồ Chí Minh	7566	51M-255.09	Hồ Chí Minh			
5967	51N-033.29	Hồ Chí Minh	7567	51M-255.26	Hồ Chí Minh			
5968	51N-042.56	Hồ Chí Minh	7568	51M-255.29	Hồ Chí Minh			
5969	51N-044.25	Hồ Chí Minh	7569	51M-268.38	Hồ Chí Minh			
5970	51N-048.15	Hồ Chí Minh	7570	51M-269.59	Hồ Chí Minh			
5971	51N-057.38	Hồ Chí Minh	7571	51M-271.26	Hồ Chí Minh			
5972	51N-060.19	Hồ Chí Minh	7572	51M-274.06	Hồ Chí Minh			
5973	51N-069.63	Hồ Chí Minh	7573	51M-274.18	Hồ Chí Minh			
5974	51N-074.98	Hồ Chí Minh	7574	51M-278.09	Hồ Chí Minh			
5975	51N-086.58	Hồ Chí Minh	7575	51M-281.56	Hồ Chí Minh			
5976	51N-095.18	Hồ Chí Minh	7576	51M-287.98	Hồ Chí Minh			
5977	51N-098.59	Hồ Chí Minh	7577	51M-288.08	Hồ Chí Minh			
5978	51N-100.38	Hồ Chí Minh	7578	51M-299.59	Hồ Chí Minh			
5979	51N-101.26	Hồ Chí Minh	7579	51M-299.85	Hồ Chí Minh			
5980	51N-106.26	Hồ Chí Minh	7580	51M-305.36	Hồ Chí Minh			
5981	51N-108.56	Hồ Chí Minh	7581	51M-306.19	Hồ Chí Minh			
5982	51N-114.18	Hồ Chí Minh	7582	51M-310.09	Hồ Chí Minh			
5983	51N-114.95	Hồ Chí Minh	7583	51N-006.29	Hồ Chí Minh			
5984	51N-115.35	Hồ Chí Minh	7584	51N-006.56	Hồ Chí Minh			
5985	51N-116.85	Hồ Chí Minh	7585	51N-007.98	Hồ Chí Minh			
5986	51N-117.25	Hồ Chí Minh	7586	51N-008.25	Hồ Chí Minh			
5987	51N-120.38	Hồ Chí Minh	7587	51N-009.95	Hồ Chí Minh			
5988	51N-123.36	Hồ Chí Minh	7588	51N-012.06	Hồ Chí Minh			
5989	51N-129.36	Hồ Chí Minh	7589	51N-014.96	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	51N-132.83	Hồ Chí Minh	7590	51N-015.08	Hồ Chí Minh			
5991	51N-133.56	Hồ Chí Minh	7591	51N-015.25	Hồ Chí Minh			
5992	51N-135.56	Hồ Chí Minh	7592	51N-016.35	Hồ Chí Minh			
5993	51N-135.83	Hồ Chí Minh	7593	51N-019.35	Hồ Chí Minh			
5994	51N-137.83	Hồ Chí Minh	7594	51N-019.38	Hồ Chí Minh			
5995	51N-138.36	Hồ Chí Minh	7595	51N-026.35	Hồ Chí Minh			
5996	51N-139.63	Hồ Chí Minh	7596	51N-027.63	Hồ Chí Minh			
5997	51N-140.98	Hồ Chí Minh	7597	51N-028.16	Hồ Chí Minh			
5998	51N-142.16	Hồ Chí Minh	7598	51N-030.63	Hồ Chí Minh			
5999	51N-146.56	Hồ Chí Minh	7599	51N-033.58	Hồ Chí Minh			
6000	51N-150.85	Hồ Chí Minh	7600	51N-037.26	Hồ Chí Minh			
6001	51N-151.06	Hồ Chí Minh	7601	51N-037.83	Hồ Chí Minh			
6002	51N-155.18	Hồ Chí Minh	7602	51N-042.59	Hồ Chí Minh			
6003	60C-756.38	Đồng Nai	7603	51N-043.19	Hồ Chí Minh			
6004	60C-759.29	Đồng Nai	7604	51N-044.08	Hồ Chí Minh			
6005	60C-766.16	Đồng Nai	7605	51N-052.83	Hồ Chí Minh			
6006	60C-768.96	Đồng Nai	7606	51N-054.83	Hồ Chí Minh			
6007	60C-769.63	Đồng Nai	7607	51N-060.63	Hồ Chí Minh			
6008	60C-773.63	Đồng Nai	7608	51N-061.19	Hồ Chí Minh			
6009	60C-775.18	Đồng Nai	7609	51N-064.36	Hồ Chí Minh			
6010	60C-778.08	Đồng Nai	7610	51N-064.63	Hồ Chí Minh			
6011	60C-778.96	Đồng Nai	7611	51N-067.25	Hồ Chí Minh			
6012	60C-779.38	Đồng Nai	7612	51N-069.35	Hồ Chí Minh			
6013	60C-783.08	Đồng Nai	7613	51N-071.83	Hồ Chí Minh			
6014	60C-784.06	Đồng Nai	7614	51N-073.26	Hồ Chí Minh			
6015	60C-784.59	Đồng Nai	7615	51N-077.06	Hồ Chí Minh			
6016	60C-788.36	Đồng Nai	7616	51N-082.19	Hồ Chí Minh			
6017	60C-789.63	Đồng Nai	7617	51N-083.19	Hồ Chí Minh			
6018	60D-023.38	Đồng Nai	7618	51N-086.95	Hồ Chí Minh			
6019	60K-621.18	Đồng Nai	7619	51N-090.83	Hồ Chí Minh			
6020	60K-633.56	Đồng Nai	7620	51N-104.28	Hồ Chí Minh			
6021	60K-637.98	Đồng Nai	7621	51N-116.35	Hồ Chí Minh			
6022	60K-642.35	Đồng Nai	7622	51N-118.59	Hồ Chí Minh			
6023	60K-643.63	Đồng Nai	7623	51N-122.06	Hồ Chí Minh			
6024	60K-647.63	Đồng Nai	7624	51N-124.63	Hồ Chí Minh			
6025	60K-652.63	Đồng Nai	7625	51N-131.18	Hồ Chí Minh			
6026	60K-659.63	Đồng Nai	7626	51N-137.18	Hồ Chí Minh			
6027	60K-660.18	Đồng Nai	7627	51N-138.19	Hồ Chí Minh			
6028	60K-661.65	Đồng Nai	7628	51N-141.65	Hồ Chí Minh			
6029	60K-675.58	Đồng Nai	7629	51N-149.58	Hồ Chí Minh			
6030	60K-676.09	Đồng Nai	7630	60B-081.26	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	60K-676.19	Đồng Nai	7631	60C-757.36	Đồng Nai			
6032	60K-681.35	Đồng Nai	7632	60C-759.25	Đồng Nai			
6033	60K-681.58	Đồng Nai	7633	60C-764.58	Đồng Nai			
6034	60K-682.19	Đồng Nai	7634	60C-768.38	Đồng Nai			
6035	60K-686.08	Đồng Nai	7635	60C-770.95	Đồng Nai			
6036	60K-687.98	Đồng Nai	7636	60C-770.98	Đồng Nai			
6037	60K-691.28	Đồng Nai	7637	60C-780.36	Đồng Nai			
6038	60K-695.83	Đồng Nai	7638	60C-789.56	Đồng Nai			
6039	60K-695.85	Đồng Nai	7639	60C-791.95	Đồng Nai			
6040	61B-044.96	Bình Dương	7640	60C-792.56	Đồng Nai			
6041	61C-611.09	Bình Dương	7641	60D-025.16	Đồng Nai			
6042	61C-612.26	Bình Dương	7642	60K-625.85	Đồng Nai			
6043	61C-614.95	Bình Dương	7643	60K-626.06	Đồng Nai			
6044	61C-615.36	Bình Dương	7644	60K-631.06	Đồng Nai			
6045	61C-615.63	Bình Dương	7645	60K-634.29	Đồng Nai			
6046	61C-616.19	Bình Dương	7646	60K-636.35	Đồng Nai			
6047	61C-617.56	Bình Dương	7647	60K-643.35	Đồng Nai			
6048	61C-617.83	Bình Dương	7648	60K-644.83	Đồng Nai			
6049	61C-621.06	Bình Dương	7649	60K-646.83	Đồng Nai			
6050	61C-627.08	Bình Dương	7650	60K-649.26	Đồng Nai			
6051	61C-629.65	Bình Dương	7651	60K-655.25	Đồng Nai			
6052	61C-637.65	Bình Dương	7652	60K-656.63	Đồng Nai			
6053	61K-521.95	Bình Dương	7653	60K-660.19	Đồng Nai			
6054	61K-523.35	Bình Dương	7654	60K-669.85	Đồng Nai			
6055	61K-524.06	Bình Dương	7655	60K-671.06	Đồng Nai			
6056	61K-530.59	Bình Dương	7656	60K-673.59	Đồng Nai			
6057	61K-533.06	Bình Dương	7657	60K-673.98	Đồng Nai			
6058	61K-533.09	Bình Dương	7658	60K-676.35	Đồng Nai			
6059	61K-535.65	Bình Dương	7659	60K-681.29	Đồng Nai			
6060	61K-542.63	Bình Dương	7660	60K-695.28	Đồng Nai			
6061	61K-573.95	Bình Dương	7661	60K-700.15	Đồng Nai			
6062	61K-588.83	Bình Dương	7662	60K-701.19	Đồng Nai			
6063	61K-588.98	Bình Dương	7663	61B-044.36	Bình Dương			
6064	61K-589.06	Bình Dương	7664	61B-046.56	Bình Dương			
6065	61K-589.29	Bình Dương	7665	61C-616.35	Bình Dương			
6066	61K-589.56	Bình Dương	7666	61C-616.98	Bình Dương			
6067	61K-593.38	Bình Dương	7667	61C-619.08	Bình Dương			
6068	61K-598.36	Bình Dương	7668	61C-623.09	Bình Dương			
6069	62A-473.56	Long An	7669	61C-624.09	Bình Dương			
6070	62A-482.63	Long An	7670	61C-626.08	Bình Dương			
6071	62A-489.63	Long An	7671	61C-626.35	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	62A-493.08	Long An	7672	61C-631.85	Bình Dương			
6073	62A-494.15	Long An	7673	61C-634.96	Bình Dương			
6074	62B-033.63	Long An	7674	61C-639.26	Bình Dương			
6075	62B-033.96	Long An	7675	61C-639.98	Bình Dương			
6076	62C-219.58	Long An	7676	61C-641.58	Bình Dương			
6077	63A-324.65	Tiền Giang	7677	61C-642.63	Bình Dương			
6078	63A-330.98	Tiền Giang	7678	61C-643.15	Bình Dương			
6079	63C-232.29	Tiền Giang	7679	61D-022.58	Bình Dương			
6080	63C-232.38	Tiền Giang	7680	61D-024.06	Bình Dương			
6081	63C-237.36	Tiền Giang	7681	61D-026.09	Bình Dương			
6082	63D-014.08	Tiền Giang	7682	61K-526.35	Bình Dương			
6083	63D-015.35	Tiền Giang	7683	61K-530.26	Bình Dương			
6084	64A-203.56	Vĩnh Long	7684	61K-536.98	Bình Dương			
6085	64A-204.98	Vĩnh Long	7685	61K-547.36	Bình Dương			
6086	64A-206.16	Vĩnh Long	7686	61K-559.65	Bình Dương			
6087	64A-208.65	Vĩnh Long	7687	61K-567.59	Bình Dương			
6088	64B-019.58	Vĩnh Long	7688	61K-579.06	Bình Dương			
6089	65A-526.19	Cần Thơ	7689	61K-579.95	Bình Dương			
6090	65A-534.59	Cần Thơ	7690	61K-580.56	Bình Dương			
6091	65A-535.08	Cần Thơ	7691	61K-583.96	Bình Dương			
6092	65B-025.19	Cần Thơ	7692	61K-586.09	Bình Dương			
6093	65B-027.35	Cần Thơ	7693	61K-586.59	Bình Dương			
6094	65C-250.56	Cần Thơ	7694	61K-587.35	Bình Dương			
6095	65C-256.18	Cần Thơ	7695	61K-589.95	Bình Dương			
6096	65C-265.09	Cần Thơ	7696	61K-592.83	Bình Dương			
6097	65D-010.63	Cần Thơ	7697	61K-592.98	Bình Dương			
6098	66A-302.59	Đồng Tháp	7698	62A-481.16	Long An			
6099	66A-302.95	Đồng Tháp	7699	62A-484.25	Long An			
6100	66A-308.06	Đồng Tháp	7700	62A-487.06	Long An			
6101	66A-312.98	Đồng Tháp	7701	62A-488.15	Long An			
6102	66A-315.38	Đồng Tháp	7702	62A-491.63	Long An			
6103	66A-317.58	Đồng Tháp	7703	62A-493.83	Long An			
6104	66B-024.19	Đồng Tháp	7704	62B-032.16	Long An			
6105	66D-014.85	Đồng Tháp	7705	62C-222.95	Long An			
6106	67A-338.26	An Giang	7706	62C-226.36	Long An			
6107	67A-339.85	An Giang	7707	62D-018.09	Long An			
6108	67A-341.29	An Giang	7708	63A-326.65	Tiền Giang			
6109	67A-343.26	An Giang	7709	63A-327.06	Tiền Giang			
6110	67A-344.95	An Giang	7710	63A-331.29	Tiền Giang			
6111	67B-034.08	An Giang	7711	63A-332.06	Tiền Giang			
6112	67C-191.15	An Giang	7712	63A-332.35	Tiền Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	67C-192.83	An Giang	7713	63A-333.96	Tiền Giang			
6114	67C-193.29	An Giang	7714	63B-036.25	Tiền Giang			
6115	67D-011.18	An Giang	7715	63C-229.06	Tiền Giang			
6116	68A-365.28	Kiên Giang	7716	63C-230.56	Tiền Giang			
6117	68A-370.09	Kiên Giang	7717	63C-233.28	Tiền Giang			
6118	68A-370.16	Kiên Giang	7718	63C-235.63	Tiền Giang			
6119	68A-377.06	Kiên Giang	7719	63C-237.65	Tiền Giang			
6120	68C-178.15	Kiên Giang	7720	63C-240.25	Tiền Giang			
6121	68C-179.56	Kiên Giang	7721	63C-240.56	Tiền Giang			
6122	68C-180.85	Kiên Giang	7722	64A-210.56	Vĩnh Long			
6123	68C-184.19	Kiên Giang	7723	64A-214.09	Vĩnh Long			
6124	68D-009.98	Kiên Giang	7724	64C-135.95	Vĩnh Long			
6125	68D-010.56	Kiên Giang	7725	64C-139.63	Vĩnh Long			
6126	69A-169.26	Cà Mau	7726	64D-006.96	Vĩnh Long			
6127	69A-159.69	Cà Mau	7727	64D-007.98	Vĩnh Long			
6128	69B-015.19	Cà Mau	7728	64D-008.26	Vĩnh Long			
6129	69C-104.38	Cà Mau	7729	65A-516.19	Cần Thơ			
6130	70A-587.95	Tây Ninh	7730	65A-522.98	Cần Thơ			
6131	70A-593.25	Tây Ninh	7731	65A-531.19	Cần Thơ			
6132	70A-596.29	Tây Ninh	7732	65A-534.58	Cần Thơ			
6133	70A-604.63	Tây Ninh	7733	65C-256.19	Cần Thơ			
6134	70A-607.29	Tây Ninh	7734	65C-261.58	Cần Thơ			
6135	70B-034.98	Tây Ninh	7735	65C-273.18	Cần Thơ			
6136	70C-213.98	Tây Ninh	7736	65C-278.38	Cần Thơ			
6137	70C-214.38	Tây Ninh	7737	66A-317.96	Đồng Tháp			
6138	70D-012.35	Tây Ninh	7738	66C-184.15	Đồng Tháp			
6139	71A-212.85	Bến Tre	7739	66C-187.06	Đồng Tháp			
6140	71A-219.59	Bến Tre	7740	66C-187.36	Đồng Tháp			
6141	71A-223.08	Bến Tre	7741	66D-013.65	Đồng Tháp			
6142	71B-023.06	Bến Tre	7742	66D-014.65	Đồng Tháp			
6143	71C-134.26	Bến Tre	7743	67A-328.98	An Giang			
6144	71C-134.36	Bến Tre	7744	67A-329.38	An Giang			
6145	71C-135.83	Bến Tre	7745	67A-331.65	An Giang			
6146	71D-007.65	Bến Tre	7746	67A-345.35	An Giang			
6147	72A-858.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	7747	67B-032.83	An Giang			
6148	72A-868.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	7748	67C-190.85	An Giang			
6149	72A-873.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	7749	67C-196.26	An Giang			
6150	72A-875.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	7750	67C-197.85	An Giang			
6151	72A-875.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7751	68A-367.65	Kiên Giang			
6152	72A-878.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7752	68A-370.15	Kiên Giang			
6153	72B-046.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7753	68A-373.85	Kiên Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	72B-046.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	7754	68A-375.38	Kiên Giang			
6155	72B-049.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7755	68A-376.16	Kiên Giang			
6156	72C-265.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7756	68A-381.65	Kiên Giang			
6157	72C-268.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	7757	68B-034.98	Kiên Giang			
6158	72C-276.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7758	68C-179.58	Kiên Giang			
6159	72C-279.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7759	68C-181.29	Kiên Giang			
6160	72C-280.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	7760	68C-183.25	Kiên Giang			
6161	72D-013.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	7761	68C-184.58	Kiên Giang			
6162	72D-016.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	7762	68C-185.16	Kiên Giang			
6163	73A-371.16	Quảng Bình	7763	68D-007.58	Kiên Giang			
6164	73A-374.38	Quảng Bình	7764	69A-170.85	Cà Mau			
6165	73A-381.63	Quảng Bình	7765	69A-172.35	Cà Mau			
6166	73B-017.95	Quảng Bình	7766	69B-015.08	Cà Mau			
6167	73B-018.06	Quảng Bình	7767	69B-015.65	Cà Mau			
6168	73B-019.15	Quảng Bình	7768	69B-015.96	Cà Mau			
6169	73B-020.63	Quảng Bình	7769	69C-105.25	Cà Mau			
6170	73C-198.16	Quảng Bình	7770	69C-105.36	Cà Mau			
6171	73D-009.65	Quảng Bình	7771	70A-586.38	Tây Ninh			
6172	73D-011.18	Quảng Bình	7772	70A-589.65	Tây Ninh			
6173	73D-011.26	Quảng Bình	7773	70A-592.98	Tây Ninh			
6174	74A-279.38	Quảng Trị	7774	70A-594.35	Tây Ninh			
6175	74B-019.09	Quảng Trị	7775	70A-595.29	Tây Ninh			
6176	74B-019.83	Quảng Trị	7776	70A-602.58	Tây Ninh			
6177	74C-145.95	Quảng Trị	7777	70A-602.85	Tây Ninh			
6178	74D-013.96	Quảng Trị	7778	70C-214.83	Tây Ninh			
6179	74D-014.09	Quảng Trị	7779	70C-215.09	Tây Ninh			
6180	75A-389.28	Thừa Thiên Huế	7780	70C-216.25	Tây Ninh			
6181	75A-390.98	Thừa Thiên Huế	7781	70C-216.95	Tây Ninh			
6182	75A-398.96	Thừa Thiên Huế	7782	70D-012.15	Tây Ninh			
6183	75A-399.85	Thừa Thiên Huế	7783	70D-012.98	Tây Ninh			
6184	75A-400.38	Thừa Thiên Huế	7784	70D-014.19	Tây Ninh			
6185	75A-401.25	Thừa Thiên Huế	7785	71A-216.83	Bến Tre			
6186	75B-031.59	Thừa Thiên Huế	7786	71A-218.58	Bến Tre			
6187	75B-031.85	Thừa Thiên Huế	7787	71A-223.26	Bến Tre			
6188	75B-032.29	Thừa Thiên Huế	7788	71A-223.65	Bến Tre			
6189	75C-160.36	Thừa Thiên Huế	7789	71D-006.98	Bến Tre			
6190	75C-163.15	Thừa Thiên Huế	7790	72A-849.59	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6191	75C-164.56	Thừa Thiên Huế	7791	72A-850.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6192	76A-324.06	Quảng Ngãi	7792	72A-855.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6193	76A-324.83	Quảng Ngãi	7793	72A-857.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6194	76A-324.95	Quảng Ngãi	7794	72A-859.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6195	76A-325.06	Quảng Ngãi	7795	72A-865.36	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6196	76A-329.26	Quảng Ngãi	7796	72A-870.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6197	76A-330.26	Quảng Ngãi	7797	72A-870.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6198	76A-332.63	Quảng Ngãi	7798	72B-047.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6199	76A-334.29	Quảng Ngãi	7799	72C-267.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6200	76A-335.16	Quảng Ngãi	7800	72C-280.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6201	76A-335.59	Quảng Ngãi	7801	73A-373.83	Quảng Bình			
6202	76B-028.85	Quảng Ngãi	7802	73A-375.16	Quảng Bình			
6203	76C-178.25	Quảng Ngãi	7803	73A-375.26	Quảng Bình			
6204	76C-178.95	Quảng Ngãi	7804	73A-376.95	Quảng Bình			
6205	76D-013.36	Quảng Ngãi	7805	73A-380.63	Quảng Bình			
6206	77A-357.36	Bình Định	7806	73A-380.95	Quảng Bình			
6207	77A-366.18	Bình Định	7807	73A-381.25	Quảng Bình			
6208	77A-367.95	Bình Định	7808	73A-381.65	Quảng Bình			
6209	77B-037.63	Bình Định	7809	73A-382.95	Quảng Bình			
6210	77B-038.85	Bình Định	7810	73A-383.28	Quảng Bình			
6211	77C-264.83	Bình Định	7811	73B-017.26	Quảng Bình			
6212	77D-009.19	Bình Định	7812	73C-191.65	Quảng Bình			
6213	77D-010.58	Bình Định	7813	73C-195.15	Quảng Bình			
6214	78A-226.29	Phú Yên	7814	73C-197.15	Quảng Bình			
6215	78B-019.06	Phú Yên	7815	73D-010.25	Quảng Bình			
6216	78B-021.25	Phú Yên	7816	73D-010.95	Quảng Bình			
6217	78C-127.63	Phú Yên	7817	74A-277.96	Quảng Trị			
6218	78C-128.83	Phú Yên	7818	74A-278.83	Quảng Trị			
6219	78D-009.08	Phú Yên	7819	74A-281.06	Quảng Trị			
6220	79A-569.18	Khánh Hòa	7820	74A-281.36	Quảng Trị			
6221	79A-572.98	Khánh Hòa	7821	74A-283.19	Quảng Trị			
6222	79A-581.16	Khánh Hòa	7822	74B-019.16	Quảng Trị			
6223	79A-587.19	Khánh Hòa	7823	74C-144.96	Quảng Trị			
6224	79A-587.28	Khánh Hòa	7824	74C-145.35	Quảng Trị			
6225	79A-589.95	Khánh Hòa	7825	74C-148.18	Quảng Trị			
6226	79A-590.65	Khánh Hòa	7826	74C-148.36	Quảng Trị			
6227	79C-228.59	Khánh Hòa	7827	74C-148.83	Quảng Trị			
6228	79C-233.98	Khánh Hòa	7828	74C-148.85	Quảng Trị			
6229	79C-234.25	Khánh Hòa	7829	74D-012.85	Quảng Trị			
6230	81A-461.15	Gia Lai	7830	75A-390.25	Thừa Thiên Huế			
6231	81A-463.26	Gia Lai	7831	75A-396.59	Thừa Thiên Huế			
6232	81A-463.59	Gia Lai	7832	75A-400.18	Thừa Thiên Huế			
6233	81A-469.85	Gia Lai	7833	75B-029.98	Thừa Thiên Huế			
6234	81A-476.19	Gia Lai	7834	75B-030.96	Thừa Thiên Huế			
6235	81C-287.26	Gia Lai	7835	75B-031.16	Thừa Thiên Huế			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6236	81C-297.18	Gia Lai	7836	75C-157.25	Thừa Thiên Huế			
6237	81D-017.15	Gia Lai	7837	76A-326.29	Quảng Ngãi			
6238	82A-161.25	Kon Tum	7838	76A-330.16	Quảng Ngãi			
6239	82A-162.18	Kon Tum	7839	77A-356.59	Bình Định			
6240	82A-162.98	Kon Tum	7840	77A-360.16	Bình Định			
6241	82A-164.29	Kon Tum	7841	77A-368.09	Bình Định			
6242	82B-022.26	Kon Tum	7842	77A-371.25	Bình Định			
6243	83A-193.29	Sóc Trăng	7843	77C-262.18	Bình Định			
6244	83A-193.56	Sóc Trăng	7844	77D-010.56	Bình Định			
6245	83A-193.58	Sóc Trăng	7845	78A-218.06	Phú Yên			
6246	83A-196.06	Sóc Trăng	7846	78A-218.36	Phú Yên			
6247	83B-025.28	Sóc Trăng	7847	78A-219.63	Phú Yên			
6248	83D-009.25	Sóc Trăng	7848	78A-221.08	Phú Yên			
6249	83D-009.85	Sóc Trăng	7849	78B-018.59	Phú Yên			
6250	84C-127.08	Trà Vinh	7850	78C-127.36	Phú Yên			
6251	84C-128.26	Trà Vinh	7851	78C-129.63	Phú Yên			
6252	84D-006.25	Trà Vinh	7852	78D-008.83	Phú Yên			
6253	85A-148.36	Ninh Thuận	7853	78D-009.15	Phú Yên			
6254	85A-148.83	Ninh Thuận	7854	79A-571.15	Khánh Hòa			
6255	85A-149.59	Ninh Thuận	7855	79A-571.28	Khánh Hòa			
6256	85B-017.65	Ninh Thuận	7856	79A-572.26	Khánh Hòa			
6257	85D-008.63	Ninh Thuận	7857	79A-585.09	Khánh Hòa			
6258	85D-009.25	Ninh Thuận	7858	79A-586.36	Khánh Hòa			
6259	85D-009.63	Ninh Thuận	7859	79A-589.65	Khánh Hòa			
6260	86A-320.63	Bình Thuận	7860	79B-043.58	Khánh Hòa			
6261	86A-322.08	Bình Thuận	7861	79B-044.65	Khánh Hòa			
6262	86A-322.29	Bình Thuận	7862	79C-235.19	Khánh Hòa			
6263	86A-326.25	Bình Thuận	7863	79D-011.35	Khánh Hòa			
6264	86A-327.65	Bình Thuận	7864	81A-458.56	Gia Lai			
6265	86A-328.95	Bình Thuận	7865	81A-458.98	Gia Lai			
6266	86A-331.08	Bình Thuận	7866	81A-459.28	Gia Lai			
6267	86A-332.35	Bình Thuận	7867	81A-461.96	Gia Lai			
6268	86B-027.95	Bình Thuận	7868	81A-468.35	Gia Lai			
6269	86C-209.85	Bình Thuận	7869	81A-470.28	Gia Lai			
6270	86C-217.09	Bình Thuận	7870	81A-476.28	Gia Lai			
6271	86D-006.83	Bình Thuận	7871	81A-477.16	Gia Lai			
6272	86D-008.59	Bình Thuận	7872	81A-479.38	Gia Lai			
6273	86D-009.85	Bình Thuận	7873	81B-028.58	Gia Lai			
6274	88A-788.15	Vĩnh Phúc	7874	81C-286.18	Gia Lai			
6275	88A-788.16	Vĩnh Phúc	7875	81C-294.65	Gia Lai			
6276	88A-802.35	Vĩnh Phúc	7876	81D-015.18	Gia Lai			

17
TY
GIÁ
ANH
IAM
-T.P.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	88A-805.95	Vĩnh Phúc	7877	81D-015.36	Gia Lai			
6278	88A-824.19	Vĩnh Phúc	7878	81D-016.65	Gia Lai			
6279	88A-824.63	Vĩnh Phúc	7879	81D-016.85	Gia Lai			
6280	88B-022.15	Vĩnh Phúc	7880	82C-096.59	Kon Tum			
6281	88B-022.63	Vĩnh Phúc	7881	82D-013.08	Kon Tum			
6282	88B-023.35	Vĩnh Phúc	7882	84A-147.63	Trà Vinh			
6283	88B-024.36	Vĩnh Phúc	7883	84A-149.35	Trà Vinh			
6284	88B-024.63	Vĩnh Phúc	7884	84A-150.08	Trà Vinh			
6285	88C-313.06	Vĩnh Phúc	7885	84C-125.36	Trà Vinh			
6286	88C-317.83	Vĩnh Phúc	7886	84C-128.36	Trà Vinh			
6287	88C-319.28	Vĩnh Phúc	7887	84D-005.56	Trà Vinh			
6288	88C-323.06	Vĩnh Phúc	7888	84D-008.36	Trà Vinh			
6289	88D-023.29	Vĩnh Phúc	7889	85A-151.26	Ninh Thuận			
6290	89A-537.28	Hưng Yên	7890	86A-322.65	Bình Thuận			
6291	89A-540.25	Hưng Yên	7891	86A-326.09	Bình Thuận			
6292	89A-544.28	Hưng Yên	7892	86A-329.85	Bình Thuận			
6293	89A-556.06	Hưng Yên	7893	86A-332.83	Bình Thuận			
6294	89A-568.15	Hưng Yên	7894	86B-026.59	Bình Thuận			
6295	89C-345.58	Hưng Yên	7895	86B-027.19	Bình Thuận			
6296	89C-345.85	Hưng Yên	7896	86B-028.09	Bình Thuận			
6297	89C-345.98	Hưng Yên	7897	86C-209.56	Bình Thuận			
6298	89C-347.08	Hưng Yên	7898	86C-211.59	Bình Thuận			
6299	89C-357.19	Hưng Yên	7899	86D-006.95	Bình Thuận			
6300	89D-026.25	Hưng Yên	7900	86D-008.98	Bình Thuận			
6301	90A-288.19	Hà Nam	7901	88A-800.58	Vĩnh Phúc			
6302	90A-299.08	Hà Nam	7902	88A-802.65	Vĩnh Phúc			
6303	90A-299.25	Hà Nam	7903	88A-815.06	Vĩnh Phúc			
6304	90B-013.19	Hà Nam	7904	88A-819.83	Vĩnh Phúc			
6305	90B-015.36	Hà Nam	7905	88A-821.83	Vĩnh Phúc			
6306	90C-156.28	Hà Nam	7906	88A-822.95	Vĩnh Phúc			
6307	90C-157.95	Hà Nam	7907	88A-824.09	Vĩnh Phúc			
6308	90D-012.25	Hà Nam	7908	88A-828.06	Vĩnh Phúc			
6309	92A-434.25	Quảng Nam	7909	88A-830.19	Vĩnh Phúc			
6310	92A-435.26	Quảng Nam	7910	88B-022.29	Vĩnh Phúc			
6311	92A-435.56	Quảng Nam	7911	88C-312.96	Vĩnh Phúc			
6312	92A-436.25	Quảng Nam	7912	88C-320.19	Vĩnh Phúc			
6313	92A-441.85	Quảng Nam	7913	88C-322.09	Vĩnh Phúc			
6314	92A-445.85	Quảng Nam	7914	88C-322.19	Vĩnh Phúc			
6315	92A-447.09	Quảng Nam	7915	88C-325.35	Vĩnh Phúc			
6316	92B-040.18	Quảng Nam	7916	88C-326.28	Vĩnh Phúc			
6317	92C-257.83	Quảng Nam	7917	88D-021.25	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6318	92C-259.28	Quảng Nam	7918	89A-539.65	Hưng Yên			
6319	92C-260.15	Quảng Nam	7919	89A-540.29	Hưng Yên			
6320	92C-260.38	Quảng Nam	7920	89A-540.56	Hưng Yên			
6321	92C-262.56	Quảng Nam	7921	89A-549.19	Hưng Yên			
6322	92C-265.28	Quảng Nam	7922	89A-553.26	Hưng Yên			
6323	92D-015.09	Quảng Nam	7923	89A-557.19	Hưng Yên			
6324	92D-015.19	Quảng Nam	7924	89A-562.18	Hưng Yên			
6325	93A-508.36	Bình Phước	7925	89A-565.38	Hưng Yên			
6326	93A-513.85	Bình Phước	7926	89B-025.09	Hưng Yên			
6327	93A-518.09	Bình Phước	7927	89B-025.35	Hưng Yên			
6328	93A-520.26	Bình Phước	7928	89C-348.63	Hưng Yên			
6329	93A-522.08	Bình Phước	7929	89C-349.09	Hưng Yên			
6330	93A-523.83	Bình Phước	7930	89D-024.35	Hưng Yên			
6331	93C-200.29	Bình Phước	7931	89D-026.06	Hưng Yên			
6332	93C-201.25	Bình Phước	7932	89D-026.36	Hưng Yên			
6333	93C-206.08	Bình Phước	7933	90A-289.59	Hà Nam			
6334	93C-207.19	Bình Phước	7934	90A-289.65	Hà Nam			
6335	93D-010.29	Bình Phước	7935	90A-292.35	Hà Nam			
6336	94A-109.85	Bạc Liêu	7936	90A-295.63	Hà Nam			
6337	94A-110.58	Bạc Liêu	7937	90A-296.35	Hà Nam			
6338	94A-112.06	Bạc Liêu	7938	90A-298.58	Hà Nam			
6339	94A-114.08	Bạc Liêu	7939	90B-013.83	Hà Nam			
6340	94A-114.19	Bạc Liêu	7940	90D-011.06	Hà Nam			
6341	94C-083.98	Bạc Liêu	7941	92A-442.83	Quảng Nam			
6342	94D-007.09	Bạc Liêu	7942	92A-443.18	Quảng Nam			
6343	94D-008.26	Bạc Liêu	7943	92A-448.19	Quảng Nam			
6344	95A-139.08	Hậu Giang	7944	92B-040.95	Quảng Nam			
6345	95A-140.29	Hậu Giang	7945	92C-264.85	Quảng Nam			
6346	95A-141.38	Hậu Giang	7946	92D-012.35	Quảng Nam			
6347	95A-143.63	Hậu Giang	7947	92D-012.65	Quảng Nam			
6348	95C-090.38	Hậu Giang	7948	92D-014.09	Quảng Nam			
6349	95C-093.59	Hậu Giang	7949	92D-014.25	Quảng Nam			
6350	95D-024.58	Hậu Giang	7950	93A-508.15	Bình Phước			
6351	95D-026.19	Hậu Giang	7951	93A-511.26	Bình Phước			
6352	97D-009.19	Bắc Kạn	7952	93A-517.29	Bình Phước			
6353	97D-010.19	Bắc Kạn	7953	93A-522.95	Bình Phước			
6354	98A-859.26	Bắc Giang	7954	93A-523.59	Bình Phước			
6355	98A-862.98	Bắc Giang	7955	93C-204.29	Bình Phước			
6356	98A-872.36	Bắc Giang	7956	93C-207.83	Bình Phước			
6357	98A-875.06	Bắc Giang	7957	95A-137.35	Hậu Giang			
6358	98A-875.35	Bắc Giang	7958	95A-138.26	Hậu Giang			

Đ
 CỘNG
 ĐÁI
 HỢP
 VIỆT
 H X U

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6359	98A-878.15	Bắc Giang	7959	95A-138.85	Hậu Giang			
6360	98A-879.15	Bắc Giang	7960	95A-139.09	Hậu Giang			
6361	98A-881.29	Bắc Giang	7961	95D-025.35	Hậu Giang			
6362	98A-882.65	Bắc Giang	7962	95D-026.58	Hậu Giang			
6363	98A-883.63	Bắc Giang	7963	97A-098.59	Bắc Kạn			
6364	98A-889.95	Bắc Giang	7964	97A-099.16	Bắc Kạn			
6365	98A-892.95	Bắc Giang	7965	97A-100.26	Bắc Kạn			
6366	98A-897.28	Bắc Giang	7966	97A-100.36	Bắc Kạn			
6367	98A-898.63	Bắc Giang	7967	98A-858.95	Bắc Giang			
6368	98A-905.18	Bắc Giang	7968	98A-859.56	Bắc Giang			
6369	98A-907.25	Bắc Giang	7969	98A-860.63	Bắc Giang			
6370	98A-912.26	Bắc Giang	7970	98A-875.08	Bắc Giang			
6371	98C-380.25	Bắc Giang	7971	98A-876.19	Bắc Giang			
6372	98C-386.18	Bắc Giang	7972	98A-884.63	Bắc Giang			
6373	98C-390.38	Bắc Giang	7973	98A-899.25	Bắc Giang			
6374	98C-390.96	Bắc Giang	7974	98A-911.08	Bắc Giang			
6375	98C-393.95	Bắc Giang	7975	98A-912.65	Bắc Giang			
6376	99A-853.19	Bắc Ninh	7976	98B-046.63	Bắc Giang			
6377	99A-854.06	Bắc Ninh	7977	98C-377.28	Bắc Giang			
6378	99A-854.36	Bắc Ninh	7978	98C-386.25	Bắc Giang			
6379	99A-856.08	Bắc Ninh	7979	98C-386.63	Bắc Giang			
6380	99A-858.36	Bắc Ninh	7980	98C-390.06	Bắc Giang			
6381	99A-865.25	Bắc Ninh	7981	98C-390.25	Bắc Giang			
6382	99A-870.65	Bắc Ninh	7982	98C-392.83	Bắc Giang			
6383	99A-872.26	Bắc Ninh	7983	98C-393.28	Bắc Giang			
6384	99A-873.08	Bắc Ninh	7984	98C-397.83	Bắc Giang			
6385	99A-882.63	Bắc Ninh	7985	99A-853.63	Bắc Ninh			
6386	99A-883.28	Bắc Ninh	7986	99A-853.96	Bắc Ninh			
6387	99A-883.63	Bắc Ninh	7987	99A-853.98	Bắc Ninh			
6388	99A-893.35	Bắc Ninh	7988	99A-863.19	Bắc Ninh			
6389	99A-894.83	Bắc Ninh	7989	99A-863.25	Bắc Ninh			
6390	99C-331.35	Bắc Ninh	7990	99A-865.85	Bắc Ninh			
6391	99C-332.36	Bắc Ninh	7991	99A-869.36	Bắc Ninh			
6392	99C-335.16	Bắc Ninh	7992	99A-872.59	Bắc Ninh			
6393	99C-335.83	Bắc Ninh	7993	99A-874.36	Bắc Ninh			
6394	99C-335.85	Bắc Ninh	7994	99A-878.59	Bắc Ninh			
6395	99C-336.96	Bắc Ninh	7995	99A-884.35	Bắc Ninh			
6396	99C-340.85	Bắc Ninh	7996	99A-885.19	Bắc Ninh			
6397	99C-344.09	Bắc Ninh	7997	99A-894.29	Bắc Ninh			
6398	99C-344.26	Bắc Ninh	7998	99A-896.85	Bắc Ninh			
6399	99D-026.83	Bắc Ninh	7999	99C-332.08	Bắc Ninh			

1-
 TY
 GIÁ
 ANH
 NAM
 1-1

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6400	99D-027.25	Bắc Ninh	8000	99D-026.56	Bắc Ninh			

